

160
Indoch
664

1940
NGÔ TẤT TỐ

DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •
N° 21912

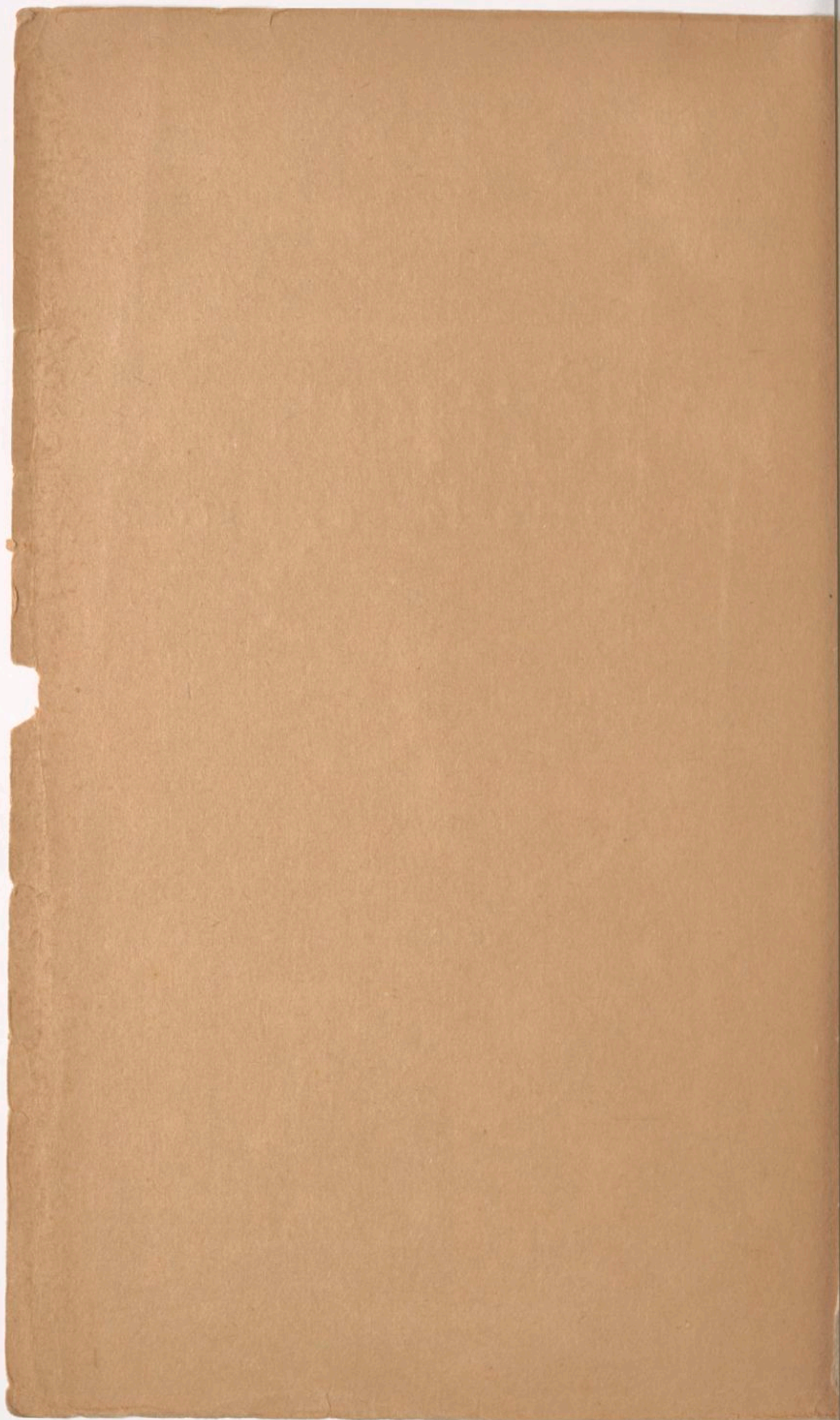
DƯ'Ò'NG THI

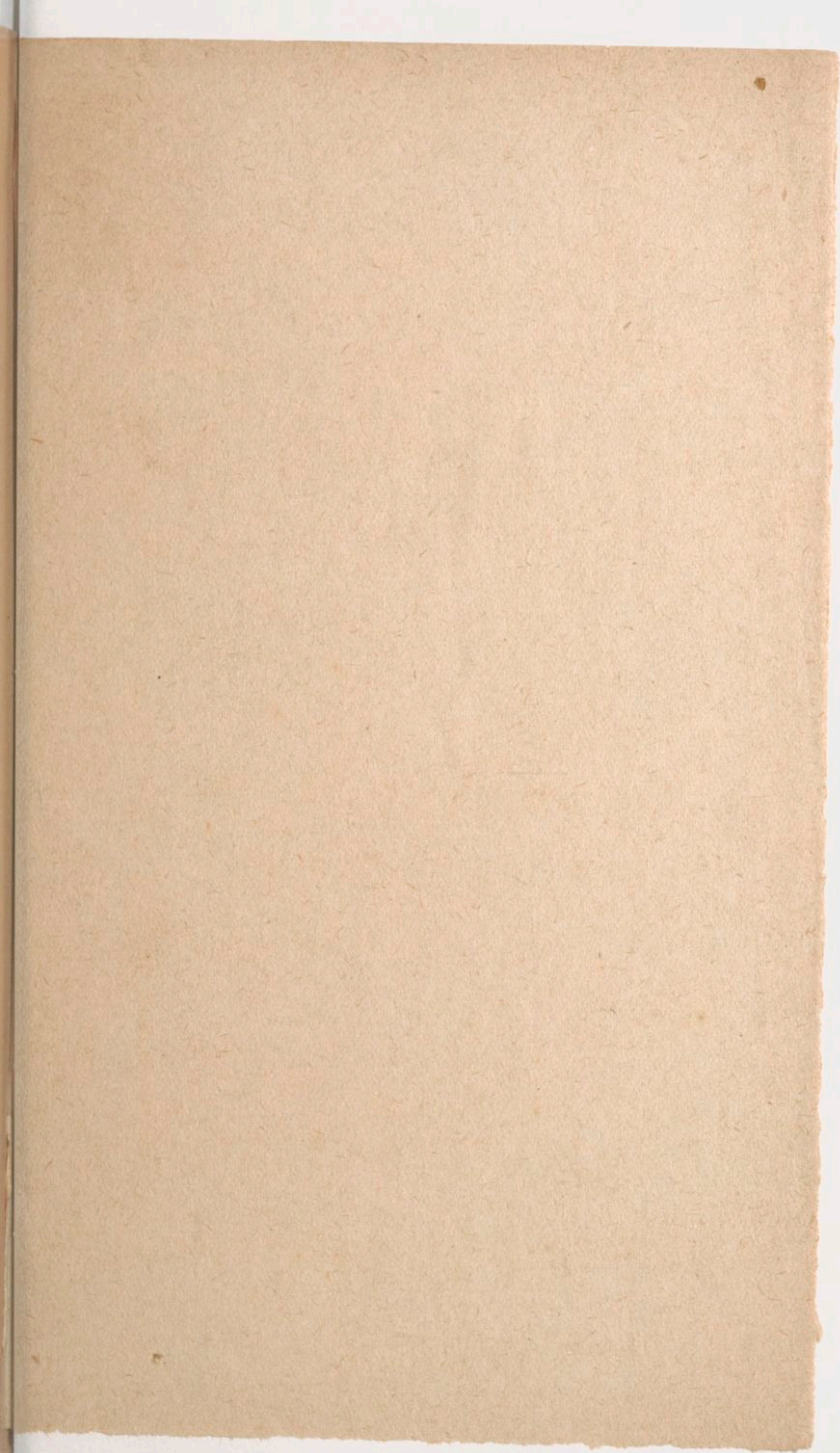
PHIÊN-DỊCH VÀ KHẢO-CỨU THƠ ĐƯỜNG



TỦ SÁCH TAO ĐÀN
NHÀ XUẤT-BAN TÂN-DÂN

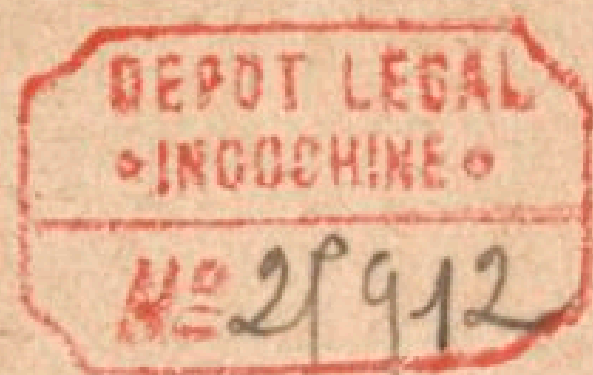
160
664







NGÔ TẤT TỐ



DU'Ò'NG THI

PHIÊN-DỊCH VÀ KHẢO CỨU THƠ ĐƯỜNG



TỦ SÁCH TAO ĐÀN
NHÀ XUẤT-BAN TÂN-DÂN

160 Indoch
664



DU'Ò'NG THI

DUONG THI

Lời nói đầu

Bên kia, súng Đức đang bắn sang mặt trận Anh-Pháp, đạn Nga đã bắt đầu rơi xuống đất Phần-lan, bên này, bom Nhật, sau khi đánh các miền Hoa-bắc, Hoa-trung, Hoa-nam, lại đã liệng xuống Nam-ninh

Ấu cũng như Á, thời-cực đang sùng-sục như nồi canh sôi, chưa biết rồi đây, máy bay, xe trận, tàu chiến sẽ đưa nhân-loại đi đến chỗ nào.

Trong lúc này, ngồi mà nghiên-cứu về thơ, nhất là nghiên-cứu về thơ của Tàu, có lẽ cũng là một việc rất không hợp thời.

Tuy vậy, chiến-tranh chỉ là việc trong thì-giờ, văn-học vẫn là truyện của mãi-mãi, dẫu nào có sự quan-hệ riêng của dẫu ấy. Người ta không nên bỏ việc thiên-cồ khi phải lo chuyện nhất-thời, tất-nhiên người ta cũng không nên vì việc chiến-tranh mà thôi nghiên-cứu văn-học.

Huống chỉ chiến-tranh còn ở đâu đâu, riêng xứ Việt-nam, vẫn còn như người không nón trong câu phong-dao, ông trời làm mưa, vẫn chưa ra cho. Chúng ta không nghe tiếng súng, không thấy bóng đạn, không ngửi hơi bom bao giờ, ai cấm chúng ta rung đùi ngâm thơ giữa lúc thế-giới lục-đục ?

Hơn nữa, trong nền văn-hóa của ta, văn-học Tàu đã chiếm đến chín phần mười yếu-tố. Mà trong những yếu-tố ấy, thơ Tàu cũng là một phần quan-trọng. Dù rằng sau này, vì sự tiến-hóa của thời-đại, những yếu-tố ấy có bị đào-thải trong nền văn-hóa của ta đi nữa, nhưng với cái lịch-sử hai nghìn năm tô vẽ xứ này, tự nó cũng có giá-trị đáng cho người ta khảo-cứu. Nếu chúng ta có đủ ngày giờ, thì cuộc khảo-cứu ấy có lẽ cũng nên bắt đầu ngay từ bây giờ. Bởi vì, lúc này, Hán-học đã tàn, tài-liệu của việc khảo-cứu đã sắp mai-một, nếu không bươi nó lên và giữ nó lại, tất-nhiên nó sẽ tiêu-diệt dần-dần.

Thế thì, mặc dầu thế-giới đương khét mùi thuốc súng, riêng với nước Việt-Nam, cuốn thơ cổ này vẫn có nhiều có chính-đáng đề ra đời, không cần biện-bạch.

Điều nên nói kỹ chỉ là điều này : Trong cái rừng thơ của Tàu đã truyền vào nền văn-hóa của ta từ trước đến giờ, còn lẫn nhiều thơ của các đời khác, sao không nói đến thơ của những đời ấy, lại chỉ nghiên-cứu về thơ đời Đường ?

Cho được giải câu hỏi đó, cần phải nhắc qua một vài điều-kiện cốt-yếu của nghề thơ.



Thơ là gì ?

Cố-nhiên nó là một món mỹ-thuật trong văn-chương. Cho được đúc nên cái mỹ-thuật ấy, phải có hai thứ nguyên-liệu : Tính-tình và cách-điệu.

Với thơ, tính-tình là phần hệ-trọng thứ nhất, dù tả tình, dù tả cảnh gì gì cũng phải có nó. Nếu không, thơ sẽ thành ra cái xác không hồn, không có gì là thú-vị. Cách-điệu tuy không hệ-trọng bằng tính-tình, nhưng cũng là phần không thể thiếu được. Đành rằng cách-điệu bó-buộc ngặt quá, tất-nhiên cái nạn gò-gấp sẽ làm cho phần tính-tình kém đi, thơ không thể nào hay được. Nhưng nếu cách-điệu phóng-túng rộng quá, thì thơ sẽ thành ra bài tản-văn, hay câu hát vè, không còn tính-cách của mỹ-thuật nữa. Xưa nay, những thơ đã được nhiều người truyền-tụng và khen là hay, tuy vẫn nhờ về tính-tình, song cũng không phải không có công của cách-điệu. Bởi vì cách-điệu tức là cái gốc sinh ra âm-hưởng, hễ mà âm-hưởng du-dương, có thể làm sướt lòng tai người nghe, ấy là đạt được mục-đích mỹ-thuật. Tôi đã từng thấy nhiều bạn tây-học không biết chữ Hán, vậy mà những lúc cao-hứng, cũng thường ngâm chơi những câu : « Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên » hay là « Bồ đào mỹ-tửu dạ quang-bôi » mặc dầu người ta vẫn không hiểu nghĩa của những câu ấy. Coi đó, đủ biết trong nghề thơ, cách-điệu cũng là một vật tối cần.

Nghề thơ của Tàu phát-đạt rất sớm và sông rất lâu. Đọc cuốn văn-học-sử của họ, người ta có thể bảo nước họ là một nước thơ, chẳng riêng gì một đời Đường mới có món mỹ-thuật ấy.

Nhưng từ đời Đường về sau, nghề thơ bị dùng làm một món văn khoa-cử. Những người làm thơ trong khoảng ấy phần nhiều phải theo đầu-đề của người khác ra cho. Cái nạn không vui mà cười, không đau mà khóc, đã làm cho thơ mất hẳn bản-tính đi rồi. Và lại, tác-giả trong những đời ấy, một đằng trọng về cổ-diễn, họ chỉ tìm những điển-tích cân-đối sắp cho thành câu, một đằng trọng về niêm-luật, họ phải gò-gập tiếng bằng tiếng trắc và chữ hạ vần cho khỏi trái với khuôn-phép, hai có quái-ác ấy lại làm cho phần tính-tình trong thơ bị mất đi nữa.

Còn trước đời Đường, cố-nhiên nghề thơ cũng đã thịnh-hành, trước kia không kể, từ đời nhà Chu đến đời nhà Hán, nhà Tấn và đời Lục-triều, ngoài bộ kinh Thi, đời nào cũng có thi-gia nổi tiếng. Nhưng mà trong những đời này, món thơ còn ở thời-kỳ phôi-thai và thời-kỳ chỉnh-đốn, phần tính-tình tuy rất dồi-dào, song phần cách-diệu hãì còn sơ-sài. Số thơ được có âm-hưởng du-dương, chỉ thuộc về số rất ít.

Cho nên, muốn tìm những thơ hoàn-toàn, xứng-đáng với tiếng mỹ-thuật, chỉ có thơ của đời Đường.

Bởi vì thơ trong đời này, chưa bị ghép vào số văn khoa-cử, người làm thơ chỉ là cao-hứng làm chơi, không phải do sự ép-uông, không có cái nạn câu-nệ

gò-bó như các nhà thơ đời sau, cho nên cái phần tính-tình chưa mất. Lại nhờ về sự trải-chuốt dần-dần trong hai nghìn năm trước đó, thơ của đời này, về chữ và câu đã có trật-tự, cách-điệu rất tinh-vi, chứ không lộn-sộn như các đời trước.

Vì thế mà ở Tàu, trong khi bàn đến chuyện thơ, người ta chỉ nói nhiều về thơ Đường, ít khi bàn đến thơ Hán, thơ Tấn, thơ Tống, thơ Minh... Và lúc truyền vào trong nền văn-hóa của ta, thơ Đường cũng vẫn chiếm phần ưu-thắng.

Cho nên, muốn đề lại một mớ tài-liệu cho công-cuộc khảo-cứu về cái nguồn-gốc thi-ca của nước nhà, tự-nhiên phải kể thơ Đường trước nhất.

*
* *

Cũng như thơ của các đời khác, thơ Đường đại-khái chia ra hai loại : một loại mỗi câu năm chữ gọi là ngũ-ngôn, một loại nữa gọi là thất-ngôn, mỗi câu thường có bảy chữ.

Trong hai loại đó, mỗi loại lại có ba thể : Cồ-phong, Tuyết-cú và Luật-thi.

Nói về hình-thức, ba thể thơ ấy khác nhau rất xa.

Cồ-phong là lối tự-do hơn hết. Miễn là có vần, không cần niêm-luật. Số câu cũng không nhất-định. Nhiều ra, có khi đến ngoài một trăm, ít nhất cũng sáu, bảy câu.

Bó-buộc một cách chặt-chẽ thì là luật-thi. Một bài, nhất-định phải đủ tám câu, năm vần. Tiếng bằng, tiếng

trắc của mỗi câu, nhất-định phải theo đúng luật, và những chữ ở bốn câu giữa của mỗi bài, nhất-định phải đối nhau chăm-chấp.

Tứ-tuyệt là thể đứng ở khoảng giữa. Tuy mỗi bài cũng hạn bốn câu, và mỗi câu cũng phải theo luật bằng-trắc, nhưng mà các câu không cần đẳng-đối. Tuy được tự-do phóng-túg, nhưng cũng phải chú-trọng về phần âm-hưởng.

Ngoài ba thể đó, lại còn một thể ngũ-ngôn bài-luật, đứng ở cuối cùng. Nó là hai luật ngũ-ngôn ghép lại làm một. Mỗi bài tám vắn, mười sáu câu. Chẳng những các câu đều phải theo đúng niêm-luật, mà trừ hai câu cuối cùng, mười bốn câu trên tất-nhiên phải đối với nhau. Thể thơ này, chỉ để các ông « thợ thơ » dùng vào trong việc khoa-cử. Những khi cao-hứng mà làm thơ chơi, ít ai dám động đến nó. Vì nó làm cho người ta mất hết tinh-thần tự-do trong nghề thơ.

* * *

Với hai loại và sáu thể thơ ấy, đời Đường đã sản-xuất có đến gần nghìn thi-sĩ. Từ đời Trinh-quán (627) đến đời Thiên-hựu (904), tất cả gần 300 năm, kho văn-học-sử của nhà Đường đã có mấy vạn bài thơ. Cái vận-mệnh nghề thơ của Tàu, có lẽ hồi này là lúc thịnh nhất.

Trong thời-gian dài-dặc ấy, nghề thơ, về phần tinh-thần cũng như về phần hình-thức, trước sau cũng có khác nhau. Người sau bàn về thơ Đường, đã phải ngắt ra nhiều đoạn.

Dương-sỹ-Hoàng nhà Nguyên thì chia làm bốn thời-kỳ. Thời-kỳ thứ nhất, từ đầu nhà Đường đến đời Khai-nguyên (627-715), gọi là hồi Sơ-Đường. Thi-sĩ xuất-sắc nhất trong hồi này là bọn Vương-Bột, Dương-Quỳnh, Lư-chiếu-Lân Lạc-tân-Vương... Thời-kỳ thứ hai từ đời Khai-nguyên đến đời Đại-lịch (715-766), gọi là hồi Thịnh-Đường. Thi-sĩ nổi tiếng trong hồi này là bọn Vương-Duy, Mạnh-Hạo-Nhiên, Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, Sầm-Tham Vương-Xương-Linh... Thời-kỳ thứ ba từ đời Đại-lịch đến đời Thái-hòa (766-827), gọi là hồi Trung-Đường. Thi-sĩ đứng đầu hồi này là bọn Vi-Ứng-Vật, Lý-Đoan, Liễu-Tôn-Nguyên, Lưu-Vũ-Tích..., Còn từ đời Thái-hòa mà đi (827-904) thì gọi là hồi Vãn-Đường, thuộc về thời-kỳ thứ tư. Trong thời-kỳ này Đỗ-Mục, Lý-Thương-Án, Trương-Hựu, Trịnh-Cốc là tay lỗi-lạc hơn hết.

Đến bọn Vương-Sỹ-Trinh nhà Thanh lại chỉ chia ra làm ba. Họ bỏ thời-kỳ Trung-Đường và lấy khoảng đời Nguyên-hòa (806-820) làm chỗ giới-hạn của hai thời-kỳ Thịnh-Đường, Vãn-Đường. Lưu-Vũ-Tích và Liễu-Tôn-Nguyên đều bị đề vào nhân-vật của Vãn-Đường cả.

Dù chia làm ba hay chia làm bốn, chẳng qua cũng chỉ nói về đại-cương, không thể lấy gì làm mực nhất-định cho sự phân-biệt, vì thế cũng không thể nào bảo thuyết nào là đúng, thuyết nào là sai. Cái điều có thể nhận thấy một cách rõ-rệt là : Sơ-Đường phần nhiều hay về khí-cốt, nhưng lối dùng chữ đặt câu, chưa được

trái-chuối cho lắm. Văn-Đường giỏi về từ-tảo, lời rất đẹp, ý-tứ rất sâu-sắc, nhưng lại thiếu phần hùng-hồn, có khi còn bị cái tội ủy-mị là khác. Duy có Thịnh-Đường ở vào giữa hai thời-kỳ ấy, cho nên chẳng những không có cái dở của hai thời-kỳ kia, mà còn gồm có cái hay của hai thời-kỳ ấy nữa.

Đó là nói nội một đời nhà Đường mà thôi. Nếu đem so-sánh với các đời khác, thì dù là Sơ-Đường, dù là Văn-Đường, cũng còn đứng trên tác-phẩm đời trước và đời sau nhiều lắm.



Bởi sự phân-biệt thời-kỳ không thể tìm được giới-hạn nhất-định, nên trong cuốn này, việc chia tiết-mục, không theo thời-đại mà phải căn-cứ vào các thể thơ. Tuy vậy, ở trong mỗi tiết, cách xếp-đặt vẫn giữ thứ-tự của thời-đại, bài nào của tác-giả trước thì đề ở trên, bài nào của tác-giả sau, thì đề ở dưới, đề cho bạn đọc có thể theo đó mà nhận thấy dấu-vết thời-đại của nó.

Ngày nay, Hán-học đã bỏ, với các bạn đọc không biết chữ Hán, sự tìm cò-diền trong mỗi câu thơ, có lẽ cũng là một sự khó-khăn. Vì thế, ở dưới mỗi bài, ngoài việc giải nghĩa từng câu, lại thêm có mục « Tìm diền », đề cho người đọc khỏi phải tốn công tra-khảo. Và muốn cho các bạn thêm phần thú-hứng, các bài đều có dịch ra văn vần.

Đáng lẽ những bài dịch văn ấy đều phải theo đúng điệu của nguyên-văn mới là hợp cách. Nhưng dịch văn

đã là việc khó, mà dịch văn vần lại là một việc khó nữa. Nếu như nhất-định theo đúng nguyên-điều, tất-nhiên sẽ có nhiều bài vì sự gò-gấp mà mất vẻ thơ. Bởi thế, tôi phải phá cách mà dịch ra bằng nhiều thể, hoặc thể thơ, hoặc thể lục-bát, hoặc thể song thất lục-bát, tiện thể nào thì dùng thể ấy, cốt cho bài dịch không sai ý của nguyên-văn và cũng không mất vẻ mỹ-thuật của nghề thơ, thế mà thôi.

Nhưng trong tập này, ngoài những bài về ngũ-ngôn luật và thất-ngôn-luật, hoàn-toàn dịch theo điệu thơ, thì ở trong mục cồ-phong, bài « Thục-đạo-nan » đã dịch đúng như điệu của tác-giả. Cái đó không phải một sự cầu-kỳ, chính là tôi có dụng-ý.

Từ ngày phong-trào thơ mới nổi lên ở ta đến nay, những người đứng về phái đó, đều coi nó là một cuộc cách-mệnh rất lớn trong nghề thơ. Người ta tưởng như những người sáng-tạo và quen dùng lối thơ ấy, đã có công phát-minh hoặc xử-dụng một vật mới lạ, trong trời đất chưa có bao giờ. Tôi đã đọc và đã đọc nhiều lắm. Trừ ra ít bài theo điệu thơ Tây và những bài không vần không điệu, để làm tản-văn thì vô-ý-vị, người ta cố viết sang giòng đề bảo là thơ, còn các bài khác, nếu đã có vần, có điệu, và có ý-vị của thơ, thì nó chẳng khác những bài cồ-phong hay tuyệt-cú của người đời xưa chút nào. Vì vậy, tôi cố dịch lấy một bài đúng với nguyên-điều, để các bạn đọc biết rằng: cái mà ngày nay người ta coi là mới đó, trước kia, trong thế-kỷ

thứ bảy, nó đã xuất-hiện ở làng thơ rồi. Vì không thích-hợp với luật tự-nhiên của mỹ-thuật, cho nên nó không thịnh-hành.

Tóm lại, với tập thơ này, tôi đã hao-tốn rất nhiều công-phu, kê-cứu rất kỹ. Nhất là về mục « dịch văn », nhiều bài tôi phải chữa đi chữa lại đến hơn mười lần... Nếu còn chỗ nào vụng-về, ấy là tài tôi có thể. Mong các bạn đọc lượng-thứ, nhất là mong các bạn đọc đem các bài ấy so-sánh với những bài « dịch thơ Đường » đã đăng trên các tạp-chí và các tuần-báo từ trước đến giờ.

Biên-giả

LƯỢC-SỬ NHỮNG THI-SĨ CÓ THƠ TRÍCH TRONG TẬP NÀY

VƯƠNG-TÍCH.— Tự là Vô-Công. Người ở Dáng-châu, em ruột Văn-trung-tử Vương-Thông. Trong đời Đại-nghiệp nhà Tùy (605-616) Vương đã làm chức huyện-thừa ở huyện Lục-hợp. Gặp lúc rối-loạn, mới cáo quan về ở trong vùng Đông-cao của giải Bắc-sơn, lấy tên hiệu là Đông-cao-tử, chuyên việc soạn-viết sách vở. Đầu đời Vũ-đức nhà Đường (618-626) Vương có làm chức đãi-chiếu ở Môn-hạ-sảnh. Sang đời Trinh-quán (627-644), bị bệnh phải bãi quan.

DƯƠNG-QUÝNH.— Người ở Hoa-âm. Thuở nhỏ đậu khoa thần-đồng. Bắt đầu làm hiệu thư-lang, sau làm huyện-lệnh ở huyện Doanh-xuyên. Trong đời Vũ-hậu (690-712), có làm việc ở Tập-ngệ-quán. Lúc ấy, Dương và Vương-Bột, Lư-Chiếu-Lân, Lạc-Tân-Vương

cũng nổi tiếng về văn-chương, người ta gọi là Tứ-kiệt. Trương-Duyệt khen văn của Dương giống như nước trên sông cao chảy xuống, vực-mức không thể hết được.

LẠC-TÂN-VUÔNG.— Người ở Nghĩa-ô. Là một trong bốn Tứ-kiệt nhà Đường, Bảy tuổi đã biết làm thơ. Lúc lớn làm văn rất khéo. Trong đời Vũ-hậu, Lạc đã làm chức huyện-thừa ở huyện Lâm-hải, sau bỏ quan về. Khi Từ-Kính-Nghiệp kéo quân đánh Vũ-hậu, Lạc có đi theo và có thảo một bài hịch rất hay. Đến lúc Kính-Nghiệp thất-bại, Lạc đi trốn, không rõ về sau thế nào. Có chỗ nói rằng : Lạc bị bắt giam trong ngục, vì thế, trong tập thơ của Lạc mới có bài « *Tại ngục vịnh-thiền* ».

TRẦN-TỬ-NGANG.— Tự là Bá-Ngọc, quê ở Tử-châu. Thuở nhỏ đọc sách ở núi Kim-hoa. Đã có thi-đậu tiến-sĩ. Trong đời Vũ-hậu, được nhắc làm chức Linh-đài chính-tự. Về sau được lên chức Hữu-thập-di.

VI-THỪA-KHÁNH.— Tự là Diên-Hưu. Người ở Vũ-lăng. Tính rất cẩn-thận và rất có hiếu với người kế-mẫu. Khi đỗ tiến-sĩ, đã được bổ làm tham-quân trong phủ Ung-vương. Chẳng

bao lâu phải ra làm chức huyện-lệnh ở huyện Ô-trình. Rồi lại được vào làm chức Phụng-các xá-nhân, coi về công-việc của chức Thiên-quan thị-lang. Mỗi khi thảo tờ chiếu-lệnh, Vi không giáp ra bản-thảo bao giờ. Trong đời Duệ-tôn (684-689), đã được lên hàng nhị-phẩm. Sau vì bè-đảng với Trương-Địch-Chi, phải đày ra miền Lĩnh-biêu. Hơn một năm được tha về và được phong làm chức Bí-thư thiếu-giám, tước Phù-dương huyện-tử.

TRƯƠNG-NHƯỢC-HƯ. — Người về đầu đời Khai-nguyên (713-755), quê ở Giang-nam. Trương và Bao-Dung, Trương-Úc, Hạ-Tri-Chương đã nổi tiếng là bốn danh-sĩ trong xứ Ngô.

TRƯƠNG-CỬU-LINH. — Tự là Tử-Thọ, quê ở Khúc-giang. Lên bảy tuổi đã biết làm văn. Có đậu Tiến-sĩ. Trước làm chức Hiệu-thư-lang. Đến khi Minh-hoàng lên ngôi, thì được thăng chức Tể-tướng. Tính rất cương-trực, sau khi bãi quan, chỉ lấy văn-chương sử-sách làm vui.

VƯƠNG-HẤN. — Tự là Tử-Vũ, quê ở Tấn-dương. Lúc trẻ tuổi, tính rất hào-mại và

thích uống rượu. Có đậu tiến-sĩ, được bổ làm chức huyện-úy ở huyện Xương-lạc. Đến khi Trương-Duyệt làm tể-tướng, lại được cử làm chức Chính-tự. Giữa đời Khai-nguyên, thì bị dăng làm Tư-mã Đạo-châu.

TỪ-AN-TRINH. — Người ở Long-khâu. Rất giỏi về thơ ngũ-ngôn. Đã từng đi thi các khoa chế-cử, một năm đậu đến ba lần, sĩ-phu đều phải khen-ngợi. Trong đời Khai-nguyên, có làm Trung-thư xá-nhân, kiêm chức học-sĩ của viện Tập-hiến. Mỗi khi Minh-hoàng làm văn, hoặc thảo một tờ thủ-chiếu, đều bắt An-Trinh phải coi bản giáp trước khi đưa cho triều-thần. Đối với An-Trinh, Minh-hoàng rất là yêu-quí.

MANH-HẠO-NHIÊN. — Chính tên là Hạo. Người ở Tương-dương. Lúc trẻ tuổi, rất chuộng tiết-nghĩa, hay giúp những người hoạn-nạn. Ẩn-cư mãi trong núi Lộc-môn, đến bốn mươi tuổi mới vào Trường-an thi Tiến-sĩ. Vì thất-ý với vua Huyền-tôn, phải đuổi về. Cuối đời Khai-nguyên, chết về bệnh đậu.

LÝ-BẠCH. — Quê ở Thục. Vì khi thụ thai, bà mẹ có mơ thấy sao Trường-canh sa vào trong lòng, cho nên mới đặt tên chữ là Thái-

Bạch. Lại vì ở ra ở làng Thanh-liên, cho nên mới đặt tên hiệu là Thanh-liên cư-sĩ. Đường-thư chép rằng: Lý lên bảy tuổi vẫn chưa biết nói, một hôm, bà mẹ bỗng lên trên lầu, tự-nhiên thấy ngâm bốn câu : « *Nguy lâu cao bách xích. Thủ khả trích tinh-thần. Bất cảm cao thanh ngữ, Khủng kinh thiên thượng-nhân.* » Cả nhà thấy vậy, đều lấy làm lạ. Khi lớn lên, văn-chương của Lý có vẻ khác hẳn người thường, Hạ-Tri-Chương xem thấy, ngờ Lý là một người tiên bị đẩy xuống trần và khoe tài Lý với vua Huyền-tôn. Nhờ vậy, Lý được vào ở tòa Hàn-lâm và rất được vua trọng-đãi. Sau vì mất lòng với Dương-Quý-phi phải đui về. Trong lúc An-Lộc-Sơn nổi loạn, Lý đương ở miền Lư-sơn. Bấy giờ tước Vĩnh-vương tên là Lân đương cầm quân ở vùng Đông-Nam, viết thư bắt Lý phải đến giúp mình. Lân tuy không phải bè-đảng của Lộc-Sơn, nhưng cũng không theo vua Đường. Vì thế, khi Lân bị thua, thì Lý cũng bị bắt giam, rồi bị đẩy sang nước Dạ-lang. Chẳng bao lâu lại được tha về. Ngoài sáu chục tuổi thì bị bệnh chết. Có chỗ nói rằng : Lý bị chết đuối. Lúc ấy, Lý đương say rượu ngồi trên thuyền. trông thấy vàng trắng nằm dưới đáy

sông đẹp quá, liền nhảy xuống sông ôm lấy. Chẳng may bị sóng cuốn đi. Bởi vậy, mới có người nói Lý cưới cá kình mà bay lên trời.

ĐO-PHỦ. — Tự là Tử-Mỹ. Người ở Tương-dương, ngụ tại Thiếu-lăng. Thuở trẻ tuổi, nhà rất nghèo. Đi thi Tiến-sĩ không đậu. Trong đời Huyền-tôn, Đỗ tới Trường-an, có dâng luôn ba bài phú. Huyền-tôn xem lấy làm lạ, bèn cho làm chức thị-chế ở viện Tập-hiến. Lúc An-Lộc-Sơn nổi loạn, Đỗ ở Lộc-châu, nghe tin Túc-tôn lên ngôi vua ở quận Lĩnh-vũ, định chạy đến nhà hành-tại của vua ấy. Chẳng may đi đến giữa đường thì bị quân giặc bắt giam. Mãi hai năm sau (758) mới trốn ra được. Khi vào yết-kiến Túc-tôn, Đỗ được phong làm chức Hữu-thập-di. Rồi vì một việc chi đó, lại bị dăng làm Tư-công ở Hoa-châu. Gặp lúc đói-kém, rối-loạn, Đỗ bèn bỏ quan lưu-lạc vào vùng Kiếm-Nam. Khi ấy Nghiêm Vũ đương coi đất Thục, thấy Đỗ, bèn tâu vua cho Đỗ làm chức Công-bộ viên-ngoại-lang. Trong đời Đại-lich, Đỗ đến ngụ ở Lỗi-dương. Một đêm, Đỗ say rượu quá rồi chết. Bấy giờ mới 59 tuổi. Đỗ đọc sách rất rộng. Thơ-ca của Đỗ làm ra, thường

thường có vẻ mông-mênh, bao-la như làn bể rộng, gồm đủ nghìn hình muôn trạng. Nguyên Chấn khen rằng : Từ khi có người làm thơ đến nay, chưa có ai được như Đỗ.

VƯƠNG-DUY. — Tự là Ma-cật, người ở Thái-nguyên. Chín tuổi biết làm thơ-ca. Năm Khai-nguyên thứ chín, thi đỗ tiến-sĩ thứ nhất, được phong làm chức Thượng-thư hữu-thừa. Danh-tiếng của Vương lừng-lẫy trong đời Khai-nguyên — Thiên-bảo (713-755). Ninh-vương, Tiết-vương (hai vị thân-vương nhà Đường) coi Vương vào bậc thầy-bạn. Vương có biệt-thự ở Vĩng-xuyên, thường cùng Bùi-Địch dong chơi tại đó, làm thơ mua vui. Vương không lấy vợ, một mình trơ-trọi trong núi hơn ba chục năm. Đầu đời Thượng-nguyên (760) thì mất.

THÔI-HIỆU. — Người ở Biên-châu. Đỗ tiến-sĩ năm Khai-nguyên thứ 11. Thôi có tài làm văn-thơ, nhưng rất vô-hạnh. Lý-Ung nghe thấy tiếng Thôi, đã phải đề riêng một tòa nhà không mời Thôi đến chơi. Thôi chỉ làm quan đến chức Tư-huân viên-ngoại-lang rồi chết. Thôi có đề thơ ở lầu Hạc-hạ, Lý-Bạch coi thấy phục lắm, đã phải viết ở bên cạnh hai câu như vậy :

« Trước mắt có cảnh, nói không được. Vì thơ Thôi-Hiệu ở trên đầu ». Lý định đề thơ ở lâu ấy, vì phục thơ của Thôi, nên không đề nữa.

ƯƠNG-XƯƠNG-LINH. — Tự là Thiệu-bá, quê ở Giang-ninh. Đậu Tiến-sĩ năm Khai-nguyên thứ 15. Được bổ làm Hiệu-thư-lang. Rồi lên chức Úy ở Dĩ-thủy. Khi tuổi già, không chịu giữ-dìn những chuyện nhỏ-nhất, phải dánh làm chức Úy ở Long-tiêu.

SĂM-THAM. — Người ở Nam-dương. Đỗ Tiến-sĩ trong đời Thiên-bảo. Năm Chí-đức thứ hai có thi làm chức Bình-sự ở sảnh Đại-lý. Rồi được tạm lĩnh chức Giám-sát ngự-sử. Nhờ có Đỗ-Phủ tiến-cử, được thăng chức Tả-bồ-khuyết rồi lại thăng chức Thị-ngự-sử. Cách ít lâu thì được ra làm Thứ-sử Gia-châu. Khi thôi làm quan, Săm lui vào ở trong núi Đỗ-lãng. Vì gặp đời loạn, không thể về quê, phải chết ở Thục.

TRƯƠNG-KẾ. — Tự là Ý-tôn. Người ở Duyện-châu. Đỗ Tiến-sĩ năm Thiên-bảo thứ 12. Cuối đời Đại-lich, được làm chức Kiểm-hiệu Hộ-bộ viên ngoại-lang.

LÝ-ĐOAN. — Người ở Triệu-châu, Đỗ Tiến-sĩ trong năm Đại-lich thứ năm. Thường hay

chơi với Quách-Ái. Có lần Ái họp rất đông khách-khứa làm thơ. Thơ của Lý hay nhất, được thưởng một trăm tấm lụa. Sau đó, Lý bị bệnh phải về Giang-nam. Quan-chức của Lý, chỉ được đến chức Hàng-châu tư-mã.

LUU-VŨ-TÍCH. — Tự là Mộng-Đắc. Người ở Bành-thành. Đậu tiến-sĩ trong đời Trinh-nguyên. Rồi lại đỗ khoa Bác-học hoành-từ, được làm Giám-sát ngự-sử. Bấy giờ Vương-Thúc-Văn đương được vua yêu, Lưu có đi lại với hắn. Sau hắn thất-bại, Lưu phải dăng làm Tư-mã ở Lãng-châu. Chẳng bao lâu lại được đòi về cho làm thứ-sử Bá-châu. Đổi đi, đổi lại nhiều nơi, rồi được vào kinh lĩnh chức Chủ-khách lang-trung. Lúc Bùi-Độ làm tể-tướng, có xin cho Lưu lên chức Hàn-lâm học-sĩ. Rồi được thăng chức Thái-tử tân-khách. Khi chết, Lưu đương ở chức Kiểm-hiệu-lễ-bộ thượng-thư.

NGUYỄN-CHẪN. — Tự là Vy-chi. Người ở Hà-nam. Trong đời Nguyên-hòa (806-820). Nguyễn thi văn-sách được trúng vào số thứ nhất. Đã làm đến chức Trung-thư môn-hạ bình-chương-sự. Rồi lại ra làm Tiết-độ-sứ ở hạt Vũ-xương.

Lúc chết, được truy-tặng chức Thượng-thư
bộc-xạ.

ĐỖ-MỤC. — Tự là Mục-Chi. Người ở
Vạn-niên. Làm văn rất khéo. Đỗ Tiến-sĩ trong
năm Thái-hòa thứ hai (827). Sau lại được cử
vào hạng hiền-lương phương-chính, và được
lĩnh chức Điện-trung-thị-ngự-sử. Rồi được thăng
chức Trung-thư xá-nhân. Tính Đỗ cương-trực,
có khí-tiết, hay bàn việc lớn. Lúc chết mới năm
mười tuổi. Văn-thơ của Đỗ có vẻ hào-hoa.
Người trong đời ấy đã gọi tên là Tiều-Đỗ, để
phân biệt với chữ Lão-Đỗ, mà người ta dùng để
chỉ vào Đỗ-Phủ.

TRỊNH-CỐC. — Tự là Thủ-Ngu. Người
ở Nghi-xuân. Đỗ Tiến-sĩ trong đời Quang-khải
(885-888). Được làm chức Úy ở huyện Vu.
Sau được thăng chức Đô-quan lang-trung. Lúc
thôi làm quan, Trịnh về ở trong vùng Ngưỡng-sơn
và chết tại đó.

TRƯƠNG-TỊCH. — Tự là Văn-Xương,
Người ở Ô-giang. Đỗ Tiến-sĩ trong đời Trinh-
nguyên. Có làm đến chức Quốc-tử tư-nghiep.
Chưa rõ lúc già ra sao.

PHẦN THỨ NHẤT
NGŨ-NGÔN CỔ-PHONG

感 遇 (東子昂)

CẢM-NGỘ (TRẦN TỬ-NGANG)

蘭 若 自 春 夏,

Lan nhược tự xuân hạ,

芊 蔚 何 青 青?

Thiên uất hà thanh thanh?

幽 獨 空 林 色,

U độc không lâm sắc,

朱 蕤 昌 紫 莖.

Chu di xương tử hành.

遲 遲 白 日 晚,

Trì trì bạch nhật vãn,

嫋 嫋 秋 風 生.

Niêu niêu thu phong sinh.

歲 華 盡 搖 落

Tuế hoa tận dao lạc,

芳 意 竟 何 成.

Phương ý cánh hà thành.

TÌM ĐIỀN

1.) 感 遇 *Cảm-ngộ* : Cảm-xúc về sự gặp-gỡ Sách Đường âm-chú nói rằng : Cảm ở trong lòng, gặp ở trước mắt, tính-tình phát ra lời nói, như thế gọi là *cảm-ngộ*.

2.) 蘭 若 *Lan nhược* : Tên hai thứ cỏ thơm Sách Đường-thi hợp tuyển nói rằng : Cỏ lan hay mọc ở cạnh hồ ao, hoa đỏ, cuống tím ; cỏ nhược có tên nữa là quế-nhược, lá giống lá gừng, vị cay và thơm.

GIẢI NGHĨA

Đây là Tử-Ngang có chí muốn được dùng vào trong đời, mà lại lo bị muộn quá, mới lấy hai loài cỏ thơm tự ví với mình. Ý nói : Cây lan, cây nhược trải mùa xuân sang mùa hè, tự nó thường vẫn ngùn-ngụt tươi xanh, một mình trơ-trọi trong đám rừng không, cánh hoa đỏ, thân cây thì tía, sinh đẹp biết chừng nào. Thế nhưng, một khi ngày trăng đã muộn, gió thu hiu-hắt nổi lên, hai thứ hoa ấy cũng theo các hoa trong mùa mà tàn rụng hết, thì cái tư-chất thơm-ngát của nó

còn nên trò gì. Những người có tài, có chí, mà
cứ lặn-đạn muộn-mẳn, không được gặp-gỡ, cũng
như cây lan, cây nhược bị héo rụng ở hang sâu
vậy.

DỊCH VĂN

Cảm ngộ

*Thờ-ơ xuân hết, hè qua,
Chòm lan, khóm quế sao mà xanh xanh !
Rừng-không tươi-đẹp một mình,
Cái bông đỏ thắm, cái ngành tím tươi.
Lân-la ngày bạc muộn rồi,
Gió thu hiu-hắt bên trời thồi qua.
Úa tàn, thôi hết mùa hoa !
Ý thom rút lại còn ra trò gì !*

★ ★

春日醉起言志 (李白)

XUÂN NHẬT TÚY KHỞI NGÔN CHÍ (LÝ-BẠCH)

處世若大夢,

Xử thế nhược đại mộng.

胡爲勞其生 ?

Hồ vi lao kỳ sinh ?

所 以 終 日 醉，
 Sở dĩ chung nhật túy,
 頽 然 臥 前 楹，
 Đồi nhiên ngọa tiền doanh,
 覺 來 盼 庭 前，
 Giác lai miện đình tiền,
 一 鳥 花 間 鳴，
 Nhất điều hoa gian minh,
 借 問 此 何 日？
 Tá vấn thử hà nhật？
 春 風 語 流 鸞，
 Xuân phong ngữ lưu oanh.
 感 之 欲 歎 息，
 Cảm chi dục thán tức,
 對 之 還 自 傾，
 Đối chi hoàn tự khuynh.
 浩 歌 待 明 月，
 Hạo ca đãi minh nguyệt,
 曲 盡 已 忘 情，
 Khúc tận dĩ vong tình.

GIẢI NGHĨA

Đây là Lý-Bạch tả cái tư-tưởng chán đời,
 muốn trốn việc đời bằng rượu. Ý nói : Ở đời

chẳng qua như giấc mộng lớn, làm gì mà phải vất-vả thân mình ? Bởi mình hiểu cái lẽ ấy, cho nên cả ngày say xưa không tỉnh. Trong khi say quá, lăn ra ngủ trước cột nhà, quên cả ngày tháng. Đến lúc thành-linh tỉnh giậy, ngó ra trước sân. thì một con chim đương véo von kêu ở trong hoa. Vì đã không nhớ ngày tháng, nên phải hỏi ngày nay là ngày gì. Thì ra, bấy giờ đã đương mùa xuân, gió xuân đã dục con oanh tập hót. Cảm vì thấy ngày tháng mau chóng. những muốn than thở ngậm-ngùi. Và đối trước cái cảnh hoa nở, chim kêu, lại nghiêng bình rượu tự chuốc cho mình. Rồi cứ hát xướng nghêu-ngao để chờ trăng lên. Nhưng, hát vừa hết bài thì đã quên cả tình-ý ở trong câu hát.

DỊCH VĂN

**Ngày xuân say rượu tỉnh dậy,
tự nói chỉ mình**

*Ở đời như giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao-đao cho đời ?
VẬY nên say suốt hôm mai,
Bên cây cột trước, nằm dài khềnh chân.*

Tỉnh rồi, chợt ngó trước sân.
Tiếng chim đâu đã nghe gần trong hoa.
Ngày chi ? thử hỏi cho ra :
Gió xuân đương giục canh già véo-von.
Cảm-thương, lòng những bồn-cồn,
Đoái trông cảnh-vật, giốc luôn chén quỳnh.
Hát ngao chờ bóng trăng thanh,
Lời ca vừa hết, mối tình đã quên.

* *

春 思 (李 白)

XUÂN TƯ (LÝ-BẠCH)

燕 草 如 碧 絲.
Yên thảo như bích ty.
秦 桑 低 綠 枝,
Tần tang đề lục chi,
當 君 懷 歸 日,
Đương quân hoài qui nhật,
是 妾 斷 腸 時,
Thị thiếp đoạn trường thì,
春 風 不 相 識,
Xuân phong bất tương thức.
何 事 入 羅 幃 ?
Hà sự nhập la vi ?

TÌM ĐIỀN

1.) 燕 Yên : Tên cũ của một khu-vực phía Bắc nước Tàu, nay là đất tỉnh Hà-Bắc.

2.) 秦 Tần : Tên cũ của một khu-vực phía tây nước Tàu, nay là đất tỉnh Cam-túc và tỉnh Thiểm-tây.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả làm ra lời người thiếu-phụ ở xứ Tần, có chồng đi lính ở xứ Yên. Ý nói : Trong tiết mùa xuân, ở xứ Yên cỏ non mơn-mởn như sợi tơ xanh, thì ở xứ Tần, dâu non cũng nảy những cành xanh biếc và thấp le-te. Cái khi chàng thấy cỏ non mà lòng xuân rung-động muốn được về nhà, chính là khi thiếp thấy dâu non mà nhớ chàng đứt từng khúc ruột. Đương lúc mong chàng chẳng thấy, thì ngọn gió xuân, với thiếp vốn không quen thuộc, cứ chi tự tiện xông vào trong màn ?

DỊCH VĂN

Tứ xuân

Cỏ Yên như sợi tơ xanh,
Dâu Tần cũng nảy những cành le-te.
Giữa khi chàng muốn về quê,
Ấy khi thiếp cũng như chia tấc lòng.
Gió xuân chẳng biết nhau cùng,
Cứ chi lùa mãi vào trong màn là ?

石 壕 吏 (杜 甫)

THẠCH-HÀO-LẠI (ĐỒ-PHỦ)

暮 投 石 壕 邨.

Mộ đầu Thạch-hào-thôn.

有 吏 夜 捉 人.

Hữu lại dạ tróc nhân.

老 翁 踰 牆 走,

Lão ông du tường tàu,

老 婦 出 門 迎.

Lão phụ xuất môn nghênh.

吏 呼 一 何 怒 !

Lại hô nhất hà nộ !

婦 啼 一 何 苦 !

Phụ đề nhất hà khổ !

聽 婦 前 致 辭 :

Thính phụ tiền chí từ :

« 三 男 鄴 城 戍,

« Tam nam Nghiệp thành thú.

« 一 男 附 書 至 :

« Nhất nam phụ thư chí :

« 二 男 新 戰 死.

« Nhị nam tân chiến tử.

« 存 者 且 偷 生,
 « Tồn giả thả thân sinh,
 « 死 者 長 已 矣.
 « Tử giả trường dĩ hĩ.
 « 室 中 更 無 人,
 « Thất trung cánh vô nhân,
 « 惟 有 乳 下 孫.
 « Duy hữu nhũ hạ tôn.
 « 孫 有 母 未 去,
 « Tôn hữu mẫu vị khứ
 « 出 入 無 完 裙.
 « Xuất nhập vô hoàn quần.
 « 老 嫗 力 雖 衰,
 « Lão ầu lực tuy suy,
 « 請 從 吏 夜 歸,
 « Thỉnh tòng lại dạ qui,
 « 急 應 河 陽 役,
 « Cấp ứng Hà-dương dịch,
 « 猶 得 備 晨 炊 »
 « Do đắc bị thần xuy.»
 夜 久 語 聲 絕,
 Dạ cửu ngữ thanh tuyệt,
 如 聞 泣 聲 咽.
 Như văn khắp thanh yết.
 Như văn khắp thanh yết.

天 明 登 前 途

Thiên minh đăng tiền đồ,

獨 與 老 翁 別

Độc dữ lão ông biệt.

TÌM ĐIỀN

1.) 石 壕 *Thạch-hào* : Tên một làng ở Thiểm-châu nước Tàu.

2.) 鄴 城 *Nghiệp-thành* : Tên một huyện-thành của đời Han nay là huyện Lâm-chương trong tỉnh Hà-nam nước Tàu.

3° 河 陽 *Hà-dương* : Tên một huyện của đời Xuân-thu, nay là huyện Mạnh trong tỉnh Hà-nam nước Tàu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả làm ra giữa khi nhà Đường có loạn An-lộc-Sơn, quân nhà vua mới bị thua ở Nghiệp-thành, bộ-hạ của Lộc-Sơn là Sử-tư-Minh đương định kéo quân vào cướp Hà-dương, Quách-tử-Nghi phải sai quân đến đó đóng giữ. Trong bài chỉ là kỹ-thuật những việc tác-giả đã nghe thấy. Hôm ấy, trời đã chiều tối, tác-giả vào trọ trong làng Thạch-hào. Đến đêm, có lính xông vào nhà trọ bắt người. Ông lão chủ nhà vượt tường chạy thoát, mẹ vợ lão ta ra cửa

để đón người lính. Người lính thét lác rất dữ, mụ ấy kêu van rất khồ. Lẳng nghe mụ nói những gì. thì ra mụ kể : « Nhà mụ có ba con trai, đều phải đi lính mà đều đóng ở Nghiệp-thành. Mới rồi, một đứa con mụ gửi thư về nhà, nói rằng hai đứa con kia mới bị chết trận cả rồi. Đứa còn bây giờ cũng là sống vụng, sống trộm không chắc chút nào. Đứa chết thì thôi còn nói chi nữa ! Trong nhà mụ hiện nay không có ai là người lớn, chỉ có một thằng cháu nhỏ hầy còn nằm dưới vú sữa. Và còn mẹ thằng cháu ấy vì thương con chưa đi lấy chồng. Nhưng người ấy khi ra khi vào, không còn một mảnh quần lành mà đeo. Như thế thì nàng không tiện đi đâu. Mụ tuy già yếu, cũng xin theo lính về dinh luôn trong ban đêm để làm phu trong đồn Hà-dương. Sức mụ còn có thể lo nổi việc thổi nấu bữa cơm sáng mai cho quân ăn. » Đêm đã lâu, tiếng nói cũng im. Nhưng tác-giả vẫn nghe có tiếng nức-nở như tiếng khóc. Sáng ra, khi mà tác-giả lên đường, chỉ còn được từ-biệt một ông lão già. Thế nghĩa là mụ vợ lão ấy đã bị lính bắt phải đi ban đêm. Cái tiếng nức-nở, tác-giả nghe trong ban đêm, là tiếng lão ta khóc-lóc khi trở về nhà, thấy vợ đã phải đi làm phu rồi.

DỊCH VĂN

Lính lệ Thạch-hào

Chiều hôm, tới xóm Thạch-hào,
Đương đêm có lính lao-sao bắt người.
Vượt tường, ông lão trốn rồi,
Cửa ngoài, mẹ vợ một, hai mời chào.
Lính găm mới dữ làm sao !
Mẹ kêu như tỏ biết bao khổ tình.
Lẳng nghe lời mẹ đành đành :
« Ba con đóng ở Nghiệp-thành cả ba.
« Một con mới nhả về nhà,
« Rằng : hai con đã làm ma chiến-trường.
« Kẻ còn vất-vưởng đáng thương,
« Nói chi kẻ dưới tuổi vàng, thêm đau !
« Trong nhà nào có ai đâu ?
« Có thằng cháu nhỏ dưới bầu sữa hoi.
« Cháu còn mẹ nó chần nuôi,
« Ra vào, quần áo tả-tơi, có gì ?
« Thân già gân sức dù suy,
« Cũng xin theo lính cùng về đêm nay.
« Hà-dương tới đó sau này.
« Cơm canh hầu bữa sớm ngày, còn trôi ».

Đêm khuya tiếng nói im rồi.

Vẫn nghe nức-nở tiếng người khóc thương.

Sáng mai, khách bước lên đường.

Chỉ cùng ông lão bẽ-bàng chia tay.

* * *

新 婚 別 (杜 甫)

TÂN HÔN BIỆT (ĐỖ-PHỦ)

免 絲 附 蓬 麻，

Thỏ ty phụ bông ma

引 蔓 故 不 長。

Dẫn mạn cổ bất trường.

嫁 女 與 征 夫，

Giá nữ dữ chinh-phu,

不 如 棄 路 旁。

Bất như khí lộ bàng.

結 髮 爲 妻 子，

Kết phát vi thê tử,

席 不 煖 君 牀。

Tịch bất noãn quân sàng.

暮 婚， 晨 告 別，

Mộ hôn, thần cáo biệt,

無 乃 太 匆 忙！
 Vô nãi thái thông mang！
 君 行 雖 不 遠，
 Quân hành tuy bất viễn，
 守 邊 在 河 陽。
 Thú biên tại Hà-dương。
 妾 身 未 分 明。
 Thiếp thân vị phân minh，
 何 以 拜 姑 嫜？
 Hà dĩ bái cô chương？
 父 母 養 我 時，
 Phụ-mẫu dưỡng ngã thì，
 日 夜 令 我 藏。
 Nhật dạ linh ngã tàng。
 生 女 有 所 歸，
 Sinh nữ hữu sở qui
 雞 狗 亦 得 將。
 Kê cầu dệc đắc tương。
 君 今 往 死 地，
 Quân kim vãng tử địa，
 沉 痛 迫 中 腸。
 Châm thống bách trung-trường。
 誓 欲 隨 君 去，
 Thệ dục tùy quân khứ，

形 勢 反 蒼 黃.

Hình thế phản xương hoàng

勿 爲 新 婚 念.

Vật vị tân hôn niệm,

努 力 事 戎 行!

Nỗ lực sự nhung hàng!

婦 人 在 軍 中,

Phụ-nhân tại quân trung,

兵 器 恐 不 揚.

Binh khí khủng bất dương

自 嗟 貧 家 女,

Tự ta bần gia nữ,

久 致 羅 襦 裳.

Cửu chí la-nhu thường.

羅 襦 不 復 施,

La-nhu bất phục thi,

對 君 洗 紅 妝.

Đối quân tẩy hồng trang.

仰 視 百 鳥 飛,

Ngưỡng thị bách điều phi,

大, 小 必 雙 翔.

Đại, tiều tất song tường.

人 事 多 錯 迕,

Nhân-sự đa thác ngộ,

與 君 永 相 望.

Dữ quân vĩnh tương vương .

GIẢI NGHĨA

Bài này cũng vì lúc đó trong đám quân-sỹ đóng ở Hà-dương, có kẻ vừa mới cưới vợ đã phải lìa vợ đi lính, mà làm ra. Trong bài, tác-giả, mượn lời người vợ mới than-thở với chồng, để tả những cái mình đã trông thấy. Đại ý nói rằng: Giây tơ-hồng đáng lẽ leo vào cây tòng cây bách, nay nó leo phải cây đay, nên chỉ quẩn-quít quanh-co, không dài ra được. Để ra con gái, đáng lẽ gả cho những người ở cửa ở nhà, cùng nhau bách niên giai lão, nay cha mẹ mình đem mình gả cho một người đi lính, thì chẳng bằng đem mà bỏ ở vệ đường! Em còn nhỏ tuổi, bước chân đi làm vợ chàng, mới bắt đầu vấn tóc. Thế mà chiếc chiếu của em trải ra, chưa kịp ấm-nóng cái giường nhà chàng... cưới về buổi tối sớm mai chàng đã từ-biệt ra đi, chẳng là lật-đật quá sao! Chàng đi tuy chẳng xa lắm, nhưng cũng phải đóng ở thành Hà-dương là chỗ đương có giặc-giã đáng lo. Em mới

bước về nhà chồng, lễ-nghi chưa đủ, hãì còn bỡ-
ngỡ lạ-lùng, thì biết chào thưa cha mẹ thế nào.
Nhớ lại những khi em còn ở nhà, thày mẹ em
hết sức nâng-dức, đêm ngày bắt em phải ở trong
nhà. Đến lúc em về nhà chàng, thày em coi như
em về nhà riêng, cho nên con gà, con chó, cũng
cho em đem đi tất cả, để hòng sinh cơ lập nghiệp.
Nay chàng phải tới cái chỗ chiến-tranh, mười
phần chắc chết cả mười, cái hy-vọng sinh-cơ lập
nghiệp của em đã tuyệt. Thật là phụ lòng mong-
mỏi của thày mẹ em. Em cũng muốn theo chàng
cùng đi, nhưng mà tình-thế gấp quá, chưa thể
đi được. Thôi chàng cũng đừng nghĩ gì đến
người vợ mới, hãy cứ gắng mà lo việc binh-
hung. Nếu em cùng đi với chàng, e rằng đàn bà
ở đám ba quân, gươm giáo không còn hăng-hái.
Em chỉ than mình là gái nhà nghèo, đành-dụm đã
lâu, mới may được tấm quần là, nay chàng đi
vắng, em không làm dáng với ai, tấm quần là này
sẽ không bao giờ mặc đến. Ở trước mặt chàng,
em xin rửa sạch những mầu trang-diễm, để tỏ
lòng trinh-khiết của em đối với chàng. Ngửa
mặt lên trời, em thấy những con chim bay, bất cứ
con lớn, con nhỏ, nó đều có đôi có lứa tất cả.

Kiếp chim sung-sướng như thế, sao cái kiếp người lại nhiều những nỗi dở dang. Từ giờ trở đi, em với chàng, sẽ cứ cùng nhau nhớ nhau mãi mãi, không bao giờ mà gặp nhau nữa.

DỊCH VĂN

Cuộc li-biệt của cặp vợ chồng mới cưới

Tơ hồng leo phải cây đay,
Quanh-co quẩn-quýt cho dây khó dài.
Gả con cho mấy cậu cai,
Chẳng thà bỏ quách ở nơi vệ đường.
Rẽ ngôi, em bén duyên chàng,
Chiều em chưa ấm cái giường nhà trai,
Cưới chiều hôm, vắng sớm mai,
Duyên đâu lặt-đật cho người xót-xa !
Chàng đi dù chẳng bao xa,
Hà-dương đất ấy cũng là đáng lo.
Thân em mới-mẻ thẹn-thò,
Chào cha, gửi mẹ sao cho nên đều ?
Nhớ xưa bác mẹ nuông-chiều.
Ngày đêm những bắt nâng-niu giữ-giàng.
Đến khi về với nhà chàng,
Con gà, con chó cũng mang theo cùng.
Chàng nay tới chốn hải-hùng.
Nghĩ thôi, em những quặn lòng đau-thương.

Cũng toan quyết chí theo chàng,
Chút e hình-thể vội-vàng chưa yên.
Thôi, chàng gác mối tình-duyên!
Việc binh đã gánh thì nên chuyên-cần!
Đàn-bà ở đám ba quân,
Sợ rằng gươm giáo kém phần xông-pha.
Xót em thanh-bạch con nhà,
Cổ may được tấm quần là từ lâu.
Quần là còn mặc đi đâu?
Đối chàng, xin rửa hết màu phấn son.
Ngửa trông chim-chóc bao con,
Con to, con nhỏ cũng còn bay đôi,
Dở dang ngán cái kiếp người!
Cùng chàng, thôi sẽ suốt đời nhớ mong!

*
* *

羌村 (杜甫)

KHUƠNG THÔN (ĐỖ-PHỦ)

崢嶸赤雲西，

Tranh vân xích vân tây.

日腳下平地。

Nhật cước hạ bình địa.

柴門鳥雀噪，

Sài môn điều tước táo,

歸 客 千 里 至。

Qui khách thiên lý chí.

妻 孥 怪 我 在，

Thê noa quái ngã tại,

驚 定 還 拭 淚。

Kinh định hoàn thức lệ.

世 亂 遭 飄 蕩，

Thế loạn tao phiêu-đãng,

生 還 偶 然 逢。

Sinh hoàn ngẫu nhiên tụy.

鄰 人 滿 牆 頭，

Lân nhân mãn tường đầu,

感 歎 亦 歎 歎。

Cảm thán diệc hư hí.

夜 闌 更 秉 燈，

Dạ lan cánh bình đăng,

相 對 如 夢 寐，

Tương đối như mộng-my.

TÌM ĐIỀN

1') 羌 村 *Khương-thôn* : Tên một làng ở Lộc-châu, chỗ ở của Đỗ-Phủ.

2') 柴 門 *Sài-môn* : Cửa sài, cái cổng làm bằng dong tre, cổng của nhà nghèo.

GIẢI NGHĨA

Đường thư chép rằng : Lúc An-lộc-Sơn làm loạn, Minh-hoàng phải chạy vào Thục, vua Túc-tôn lên ngôi ở đất Linh-vũ, thì Đỗ-Phủ đương ở Lộc-châu. Nghe tin ấy, Đỗ định chạy tới nhà hành-tại của Túc-tôn, nhưng đến giữa đường, bị quân giặc bắt giam, Qua năm Chí-đức thứ hai, Đỗ mới trốn thoát và đến được đất Phụng-tường. Liền được phong làm chức Hữu-thập-di. Bấy giờ nhà Đỗ vẫn ở Lộc-châu, giòng-giã mấy năm quần-bách, những đứa trẻ-yếu, có đứa đã bị chết đói. Vì thế, Túc-tôn mới cho phép Đỗ về thăm. Bài này nói về quang-cảnh lúc Đỗ tới nhà. Khi ấy trời đã xế chiều, ở phương-tây, mây đỏ lù-lù kéo lên, hình thể chót-vót như những ngọn núi. Rồi những tia đỏ giống như chân của mặt trời, thông thống chạy xuống mặt đất, Đỗ về tới cổng, thì ở trên nếp cổng tre, chim sẻ, chim khách xáo-xác đưa kêu, như báo cho người trong nhà biết rằng : Cái người đi xa nghìn dặm đã về đến nhà. Vợ con thấy Đỗ còn sống, ai nấy đều cho là sự quái gở. Sau một hồi ngạc kinh-sợ, mọi người đều lau nước mắt và đều mừng

rằng : trong đời loạn-ly, gặp bước siêu-bạt, không
ngờ hải còn được sống mà về. Láng giềng nghe
tin Đỗ về, lố-nhố đứng ở bên đường nhòm sang.
Họ cũng thở vắn, than dài, tỏ vẻ cảm-động. Đến
lúc đêm khuya, trong nhà thắp đèn, cả nhà ngồi
ở trước đèn trông nhau, còn tưởng như gặp nhau
trong giấc mơ-mộng.

DỊCH VĂN

Làng Khương

Mái tây mây đỏ cao dần
Đất bằng thông-thống đường chân mặt trời.
Tiếng chim xáo-xác cửa sài.
Dậm nghìn, khách đã tới nơi quê nhà.
Vợ con đâu tưởng còn ta ?
Tan cơn ngư-ngác, lau qua giọt hồng.
Loạn-ly gặp bước bênh-bồng,
Sống về, may lại còn trông có rầy !
Tường bên hàng sớm đứng đầy.
Thở than cũng muốn dãi-bầy tình thương.
Đèn xanh giòng suốt đêm trường,
Nhìn nhau, còn tưởng mơ-màng thấy nhau.

PHẦN THỨ HAI
THẤT NGÔN CỔ-PHONG

春江花月夜

(張若虛)

XUÂN GIANG HOA NGUYỆT ĐẠ

(TRƯƠNG-NHƯỘC-HƯ)

春江潮水連海平。

Xuân giang trào thủy liên hải bình.

海上明月共潮生，

Hải thượng minh nguyệt cộng trào sinh,

艷艷隨波千萬里，

Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý,

何處春江無月明？

Hà xứ xuân-giang vô nguyệt minh？

江流宛轉遶芳甸，

Giang lưu uyển chuyển nhiễu phương diện.

花林月照皆如霰，

Hoa lâm nguyệt chiếu giai như tán,

空裏流霜不覺飛，
Không lý lưu sương bất giác phi.

汀上白沙看不見，
Đình thượng bạch sa khan bất kiến，
江天一色無纖塵，
Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần.

皓皓空中孤月輪，
Hạo hạo không trung cô nguyệt luân.

江畔何人初見月？
Giang畔 hà nhân sơ kiến nguyệt？

江月何年初照人？
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân？

人生代代無窮已，
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ，

江月年年望相似，
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự，

不知江月照何人？
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân？

但見長江送流水。

Đán kiến trường giang tống lưu thủy.

白雲一片去悠悠，
Bạch vân nhất phiến khứ du du，

青楓江上使人愁，
Thanh phong giang thượng sử nhân sầu.

誰家今夜扁舟子？

Thùy gia kim dạ thiên châu tử？

何處相思明月樓？

Hà xư tương tư minh nguyệt lâu？

可憐樓上月徘徊，

Khả liên lâu thượng nguyệt bồi hồi，

應照離人粧鏡臺。

Ưng chiếu ly nhân trang kính đài。

玉戶簾中捲不去，

Ngọc hộ liêm trung quyên bất khứ，

搗衣砧上拂還來。

Đào y châm thượng phất hoàn lai。

此時相望，不相聞。

Thử thì tương vọng, bất tương văn。

願逐月華流照君，

Nguyên trục nguyệt hoa lưu chiếu quân，

鴻雁長飛，光不度，

Hồng nhạn trường phi, quang bất độ，

魚龍潛躍，水成紋。

Ngư long tiềm dục, thủy thành văn，

昨夜閒潭夢落花，

Tạc dạ nhàn-đàm mộng lạc hoa。

可 憐 春 半 不 還 家 !

Khả liên xuân bán bất hoàn gia !

江 水 流 春 去 欲 盡 ,

Giang thủy lưu xuân khứ dục tận.

江 潭 落 月 復 西 斜 .

Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà.

斜 月 沉 沉 藏 海 霧 ,

Tà nguyệt chầm chầm tàng hải vụ

碣 石 , 瀟 湘 無 限 路 !

Kiệt-thạch, Tiêu-tương vô hạn lộ !

不 知 乘 月 幾 人 歸 ?

Bất tri thừa nguyệt kỉ nhân qui ?

落 月 搖 情 滿 江 樹 !

Lạc nguyệt dao tình mãn giang thụ !

TÌM ĐIỀN

1') 碣 石 *Kiệt-Thạch* : Một trái núi ở ngoài biển.

2') 瀟 湘 *Tiêu-Tương* : Một con sông lớn trong tỉnh Hồ-Nam.

GIẢI NGHĨA

Trong đời Lục-triều, Trần-hậu-chủ cùng các cung-nữ và các triều-thần đề-vịnh xướng họa với nhau, xong rồi, lựa riêng những bài bóng-bẩy đẹp lời, để vào một tập, gọi là tập *xuân-giang hoa*

nguyệt dạ. Tác giả mượn đầu đề ấy mà tả một đêm mùa xuân ở trên giòng sông. Bấy giờ, nước triều đã dung, đứng ở trên trông xuống, mặt sông ngang với mặt bể. Trên bể, trong khi nước triều bắt đầu dềnh lên, mặt trăng cũng vừa ló ra. Dưới sông, mặt sóng long-lanh chừng nghìn, muôn dặm, không chỗ nào không có ánh trăng. Con sông uốn-éo lượn quanh khu bãi có hoa. Ánh trăng dội xuống, các hoa trong bụi trắng xóa, như đám mưa tuyết. Vì đương mùa xuân ấm-áp, hơi sương không thể đọng giọt, phải tan ở giữa từng không. Vì trăng sáng quá, bãi cát trắng kể bên xoi, lẫn với sắc nước, không thể phân-biệt đâu là cát, đâu là nước. Rồi ở nẻo xa, nước cũng như trời, một màu trong-vắt, không pha mảy bụi. Và ở trên cao, chỉ có một vành trăng sáng vàng-vặc treo ở giữa trời. Trước cảnh bao-la man-mác, tác-giả tự-nhiên nghĩ vơ nghĩ vẩn: « Không biết ở bên sông này, người nào đã được trông trăng trước nhất? Không biết mặt trăng trên sông bắt đầu soi-dội người ta từ năm nào? Người đời hết kiếp này sang kiếp khác, không bao giờ cùng-tận. Mặt trăng trên sông hết năm này sang năm khác, trông vẫn giống nhau. Chẳng biết vùng trăng sông kia

định soi người nào, chỉ thấy lòng sông cứ đưa ngọn nước đi mãi ». Giữa lúc bàng-khuâng, thình-lình một đám mây trắng lơ-lửng đi ở giữa trời. Vì trông thấy mây, mới nhìn đến rặng bàng xanh trên sông, tự-nhiên cơn sầu nổi lên, chợt nhớ đến bọn du-tử lang-thang như mình, và tự hỏi thăm : « Cái người du-tử đêm nay đứng-đĩnh trở chiếc thuyền con ở trên sông kia, là người ở đâu ? Chắc hẳn chàng cũng đương tơ-tưởng cái lầu ở dưới bóng trăng của người vợ chàng đương ở. Và trên lầu ấy, mặt trăng cũng đương chiếu vào, chiếu mãi đến nơi dài trang của nàng. Chắc hẳn trong đêm trăng đẹp mà chồng đi vắng, nàng cũng buồn-bã mà sinh thù-ghét ông trăng. Có lẽ nàng thấy ánh trăng soi vào bức rèm, thì tưởng là trăng ở đó, muốn cuốn rèm cho hết ánh trăng. Nhưng rèm đã cuốn, trăng vẫn không đi. Có lẽ nàng thấy ánh trăng soi trên hòn đá rất áo, lại tưởng là trăng ở đây muốn lau đá ấy cho mất ánh trăng. Nhưng, hòn đá lau rồi, ánh trăng lại đến như thường. Trong lúc này, chàng và nàng cùng đương trông trăng, mà cùng không nghe tin-tức của nhau. Chắc hẳn nàng đương muốn trôi theo ánh trăng mà soi đến chàng.

Nhưng chắc nàng phải nghĩ rằng : Đến như con hồng con nhạn là vật bay được, mà khi nó bay trên trời, ánh trăng cũng không chở cho nó đi ; con rồng, con cá là vật bơi được, mà nó cũng chỉ lặn ở dưới nước cho nước sủi tắm, ánh trăng không chiếu đến nó, thì mình theo với ánh trăng sao được ? » Thế rồi tác-giả liền nghĩ đến mình : « Đêm trước, mình có mơ thấy hoa rụng trên một làn đầm, mới sực nhớ rằng : Ngày xuân đã quá nửa rồi, thế mà mình chưa về nhà, buồn biết chừng nào ! Bây giờ nước sông chảy mãi, ngày xuân như bị giòng nước cuốn đi, đã sắp hết rồi, mặt trăng trên sông đã tà về tây, cái đêm trăng hoa cũng đã tàn rồi, mình vẫn lặn-dặn ở trên sông này, lại càng đáng buồn hơn nữa. » Giữa khi ấy, vầng trăng trên sông đã xế, và đã chìm xuống đám mây mù mù trên bề. Trông ra phía bề, chỉ thấy núi Kiệt-thạch và sông Tiêu-tương thăm-thăm đằng xa, không thấy trăng đâu. Tác-giả lại nghĩ : « Không biết trong khi trăng sáng, những ai đã được theo trăng mà về ? » Trăng tuy lặn rồi, ánh sáng vẫn còn phảng-phất ngàn cây, như có tình quyến-luyến cảnh-tượng của khúc sông ấy.

DỊCH VĂN

Sông xuân, đêm trăng hoa

Liền mặt biển, sông xuân nước rẫy.
Trên làn khơi, trào đầy trăng ra,
Sóng dồn muôn dặm bao-la,
Sông xuân một giải, đâu là không trăng ?
Giòng sông lượn, theo chừng bờ-bãi
Như tuyết bay, trăng dội rừng hoa.
Giữa trời lấm-tấm sương sa.
Kề sông, cát bạc lóa-lòa trên xoi.
Không mây bụi, nước, trời một sắc.
Vành trăng-côi vằng-vặc bầu không.
Hỏi ai đâu thấy trăng sông ?
Năm nao trăng mới soi trong cỏi người ?
Kiếp lại kiếp, cuộc đời bao hết !
Trăng trên sông, tuần-tiết không sai,
Biết rằng trăng có riêng ai ?
Dưới sông, chỉ thấy nước trôi lơ-đờ.
Mảnh mây bạc thần-thơ đi mãi,
Ngàn bâng xanh như gọi cơn sầu.
Kìa ai thuyền dóng đêm thâu ?
Dưới trăng có nhớ nếp lâu nơi nao ?
Trên lầu ấy, trăng cao ngấp-nghe.

Vào đài trang, trêu kẻ biệt-ly,
Trong rèm cửa... cuốn không đi,
Trên bàn rặt áo... lau thì lại in.
Trăng cùng ngắm mà tin vẫn vắng.
Muốn theo trăng soi thẳng tới người,
Nhạn bay, ánh sáng chẳng rời,
Cá rồng ngăm-nhầy, mặt vời đùn tằm.
Đêm trước mộng trên đầm hoa úa.
Nửa chừng xuân vẫn chưa về nhà,
Nước trôi, xuân đã hầu qua,
Trên sông, trăng lại tà-tà về tây,
Trăng chìm-lặn, bề-mây mù-mịt,
Thảm xa-xa núi Kiệt, sông Tương,
Theo trăng, bao kẻ về làng ?
Trăng đi, tình vẫn mơ-màng ngàn cây !

* * *

蜀道難 (白李)

THỰC ĐẠO NAN (LÝ-BẠCH)

噫！吁！噫！危乎高哉！！

Y ! hu ! hi ! nguy hồ cao tai ! !

蜀道之難，難于上青天！

Thực đạo chi nan, nan vu thượng thanh-thiên !

蠶 叢 及 魚 鼈,

Tàm-tòng cập Ngu-phù,

開 國 何 茫 然 ?

Khai quốc hà mang nhiên !

邇 來 四 萬 八 千 歲,

Nhĩ lai tứ vạn bát thiên tuế,

不 與 秦 塞 通 人 烟,

Bất dũ Tần tái thông nhân yên.

西 當 太 白 有 鳥 道,

Tây đương Thái-bạch hữu điều-đạo,

可 以 橫 絕 峨 嵋 巔.

Khả dĩ hoành tuyệt Nga-my diên.

地 崩, 山 摧, 壯 士 死,

Địa băng, sơn tồi, tráng-sĩ tử,

然 後 天 梯 石 棧 相 鉤 連.

Nhiên hậu thiên-thê, thạch-sạn tương câu liên.

上 有 六 龍 回 日 之 高 標,

Thượng hữu lục long hồi nhật chi Cao-tiêu,

下 有 衝 波 逆 折 之 迴 川.

Hạ hữu xung ba, nghịch triết chi hồi xuyên.

黃 鶴 之 飛 尙 不 得 過,

Hoàng-hạc chi phi thượng bất đắc quá,

猿 獮 欲 度, 愁 攀 援 !

Viên nao dục độ, sầu phan viên.

青泥何盤盤！

Thanh-nê hà bàn-bàn !

百步九折，縈巖巒！

Bách bộ cửu triết oanh nham loan !

捫參，歷井，仰脅息。

Môn Sâm, lịch Tỉnh, ngưỡng hiếp tức,

以手撫膺，坐長歎。

Dĩ thủ phủ ung, tọa trường than.

問君西遊何時還？

Vấn quân tây du hà thì hoàn ?

畏途巖巒不可攀！

Úy đồ sàm-nham bất khả phan !

但見悲鳥號古木，

Đán kiến bi-đô hào cổ mộc,

雄飛從雌繞林間；

Hùng phi tòng thư nhiều lâm gian ;

又聞子規啼

Hựu văn tử qui đề

夜月愁空山，

Dạ nguyệt sầu không sơn.

蜀道之難，難于上青天！

Thục đạo chi nan, nan vu thượng thanh-thiên.

使人聽此凋朱顏！

Xử nhân thính thử điêu chu nhan !

連峯去天不盈尺，
Liên phong khứ thiên bất doanh xích.

枯松倒掛倚絕壁
Khô tông đảo quải ỷ tuyệt bích.

飛湍，瀑流爭喧豗。
Phi thoan, bộc lưu tranh huyên hôi.

砢崖，轉石，萬壑雷，
Băng nhai, chuyển thạch, vạn hác lôi,
其險也如此！

Kỳ hiểm giả như thử.

嗟爾遠道之人何爲乎來哉？
Ta nhĩ viễn đạo chi nhân hà vi hồ lai tai！

劍閣崢嶸而崔嵬！
Kiếm-các tranh vanh nhi đôi ngôi,
一夫當關，萬夫莫開。

Nhất phủ đương quan, vạn phu mạc khai.
所守或匪親，

Sở thủ hoặc phi thân.

化爲狼與麋。
Hóa vi lang dữ sài.

朝避猛虎，

Triêu ty mạnh hổ，

夕避長蛇，

Tịch ty trường xà，

磨牙吮血，

Ma nha noãn huyết,

殺人如麻！

Sát nhân như ma！

錦城雖云樂，

Cầm-thành tuy vân lạc,

不如早還家！

Bất như tảo hoàn gia！

蜀道之難，難于上青天，

Thục đạo chi nan, nan vu thượng thanh-thiên,

側身西望長咨嗟！

Trắc thân tây vọng trường tư ta！

TÌM ĐIỀN

1.) 蜀 Thục : Tên cũ một xứ ở phía cực-tây nước Tàu, nay là phủ Thành-đô trong tỉnh Tứ-xuyên,

2.) 蠶叢, 魚鳧 Tàm-tòng, Ngư-phù : Tên hai ông tổ của vua nước Thục đời xưa. Sách Thục-vương bản-kỷ của Dương-Hùng nói rằng : Tiên-tổ vua Thục là Tàm-tòng, Bách-quán, Ngư-phù, Bồ-trạch, Khai-minh. Từ Khai-minh tính ngược lên đến Tàm-tòng đã có 3 vạn và 4 nghìn năm.

3.) 秦 Tần : Đã chua ở trên, một xứ giáp với nước Thục.

4.) 太白 Thái-bạch : Dãy núi rất cao ở chỗ nước Thục, nước Tần giáp nhau.

5') 峨嵋 *Nga-mi* : Cũng một dãy núi rất cao ở chỗ nước Thục nước Tần giáp nhau.

6') 六龍回日 *Lục long hồi nhật* : Sáu con rồng kéo mặt trời lại. Sách Xuân-thu mệnh-lịch nói rằng : Khi Hoàng-bá-Đặng ra xứ Phù-tang là chỗ ở về phía nam mặt trời, cưỡi sáu con rồng bay lên bay xuống, mặt trời bị vướng không đi được, phải quay trở lại.

7') 高標 *Cao tiêu* : Tên một ngọn núi cao như cây nêu, ở phủ Gia-định. Núi ấy lại có tên là Cao-vọng, chủ-sơn của các núi vùng đó.

8') 青泥 *Thanh-nê* : Tên một ngọn núi ở Miện-châu, tự Tần vào Thục, tất phải qua đó.

9') 參井 *Sâm tỉnh* : Tên hai ngôi sao thuộc về phân-giã nước Thục.

10') 劍閣 *Kiểm-các* : Tên một giã núi rất hiểm ở nước Thục, nay ở huyện Kiểm-các trong tỉnh Tứ-xuyên.

GIẢI NGHĨA

Trong lúc Minh-hoàng phải chạy vào Thục, tác-giả cảm-xúc làm ra bài này để tả cái cảnh hiểm-trở của xứ Thục. Đại ý nói rằng : Than ôi ! Đường đi vào Thục khó hơn đường lên trời xanh ! Theo như trong sách đã nói, thì từ những đời Tàm-tòng, Ngư-phù mở ra xứ Thục trở đi, kể có 4 vạn và 8 nghìn năm cả thấy. Thế mà nước Thục với nước Tần là chỗ tiếp-giáp,

vẫn cách-biệt nhau, đến nỗi bóng khói của người hai xứ vẫn chưa thông nhau. Là vì đất ấy hiểm lắm, chỉ ở phía tây núi Thái-Bạch, có một chỗ đá núi đứt quãng, nhưng chỗ đứt quãng ấy cũng cao chót-vót, riêng có loài chim mới bay qua đó mà sang đỉnh núi Nga-my, chứ người không thể đi được. Cứ như trong sách đã nói, thì mãi đến đời nhà Tần, trời mới sai năm vị lực-sĩ có sức khiêng đồi, vác núi, xuống giúp vua Thục. Đến lúc năm vị lực-sĩ ấy theo lệnh vua Thục, cùng đi dọn đường để đón một người con gái của vua nước Tần xin dung, chẳng may núi đổ, đá lở, năm vị lực-sĩ đều bị chết bẹp, bấy giờ rặng núi chắn ngang hai xứ Tần, Thục mới có chỗ hở. Về sau người ta nhân đó mà dựng thang và bắc cầu đá, để đi từ quả núi nọ sang quả núi kia, thì đất Thục mới có đường vào. Nhưng con đường ấy, không phải có dễ đi đâu ! Trên thì có núi Cao-tiêu, hình giống như sáu con rồng của Hoàng-bá-Đảng đã cưỡi, có thể làm cho mặt trời phải vướng mà quay trở lại, dưới thì khe-suối quanh co, nước chảy lộn ngược, coi rất ghê-sợ. Cho nên, bay cao như con hạc vàng, cũng không thể qua, leo giỏi như loài khỉ vượn, khi

muốn vượt qua, cũng phải lo-ngại về sự trèo vịn. Hơn nữa, ở giữa đường đi, lại có ngọn đèo Thanh-nê, vừa cao vừa quanh-quất, có khi đi một trăm bước, phải ngoặt đi, ngoặt lại đến chín lần. Những người qua đây, thường phải với hòn đá này, đập hòn đá khác, tưởng như với lên sao Sâm, đập vào sao Tinh, là hai sao thuộc về phạm-dã xứ Thục, rồi thì mỏi quá, phải ngồi vươn ngực mà thở và vỗ bụng mà than : Không biết mình đi vào Thục thì bao giờ về ? Và lại sợ rằng : đường đi hiểm quá, chưa chắc có trèo được không. Bởi vậy, đường ấy vắng-vẻ, không có ai đi, ban ngày chỉ có quạ kêu trên cây ; vì nhiều núi, loài quạ cũng sợ lạc đường cho nên con sống con mái không dám rời nhau. Ban đêm chỉ có cuộc kêu dưới ánh trăng của đám núi hiu-quạnh. Than ôi ! đường vào Thục khó đi hơn đường lên trời, nghe câu đó người ta sẽ vì lo-sợ mà già người đi, mặt mũi răn lại. Nhưng đã hết đâu ! qua núi Thanh-nê, lại còn những trái núi khác cao hơn. tưởng như cách trời không đầy một thước. Bởi bọn tiều-phu không thể tới đó, cho nên những cây thông khô gãy xuống, vẫn cứ treo ngược cạnh những tảng đá thẳng như bức tường.

Rồi thì suối ở lưng núi tóe ra, nước ở trong khe bắn lên, lúc nào cũng thấy ầm-ầm. Có khi nước suối dội xuống các khe mạnh quá, đá mòn rồi lở, trong khe như thể sấm động. Cái chỗ đã hiểm như thế, những người nơi xa đến đó làm gì ! Hay là tham sự hiểm-hóc của núi Kiếm-các mà muốn vào đó tranh bá đồ vương ? Cửa Kiếm-các quả có hiểm thật, nó đã cao-vọi, đường đi lại những đá nhọn lởm-chổm, hang-hốc gập-ghềnh, một người đứng giữa cửa ấy, muôn người không thể đi qua. Nhưng vì nó hiểm như thế, cho nên nhiều người muốn chiếm, kẻ nào chiếm được, cũng phải giao cho những người tâm-phúc đóng-giữ. Nếu kẻ đóng-giữ không phải là người tâm-phúc, tất nhiên chúng sẽ hóa ra tâm-địa sai-lang mà phản-lại mình. Thế thì đất ấy cũng không đáng tham. Huống chi, ngoài cái lo về sự phòng-bị loài người, lại còn cái lo về sự phòng-bị loài vật nữa chứ ! Ngày thì cọp dữ, đêm thì rắn dài, những con vật ấy nó vẫn mài nanh liếm máu, giết người như là chặt cây gai vậy. Thôi ! Cái xứ Cẩm-thành là kinh-đô nước Thục kia, tuy có vui-thú, cũng không bằng sớm-sớm về nhà ! Đường vào Thục khó đi hơn lên trời xanh. Đành phải nghiêng mình đứng trông về tây mà thở dài !

DỊCH VĂN

(Theo đúng nguyên-điệu)

Đường Thục khó

Ồi chà ! Gớm ! Hiểm mà cao thay !
Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời !
Tầm-tòng và Ngư-phù,
Mở nước trái bao đời !
Tính năm khi đã bốn vạn tám,
Bóng khói ải Tần chưa tới nơi !
Phía tây núi Bạch có đường chim,
Ngang đỉnh non Nga, nơi tuyết vời.
Đất sụt, núi lở, tráng-sỹ chết,
Rồi sau, cầu đá nối được với thang trời, !
Trên là núi Cao, như sáu con rồng ngăn bóng ác.
Dưới thì dòng sông quẩn-quại, thác dội, sóng vỗ,
nước chảy lùi.
Cánh con hạc vàng không thể vượt,
Khỉ vượn muốn qua lo vịn-noi !
Rạng núi Thanh-nê càng hiểm-nghèo.
Vừa đi, vừa ngoặt, đường cong-queo.
Với Sâm, đạp Tĩnh, vượn sừng nghỉ.
Vỗ bụng, ngồi thở, hơi phì-phèo.
Sang Tây chẳng biết bao giờ về ?
Sợ đường chon-von không thể leo.

Ban ngày quạ gào trên cồ-thụ,
Con mái bay lượn, con sống theo;
Ban đêm cuốc kêu dưới ánh trăng,
Đồi núi đều quạnh-hiu !
Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời !
Nghe nói, má hồng hàu răn-reo,
Giấy núi cách trời chẳng đầy thước.
Thông khô vách đá vẫn treo ngược !
Suối tung ầm-ầm, nước sáng choang.
Khe ngòi đá chuyển như sấm vang.
Nó hiểm là như thế !
Hỡi người xứ khác, làm chi mà lẫn sang ?
Núi Kiếm treo-leo lại lởm-nhờm,
Một người coi cửa, muôn người khó đương !
Kẻ giữ, nếu chẳng thân,
Sẽ thành giống sài-lang !
Sớm lánh cọp dữ,
Tối lánh rắn dài,
Mài nanh, liếm máu,
Giết người như chặt gai !
Cầm-thành dầu vui-thú,
Chẳng bằng về nhà: thôi !
Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời.
Nghiêng mình về tây đành ngậm-ngùi !

將進酒 (李白)

TƯƠNG TIẾN TỬU (LÝ-BẠCH)

君不見黃河之水天上來

Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên
thượng lai,

奔流到海不復回？

Bôn lưu đáo hải bất phục hồi.

又不見高堂明鏡悲白髮，

Hựu bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát,

朝如青絲，暮如雪？

Triêu như thanh ti, mộ như tuyết？

人生得意須盡歡。

Nhân sinh đắc ý, tu tận hoan,

莫使金樽空對月！

Mạc xử kim tôn không đối nguyệt！

天生我才必有用，

Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,

千金散盡還復來。

Thiên kim tán tận hoàn phục lai.

烹羊，宰牛，且爲樂！

Phanh dương, tề ngưu, thả vi lạc,

會須一飲三百杯！

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi！

岑夫子，丹邱生！

Sầm phu-tử, Đan khâu-sinh !

進酒，君莫停！

Tiến tửu, quân mạc đình !

與君歌一曲，

Dữ quân ca nhất khúc,

請君爲我側耳聽：

Thỉnh quân vị ngã trắc nhĩ thính :

鐘鼓饌玉不足貴，

Chung cồ soạn ngọc bất túc quý,

但願長醉不願醒。

Đán nguyện trường túy, bất nguyện tỉnh,

古來聖賢皆寂寞，

Cồ lai thánh hiền giai tịch mịch.

惟有飲者留其名。

Duy hữu ẩm-giả lưu kỳ danh,

陳王昔時宴平樂，

Trần-vương tích thì yến Bình lạc,

斗酒十千恣歡謔。

Đầu tửu thập thiên tứ hoan hước.

主人何事言少錢？

Chủ-nhân hà sự ngôn thiếu tiền ?

逕 須 沽 酒 對 君 酌 !

Kính tu cô tửu đối quân chúc !

五 花 馬, 千 金 裘 !

Ngũ hoa mã, thiên kim cừu !

呼 兒 將 出 換 美 酒,

Hộ nhi tương xuất hoán mỹ-tửu,

與 爾 同 消 萬 古 愁 !

Dữ nhĩ đồng tiêu nan cổ sầu !

TÌM ĐIEN

1') 岑夫子, 丹邱生 *Săm-phu-tử, Đan-khâu-sinh*:
Tên hai người. Các nhà chú-thích Đường-thi đều cho
là Săm-Tham, và Nguyên-đan-khâu, bạn của Lý-Bạch.

2') 陳王 *Trần-vương* : Tức là Trần-tư-vương,
tước của vua Ngụy phong cho Tào-Thực.

3') 平樂 *Bình-lạc* : Tên một cái quán đời Ngụy.

GIẢI NGHĨA

Cổ-nhạc-Phủ có điệu *Tương-tiến-Tửu*, Lý-Bạch theo đầu-đề ấy mà làm bài này, đề khuyên bạn uống rượu. Ý nói : Anh không thấy con sông Hoàng phát-nguyên ở chỗ cao, thân sông lại dài, đứng ở hạ-lưu trông lên, tưởng như nước ở trên trời đổ xuống, nhưng nó đã chảy xuống biển, thì không bao giờ mà trở lên nữa ? Và anh

lại không thấy cái gương để trong nhà-cao thường khiến cho ta trông thấy mái tóc mà sầu. Vui mái tóc thay-đổi rất chóng, buổi sớm còn xanh như sợi tơ xanh, buổi tối đã trắng như hoa tuyết rồi ? Coi đó, thì biết ngày tháng của kiếp người cũng như ngọn nước của sông Hoàng, đã đi thì không trở lại. Vì vậy, khi mà người ta đặc ý, cứ nên đánh chén cho đầy, những đêm sáng trăng, đừng để cái chén bỏ không. Trời đã sinh cho mình cái tài, tất nhiên là có chỗ dùng : Dầu cho nghìn vàng tiêu hết, có lúc lại kiếm ra được. Hãy cứ hăm dê, giết trâu làm đồ uống rượu. Và uống một lần phải đồ đủ ba trăm chén. Sầm-phu-Tử và Đan-khâu-sinh ! Rượu đã kéo, các anh chớ vội dừng-thôi ! Tôi vì các anh mà hát một khúc, các anh hãy vì tôi mà nghiêng tai nghe. Hát rằng : Chuông trống, tiền ngọc chẳng quý gì. Chúng ta chỉ muốn cứ được say mãi, chứ không muốn tỉnh. Tỉnh như bao nhiêu thánh-hiền ngày xưa, bây giờ đều im phăng-phắc, chẳng ai biết đến. Chỉ có kẻ hay trè rượu, tên họ vẫn còn ghi mãi. Cái người được nổi tiếng nhất là Trần-tư-Vương Gào-Thực. Khi Tào-Thực thiết tiệc ở quán Bình-lạc, khách-khứa uống hết mười nghìn đấu rượu, tha

hồ vui-dùa. Ở đời như thế mới đáng. Vậy thì, chủ nhân đừng kêu ít tiền, phải mua rượu ngay, để ta cùng uống. Nếu tiền không sẵn, thì con ngựa vằn năm sắc và tấm áo cừu đáng giá nghìn vàng ở đâu, hãy gọi con đem đổi lấy thứ rượu ngon về đây, để chúng ta uống cho tiêu cái sầu của muôn đời

DỊCH VĂN

Sắp kèo rượu

*Con sông Hoàng lưng trời tuôn nước,
Xuống biển rồi, có ngược lên đâu !
Nhà cao, gương xót mái đầu,
Sớm còn tơ biếc, tối hầu tuyết pha.
Vui cho đây, khi ta đặc ý !
Dưới vầng trăng, đừng đề chén không.
Sinh ta, trời có chỗ dùng.
Nghìn vàng tiêu hết, lại trông thấy về.
Chén đi đã, trâu, dê cứ giết,
Ba trăm ly, phải hết một lần.
Khâu, Sầm hai bác bạn thân,
Rượu kèo xin chớ ngại-ngồn ngừng-thôi !
Ta vì bác, hát chơi một khúc !
Bác vì ta, hãy chúc bên tai :*

« Ngọc, tiền, chuông, trống mặc ai.
Tỉnh chi? chỉ muốn cho dài cuộc say.
Bao hiền-thánh đến nay ai rõ?
Phường rượu ta tên họ rành-rành:
Trần-vương bữa tiệc quán Bình,
Mười nghìn đấu rượu thỏa tình đùa vui.»
Chủ-nhân chớ ngậm-ngùi tiền ít.
Mua rượu ta chén tí cùng nhau.
Áo cừu, ngựa gấm, đề đâu?
Gọi con đem đôi vài bầu rượu ngon.
Uống cho muôn thừa tan buồn!

*
* *

衰江頭 (杜甫)
AI GIANG ĐẦU (ĐỖ-PHỦ)

少陵野老吞聲哭。
Thiếu lãng dã lão thôn thanh khốc.
春日潛行曲江曲，
Xuân nhật tiềm hành khúc giang khúc，
江頭宮殿鎖千門，
Giang đầu cung điện tỏa thiên môn，
細柳新蒲爲誰綠？
Tế liễu tân bồ vị thùy lục？

憶 昔 霓 旌 下 南 苑。

Úc tích nghê tinh hạ Nam-uyền.

苑 中 萬 物 生 顏 色。

Uyền trung vạn vật sinh nhan-sắc.

昭 陽 殿 裏 第 一 人，

Chiêu-dương điện lý đệ nhất nhân,

同 輦 隨 君 侍 君 側。

Đồng liên tùy quân, thị quân trắc.

輦 前 才 人 帶 弓 箭，

Liên tiền tài nhân đai cung tiễn,

白 馬 嚼 齧 黃 金 勒。

Bạch mã tước nghiền hoàng kim lạc.

翻 身 向 天，仰 射 雲。

Phiên thân hướng thiên, ngưỡng xạ vân.

一 笑 正 墜 雙 飛 翼。

Nhất tiếu chính trụy song phi dực.

明 眸，皓 齒 今 何 在？

Minh mâu, hạo xỷ kim hà tại？

血 污 遊 魂 歸 不 得，

Huyết ô du hồn qui bất đắc,

清 渭 東 流，劍 閣 深，

Thanh-Vị Đông lưu, Kiếm-các thâm,

去 往 彼 此 無 消 息，

Khứ vãng bỉ thử vô tiêu-tức.

人 生 有 情 淚 沾 臆。

Nhân sinh hữu tình lệ chiêm ức.

江 草 江 花 豈 終 極！

Giang thảo giang hoa khởi chung cực！

黃 昏 胡 騎 塵 滿 城，

Hoàng hôn hồ kỵ trần mãn thành.

欲 往 城 南 望 城 北。

Dục vãng thành Nam vọng thành bắc.

TÌM ĐIỀN

1.) 少陵 *Thiếu-lăng* : Cồn Thiếu, nơi chôn Tuyên-đế nhà Hán, ở phía Tây-Nam thành Trường-an. Vì nhà Đỗ-Phủ ở trong cồn ấy, nên Đỗ tự xưng là Thiếu-lăng lão (ông già cồn Thiếu).

2.) 曲江 *Khúc-giang* : Tên một con sông trong thành Trường-an.

3.) 南苑 *Nam-uyển* : Tên một khu vườn trong thành Trường-an, ở liền sông Khúc, cũng gọi là vườn Phù-dung. Trong sách Úng-lục nói rằng : Vườn ấy đời Tần kêu là Nghi-xuân, đời Hán kêu là Lạc-du, đến đời Khai-nguyên nhà Đường mới sửa-sang lại thành một thắng-cảnh, có nhiều cung-diện cây-cối. Minh-hoàng và Dương-quí-phi thường ra chơi đó.

4.) 霓旌 *Nghê-tinh* : Lá cờ màu như cầu-vồng.

5.) 才人 *Tài-nhân* : Tên một chức ở nội-cung của nhà Đường đặt ra cho các cung-nữ.

6) 清渭 Thanh-vị : Tên một con sông trong xứ Lũng-tây, về huyện Thủ-dương. Nàng Dương-quí-phi sau khi thất cớ, bị vùi ở trên sông ấy.

7) 胡騎 Hồ-kỵ : Quân kỵ-mã của rợ Hồ. Đây chỉ về quân của An-Lộc-Sơn.

GIẢI NGHĨA

Trong sách *Đổ-thi kính-thuyên* chép rằng : Khi An-Lộc-Sơn chiếm thành Trường-an, Minh-hoàng phải chạy vào Thục, Dương-quí-phi phải thất cớ ở trạm Mã-ngôi, Đổ-Phủ trốn đi không kịp, bị nghẽn trong đám quân giặc. Nhân lúc đi qua Khúc-giang, là chỗ Minh-hoàng và Dương-quí-phi thường hay ra chơi, trông thấy quang-cảnh hiu-quạnh, ông ta có ý cảm-động, thương vua và nàng, mới làm bài này. Trong bài đại-ý nói rằng : Gập tiết mùa xuân, ông già cồn Thiều cất lên đi trên Khúc-giang, vừa đi vừa khóc sụt-sùi, vì sợ quân giặc nghe thấy, nên không dám khóc ra tiếng. Bấy giờ ở trên Khúc-giang, bao nhiêu cung-điện đều khóa im-ỉm, ấy là cảnh đã vắng chủ, thế mà những cây bồ-liễu vẫn còn tươi xanh, không hiểu nó vui với ai. Nhân thấy những cảnh-tượng ấy, ông ta nhớ những năm xưa, mỗi khi ngọn cờ cầu-vòng của Minh-hoàng

ra sẵn ở khu vườn Nam, trên bờ Khúc-giang, thì những cảnh-vật trong vườn, đều như có vẻ hớn-hở. Lúc ấy chỉ có Quý-phi, một người bậc nhất trong điện Chiêu-dương, được ngồi cùng xe với vua. Ngoài ra, các ả tài-nhân, tuy là hạng quan ngũ-phàm, cũng phải đeo cung, cắp tên, cưỡi đoàn ngựa bạch trắng nhàn vàng đi ở trước kiệu. Vì muốn mua vui cho nàng, có khi những ả tài-nhân nghiêng mình bắn lên trên mây. Tiếng cười chưa dứt, con chim đương bay đã trúng phải tên và sa xuống rồi. Cái người con mắt sáng quắc, hàm răng trắng nõn ấy lúc này ở đâu ? Nàng đã bị đám loạn quân đem thắt cổ ở trên cây lê, máu chảy đầm-dìa, hồn phách khó về đây được. Bây giờ nàng đã phải vùi ở trên sông Vị, vua thì xiêu-bạt vào núi Kiếm-các, sông Vị vẫn chảy về đông, núi Kiếm lại sâu thăm-thẳm, còn biết tin-tức hai nơi ra sao. Gặp lúc nước nhà tai-nạn ghê-gớm như thế, một người có tình như mình, không thể cầm được nước mắt, cho nên, trông thấy hoa cỏ trên sông, con sâu càng không thể nguôi. Trời đã sắp tối, quân kỵ của giặc đi diễu trong thành, làm cho bụi bay mù-mịt, mình muốn đi quá xuống phía nam thành, để trông lên phía bắc thành, xem rằng cung-điện nhà vua khi trước, bây giờ thế nào.

DỊCH VĂN

Thương đầu sông

Láo cồn Thiếu sứt-sùi ngấm khóc.
Giữa ngày xuân, bến Khúc lần rời.
Đầu sông, điện khóa, cung cài,
Bồ non, liễu yếu vì ai xanh rì,
Chốn Nam-uyên, nhớ khi vua ngự,
Cảnh trong vườn hớn-hở đua tươi,
Đền Chiêu, thứ nhất một người,
Theo vua riêng được chung ngôi kiệu rồng.
Gái hầu kiệu vành cung cấp nách,
Cẩn nhàm vàng, ngựa bạch thẳng dong,
Quay mình, ngựa bắn vùng không,
Tiếng cười chưa dứt, cánh hồng liền sa.
Đời nhan-sắc nay đà oan thác,
Máu đào rơi, hồn lạc về đâu ?
Sông Vị thăm, núi Gươm sâu,
Đường kia, ngã ấy, dễ hầu thông tin.
Kẻ tình nặng, ngực hoen, lệ đỏ,
Biết đâu cùng, bãi cỏ ngàn hoa ?
Bụi Hồ, mờ-mịt bóng tà,
Muốn sang Nam-quận, ngó qua Bắc-thành.

節婦吟 (張籍)

TIẾT-PHỤ NGÂM (TRƯƠNG-TỊCH)

君 知 妾 有 夫,

Quân tri thiếp hữu phu,

贈 妾 雙 明 珠.

Tặng thiếp song minh châu,

感 君 纏 綿 意,

Cảm quân chiêm-miên ý,

繫 在 紅 羅 襦.

Hệ tại hồng la nhu.

妾 家 高 樓 連 苑 起,

Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,

良 人 執 戟 明 光 裏,

Lương nhân trấp kích Minh-quang-lý,

知 君 用 心 如 日 月,

Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,

事 夫 誓 擬 同 生 死.

Sự phu thệ nghĩ đồng sinh-tử.

還 君 明 珠, 雙 淚 垂,

Hoàn quân minh-châu song lệ thùy,

恨 不 相 逢 未 嫁 時,

Hận bất tương phùng vị giá thì.

TÌM ĐIEN

明 光 *Minh-quang* : Tên một tòa đèn đời Hán. Sách *Tam phụ cửu sự* nói : trong cung quế có điện Minh-quang.

GIẢI NGHĨA

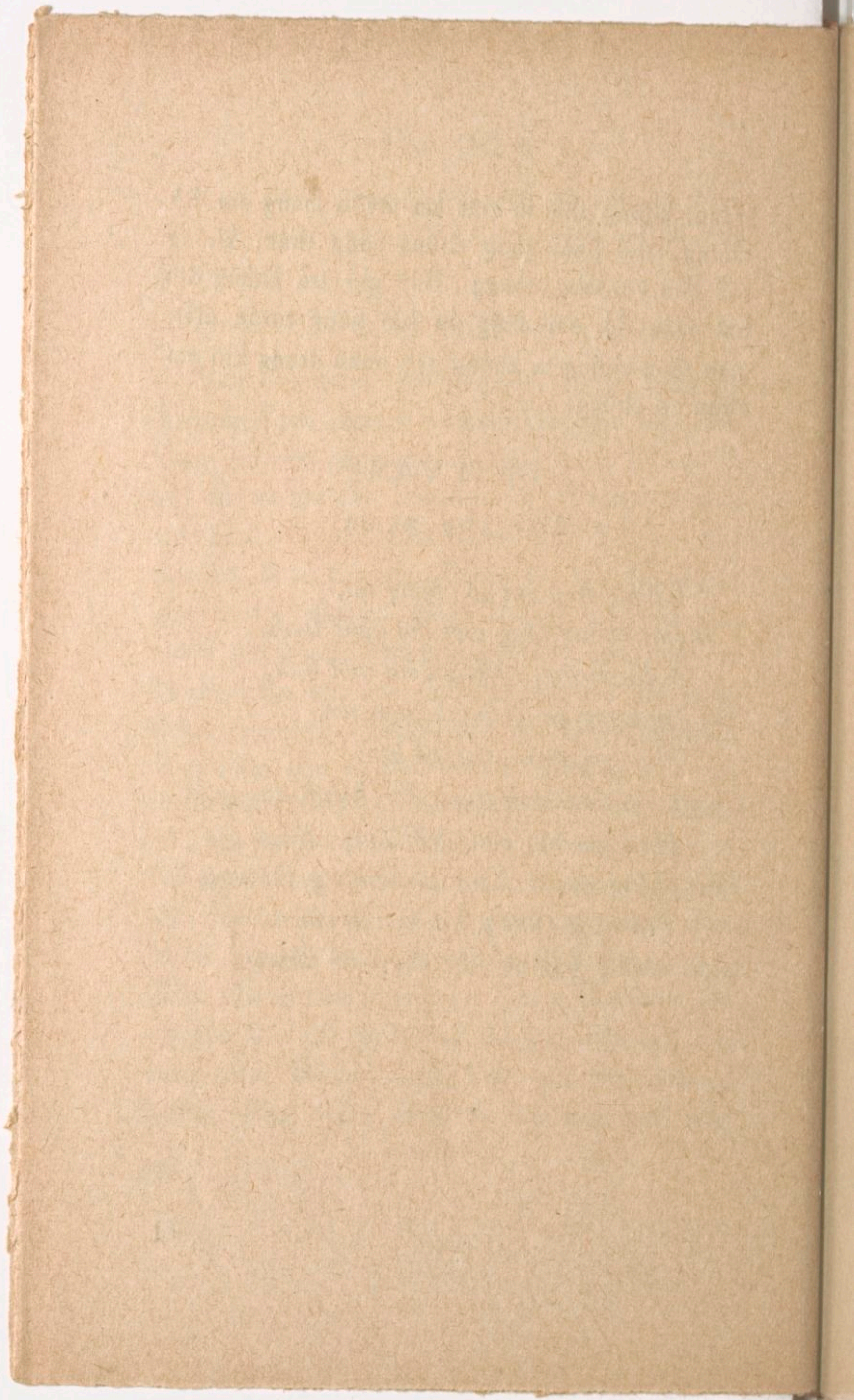
Sách *Dung-trai tam-bút* chép rằng : Trong khi Trương-Tịch đương ở mạc-phủ của một trấn khác, thì viên nguyên-soái trấn Vận là Lý-sur-Cồ gửi thư và lụa cho Trương và mời Trương về giúp việc mình. Trương không đi, mới làm bài này đưa Lý để tỏ ý mình. Trong bài toàn là lời của một người đàn-bà chính-chuyên nói với một người yêu mình. Đại-ý như vậy : Chàng biết em đã có chồng rồi, nên mới tặng em một đôi ngọc châu trong-sáng. Em cũng cảm về cái ý quyến-luyến của chàng, nên đã đeo đôi hạt châu ấy vào tấm áo lót mình bằng là nhuộm màu cánh sen. Nhưng mà, nhà em ở cái lầu cao liền với vườn ngự, là chỗ người thường không được ra vào, chồng em hiện đương làm chức Trấp-kích-lang trong điện Minh-quang là chỗ nghiêm-cẩn của hoàng-cung... Chắc chàng cũng biết cho rằng : Gia-đình của em như thế, thì em không thể làm việc trái với danh-giáo. Đã hay chàng vẫn dụng-tâm đường-hoàng, lòng chàng sáng tỏ như mặt trời, mặt

trắng, không phải là việc ám-muội. Song em thờ chồng, thề phải cùng chồng sống thác, không thề làm vui lòng chàng. Bây giờ trả chàng đôi hạt châu đó, em cũng ứa hai hàng nước mắt, giận rằng chúng ta không gặp nhau trong khi em chưa có chồng.

DỊCH VĂN

Tiết phụ ngâm

*Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn-vương, những cảm mối tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kè bên,
Chồng em cầm-kích trong đèn Minh-quang,
Như gương, vâng biết lòng chàng.
Thờ chồng quyết chẳng phụ-phàng thề xưa.
Trả ngọc chàng, hạt lệ như mưa,
Giận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.*



PHẦN THỨ BA
NGŨ-NGÔN TUYỆT-CÚ

自君之出矣 (張九齡)
TỰ QUÂN CHI XUẤT HĨ (TRƯƠNG-CỬU-LINH)

自君之出矣,

Tự quân chi xuất hĩ,

不復理殘機。

Bất phục lý tàn ki.

思君如月滿,

Tư quân như nguyệt mãn,

夜夜減清輝。

Dạ dạ giảm thanh huy.

GIẢI NGHĨA

Bài này mượn lời một người vắng chồng gửi
nhắn cho chồng để tả tâm-lý những người nhớ
chồng. Ý nói : Từ khi chàng bước chân ra đến

giờ, cái cửi dệt dở vẫn không mó đến. Vì nhớ chàng quá, thành ra nhan-sắc mỗi ngày mỗi kém, chẳng khác gì vầng trăng đã tròn, mỗi đêm mỗi khuyết dần đi !

DỊCH VẦN

Từ ngày chàng bước chân đi

*Từ ngày chàng bước chân đi,
Cái khung dệt cửi chưa hề dúng tay.
Nhớ chàng như mảnh trăng đầy,
Đêm đêm vầng-sáng hao-gầy đêm đêm.*

*
* *

易水送別 (駱賓王)

DỊCH THỦY TỐNG BIỆT (LẠC-TÂN-VƯƠNG)

此 地 別 燕 丹。

Thử địa biệt Yên Đan,

壯 士 髮 衝 冠。

Tráng-sĩ phát xung quan.

昔 時 人 已 沒，

Tích thì nhân dĩ một,

今 日 水 猶 寒。

Kim nhật thủy do hàn.

TÌM ĐIEN

易 水 *Dịch-thủy* : Tên một con sông, nay ở Dịch-huyện trong tỉnh Hà-bắc nước Tàu. Sách *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên nói rằng : Khi Kinh-Kha (một tay tráng-sỹ đời chiến-quốc), định vào hành-thích vua Tần, Thái-tử-Đan nước Yên và nhiều người nữa đều tiễn đến trên sông Dịch. Bấy giờ Kinh-Kha say rượu có hát hai câu : « *Gió đưa sông Dịch lạnh-lùng, Đã đi, tráng-sỹ quyết không trở về (1)* ». Trong tiệc ai nấy cảm-dộng và cùng tức-giận vua Tần, tóc trên đầu đều dựng ngược cả.

GIẢI NGHĨA

Bài này, tác-giả nhân khi tiễn khách đến sông Dịch, thuật lại câu chuyện lúc Kinh-Kha sắp vào hành-thích vua Tần. Ý nói : Chỗ này, khi Kinh-Kha giã-từ Thái-tử-Đan, sự khảng-khái đã làm cho tóc trên đầu chàng dựng ngược trong mũ. Nay người tráng-sĩ ấy tuy đã chết rồi, nhưng cái khí lẫm-liệt hình như vẫn còn, cho nên giòng nước sông Dịch vẫn thấy rá lạnh.

1 — Nguyên văn là : « phong tiêu-tiêu hê Dịch thủy hàn. Tráng-sĩ nhất khứ hê bất phục hoàn. »

DỊCH VĂN

Đưa khách trên sông Dịch

Đất này giã cội hoàng Yên,
Tóc người tráng-sĩ dựng trên mái đầu.
Người xưa khuất bóng đã lâu,
Ngày nay còn thấy nước sâu lạnh-lùng.

* * *

南行別弟 (韋承慶)

NAM HÀNH BIỆT ĐỆ (VI-THỪA-KHÁNH)

澹 澹 長 江 水,
Đạm đạm trường giang thủy,
悠 悠 遠 客 情,
Du du viễn khách tình.
落 花 相 與 恨,
Lạc hoa tương dữ hận,
到 地 一 無 聲!
Đáo địa nhất vô thanh!

GIẢI NGHĨA

Trong lúc bị tội vì có bè-dảng với Trương-Địch-Chi, Vi-Thừa-Khánh bị đày xuống miền

Lĩnh-biểu. Bài này Thừa-Khánh làm ra khi
tù-biệt người em đề lên đường. Ý nói :
Trong con sông dài, nước chảy lờ-dờ buồn-bã.
Người phải đi xa, tấm lòng bồi-hồi không nguôi.
Mấy bông hoa rụng như cũng xót-xa thay cho
mình, cho nên, nó cứ im-lặng mà rơi xuống đất,
không có tiếng gì.

DỊCH VĂN

Đi Nam, tù-biệt người em

*Sông xa, nước chảy lờ-dờ,
Đi xa, người nhúng vẩn-vơ nổi lòng.
Hoa rơi như cũng náo-nùng,
Mặc dầu tới đất vẫn không tiếng gì.*

*
* *

憶 東 山 (李 白)

ỨC ĐÔNG SƠN (LÝ BẠCH)

不 向 東 山 久。

Bất hướng Đông-sơn cửu

薔 薇 幾 度 花 ？

Tường-vi ki độ hoa ?

白 雲 還 自 散 ？

Bạch vân hoàn tự tán ?

明 月 落 誰 家 ？

Minh nguyệt lạc thùy gia ?

TÌM ĐIEN

1.) 東山 *Đông-sơn* : Tên một ngọn núi ở Kim-lăng, chỗ ẩn của Tà-An (một danh-nhân đời Tấn).

2.) 薔薇 *Tường-vi* : Một giống hoa về loài hoa hồng. Sách Nhất-thống-chí nói rằng : ở Đông-sơn có động Tường-vi .

GIẢI NGHĨA

Lý-Bạch trước kia vẫn ở Đông-sơn. Bây giờ đã lâu không đến, có ý nhớ, mới làm bài này. Ý nói : Mình không đến thăm Đông-sơn đã lâu, không biết những cây tường vi trong động đã nở hoa mấy lần ? Đám mây ở đó hẳn vẫn tự nó tan đi. Vầng trăng ở đó, không biết rơi vào nhà ai !

DỊCH VĂN

Nhớ Đông - sơn

Non Đông xa-cách bao xuân !

Cây tường-vi đã mấy lần nở hoa ?

Mây xưa hẳn vẫn bay xa ?

Trăng xưa biết rụng xuống nhà ai nao ?

獨坐敬亭山 (李白)

ĐỘC TỌA KÍNH-ĐÌNH SƠN (LÝ-BẠCH)

衆鳥高飛盡，

Chúng diều cao phi tận，

孤雲獨去閒。

Cô vân độc khứ nhàn.

相看兩不厭，

Tương khan lưỡng bất yếm，

惟有敬亭山。

Duy hữu Kính-đình-sơn.

TÌM ĐIỀN

敬亭山 *Kính-đình-sơn* : Một ngọn núi ở Tuyên-châu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả tả cảnh một mình ngồi ở trên núi Kính-đình. Lúc ấy, đàn chim quanh núi đã bay cao hết, cho đến đám mây trơ-vơ trên núi cũng thủng-thỉnh đi mãi ra đằng xa-xa. Ngắm đi, ngắm lại trong bầu trời, chỉ có một núi Kính-đình với mình, và mình với núi Kính-đình hình như vẫn trông nhau mà không chán nhau.

DỊCH VĂN

Một mình ngồi trên núi Kính-đình

*Đàn chim thăm-thăm cao bay,
Giữa trời lơ-lửng đám mây đi mình.
Trông nhau ra vẻ hữu-tình.
Có chăng hòn núi Kính-đình với ta.*

* *

靜 夜 思 (李白)

TĨNH ĐẠ TỬ (LÝ-BẠCH)

牀 前 看 月 光。

Sàng tiền khán nguyệt quang,

疑 是 地 上 霜,

Nghi thị địa thượng sương.

舉 頭 望 明 月。

Cử đầu vọng minh nguyệt,

低 頭 思 故 鄉。

Đê đầu tư cố hương.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả tâm-lý trong đêm tĩnh-mịch của người xa nhà. Ý nói : Trong lúc đêm khuya im-lặng, nằm ngủ trên giường, thỉnh-linh thức-giác,

thấy có ánh-trắng chiếu vào trắng xóa. Ngờ là hơi sương rơi xuống mặt đất, và tưởng là trời đã sáng, sương đã xuống, mới ngẩng lên trông. Thì ra trời vẫn chưa sáng, cái bóng trắng xóa đó là ánh mặt trăng. Khi thấy mặt trăng, mới nhớ mình đương lặn-dặn nơi đất khách. Thế là lại cúi đầu xuống để nghĩ quê-hương của mình.

DỊCH VĂN

Tình-tứ một đêm tĩnh-mịch

*Bên giường vừa lọt ánh trăng,
Trông ra mặt đất ngỡ rằng hơi sương.
Ngẩng đầu ngó bóng gương vàng,
Cúi đầu lại những mơ-màng non quê.*

* * *

春 曉 (孟浩然)

XUÂN HIỀU (MẠNH HẠO NHIÊN)

春 眠 不 覺 曉,
Xuân miên bất giác hiều,
處 處 聞 啼 鳥.
Xứ xứ văn đề điều

夜 來 風 雨 聲,

Dạ lai phong vũ thanh,

花 落 知 多 少 ?

Hoa lạc tri đa thiêu

GIẢI NGHĨA

Bài này tả tính-tình cao-thượng của một người nhàn-hạ. Ý nói : Đêm xuân ấm-áp, ngủ say không biết rằng trời đã sáng. Đến khi thức giấc, đã thấy tiếng chim kêu khắp mọi nơi. Nhưng cũng chưa dậy, vẫn còn nằm đó tư-tưởng mọi sự. Bắt đầu nghĩ ngay đến hoa. Sực nhớ đêm qua có tiếng mưa gió, thì lại lo rằng : không biết trong lúc gió mưa, hoa bị rụng ít hay nhiều.

DỊCH VĂN

Buổi sáng mùa xuân

Giấc xuân không biết sáng trời,

Tiếng chim nghe đã mái ngoài đua kêu.

Đêm qua mưa, gió dập-diều,

Biết rằng hoa rụng ít nhiều sao đây ?

班 婕 妤 (王 維)

BAN TIỆP-THU (VƯƠNG-DUY)

怪 來 粧 閣 閉,

Quái lai trang các bế,

朝 下 不 相 迎.

Triều hạ bất tương nghênh.

總 向 春 園 裡,

Tổng hướng xuân viên lý.

花 間 笑 語 聲.

Hoa gian tiếu ngữ thanh.

TÌM ĐIEN

班 婕 妤 *Ban-Tiếp thu*: Cung-phi của Thành-đế nhà Hán. Lúc đầu vẫn được vua ấy yêu-dấu, sau bị chị em Triệu-Phi-Yến cướp mất tình yêu, nàng sợ nguy phải xin vào ở cung Trường-tín hầu-hạ Thái-hậu để lánh sự ghen tuông của chị em họ Triệu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả sự đứng-dẫn của nàng Ban. Ý nói: Mỗi khi Thành-đế tan triều mà vào hậu-cung, phi-tần đua nhau đón rước. Quái lạ làm sao riêng có nàng Ban hôm nào cũng thấy đóng cửa dài-trang, không chịu ra mà đón vua. Ấy là vì tính nàng đứng-dẫn, nàng nghĩ: Nếu có theo họ mà

đi đón vua chẳng nữa, thì chẳng qua cũng đến
theo vua vào trong vườn xuân, thêm một vài
tiếng cười nói vui đùa trong đám hoa nở mà
thôi, có ích gì.

DỊCH VĂN

Nàng Ban

*Quái sao khép cửa dài-trang,
Triều tan, riêng chẳng nở-nang đón chào ?
Chẳng qua cũng tới vườn đào,
Dưới hoa thêm tiếng sôn-sao nói cười.*

* * *

鳥 鳴 澗 (王 維)

ĐIỀU MINH-GIẢN (VƯƠNG-DUY)

人 閒, 桂 花 落.
Nhân nhàn, quế hoa lạc,
夜 靜, 春 山 空.
Dạ tĩnh, xuân sơn không.
月 出 驚 山 鳥.
Nguyệt xuất kinh sơn-điều.
時 鳴 春 澗 中.
Thì minh xuân giản trung.

GIAI NGHĨA

Bài này tả cảnh một đêm tĩnh-mịch trong núi. Ý nói : Lúc ấy, người rất nhàn-rỗi, bông hoa quế sẽ-sàng rơi-rụng. Đêm xuân im-ả, trong núi vắng-vẻ như tờ. Thành-linh vắng trắng mọc lên, ánh trăng soi vào trong núi, làm cho những con chim ngủ giật mình bay ra. Vì cảnh đêm hết sức im-lặng, cho nên ngồi ở trong nhà, cũng biết chim kêu trong khe.

DỊCH VĂN

Khe Chim kêu

*Người nhàn, hoa quế nhẹ rơi,
Đêm xuân lặng ngắt, trái đồi vắng tanh.
Trăng lên, chim núi giật mình.
Tiếng kêu thủng-thẳng đưa quanh khe đồi.*

* * *

長 干 行 (崔顥)

TRƯỜNG CAN HÀNH (THÔI-HIỆU)

(一) 君 家 住 何 處 ?

Quân gia trụ hà xứ ?

妾 住 在 橫 塘,

Thiếp trụ tại Hoành đường.

停 船 暫 借 問,

Đình thuyền tạm tá vấn,

或 恐 是 同 鄉.

Hoặc khùng thị đồng hương.

(二) 家 臨 九 江 水,

Gia lâm Cửu-giang thủy.

來 去 九 江 側,

Lai khứ Cửu-giang trắc.

同 是 長 千 人,

Đồng thị Trường-can nhân,

生 小 不 相 識,

Sinh tiều bất tương thức,

TÌM ĐIỀN

1) 長 干 *Trường-can*: Tên một xứ ở Kim-lăng. Người trong xứ này chỉ chuyên về nghề buôn thuyền, gia-đình ở cả trong thuyền, thuyền tức là nhà của họ.

2) 橫 塘 *Hoành-đường*: Một con đê ngang do nước Ngô trong đời Tam-quốc đắp lên, thân đê chạy từ cửa sông Giang đến sông Hoài.

3) 九 江 *Cửu-giang*: Tên một khúc sông ngã chín, thuộc xứ Kim-lăng.

GIẢI NGHĨA

Nhạc-phủ của Tàu có điệu Trường-can-hành.
tác-giả mượn đầu-đề đó để tả cái tính lẳng-lơ

của trai gái Trường-can. Bài trên là lời của người con gái. Người con gái đang trèo thuyền trong sông, thấy có thuyền của người con trai đi qua, bèn hỏi với rằng : Nhà chàng ở đâu ? Và không đợi chàng kia trả lời, nàng tự khai rằng : Nhà em vẫn ở trong vùng Đê-ngang. Rồi sợ người kia không chịu trả lời, nàng lại cố nèo : Chàng hãy dừng thuyền nói chuyện cái đã ! Biết đâu chúng ta không phải là người cùng làng với nhau ! Bài dưới lời người con trai. Người con trai thấy người con gái hỏi mình, liền đáp lại rằng : Nhà tôi ở bến Cửu-giang, tôi vẫn đi lại ở bên sông ấy. Chúng ta cùng làm một nghề buôn thuyền, thì chắc cùng là người ở Trường-can rồi. Chỉ vì hai đứa xa nhau từ thuở còn nhỏ, tôi ở Cửu-giang, nàng ở Đê-ngang, cho nên chúng ta mới không biết nhau.

DỊCH VĂN

Bài hát Trường-can

10 Nhà chàng đâu tá, chàng ơi,
Nhà em đậu ở phía ngoài Đê-ngang.
Dừng thuyền, hỏi chuyện, nào ! chàng !
Đôi ta may ở cùng làng cũng nên.



20 Nhà anh ở bến Cửu-giang,
Bên con sông ấy, anh thường lại, qua.
Trường-can cùng quán đôi ta,
Xa nhau từ nhỏ hóa ra lạ-lùng!

*
* *

伊 州 詞 (無 名 氏)
Y-CHÂU TỰ (VÔ DANH-THỊ)

打 起 黃 鶯 兒,
Đà khởi hoàng oanh-nhi,
莫 教 枝 上 啼!
Mạc giao chi thượng đề,
啼 時 驚 妾 夢,
Đề thì kinh thiếp mộng,
不 得 到 遼 西.
Bất đắc đáo Liêu-tây.

TÌM ĐIEN

1.) 伊 州 Y-châu : Tên một xứ ở miền tây-bắc nước Tàu. Trước là Y-ngô-quận, nhà Đường đổi ra Y-châu. Nay thuộc về tỉnh Tân-cương.

2.) 遼 西 Liêu-tây : Tên một xứ ở miền Đông-bắc nước Tàu. Nay thuộc về tỉnh Phụng-thiên và tỉnh Hà-bắc.

GIẢI NGHĨA

Tập Nhạc-phủ đời Đường chép rằng : Bài này không biết của ai làm ra. Trong đời Khai-nguyên, Cáp-Gia-Vận làm Tiết-độ-sứ ở Lương-châu, chép được, gửi về dâng vua Minh-hoàng. Trong bài chỉ là lời của người vợ lính. Người ấy quê ở Y-châu, là xứ cực tây, có chồng đi lính, đóng ở Liêu-tây, là xứ cực-đông. Nhớ chồng, muốn được gặp mặt nhưng mà đường xa không thể đi tới, chỉ còn có cách tìm chồng trong giấc chiêm-bao. Vì thế nàng mới đi ngủ, để hồn mơ thấy chồng chẳng. Và trước khi sắp ngủ, lại dặn người nhà đuổi hộ con oanh, không cho nó kêu ở trên cành cây. Sợ rằng tiếng kêu của nó, làm cho mình bị thức giấc, hồn mơ không thể đến đồn Liêu-tây mà tìm chồng.

DỊCH VĂN

Bài hát Y-châu

*Nhờ ai đuổi hộ con oanh,
Chớ cho con quái trên cành véo-von.
Làm cho em ngủ không ngon,
Hồn mơ chẳng tới cửa đồn Liêu-tây.*

故 行 宮 (元 稹)

CỔ HÀNH-CUNG (NGUYỄN-CHÂN)

寥 落 故 行 宮.

Liêu lạc cổ hành cung

宮 花 寂 寞 紅,

Cung hoa tịch mịch hồng,

白 頭 宮 女 在.

Bạch đầu cung nữ tại.

閒 坐 說 玄 宗.

Nhàn tọa thuyết Huyền-tông.

TÌM ĐIỀN

1') 行 宮 *Hành-cung* : Nơi của các vua nghỉ tạm trong khi đi đường.

2') 玄 宗 *Huyền-tông* : Tức là vua Đường Minh-hoàng.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả quang-cảnh hiu-quạnh trong nếp hành-cung của Minh-hoàng ngày xưa. Sau khi Minh-hoàng phải chạy vào Thục, hành-cung hiu-quạnh đến nỗi những bông hoa thắm cũng đều có vẻ buồn-rầu. Trong cung chỉ còn một mụ cung-nữ. Mụ ấy khi xưa có hầu Minh-hoàng, bây giờ già

rồi, dầu tóc đã bạc, hình như vẫn tiếc cảnh
phồn-hoa trong lúc Minh-hoàng còn sống, cho
nên những lúc ngồi rồi, lại kể đến truyện vua ấy.

DỊCH VĂN
Hành - cung cú

*Quạnh-hiu thương cảnh hành-cung,
Trước cung, hoa thắm mấy bông rầu-rầu.
Trong cung, bà chúa bạc đầu,
Ngồi rồi, kể chuyện khi hầu Huyền-tông.*

*
* *

拜 新 月 李 端)
BÁI TÂN NGUYỆT (LÝ ĐOAN)

開 簾 見 新 月,
Khai liêm kiến tân nguyệt,
卽 便 下 階 拜。
Tức tiện hạ giai bài.
細 語 人 不 知,
Tế ngữ nhân bất tri,
北 風 吹 裙 帶。
Bắc phong xuy quần-đái.

GIAI NGHĨA

Bài này tả thái-độ bí-mật của người con gái đương có tâm-sự. Thủa xưa, trai gái thề-thốt với nhau, thường hay khấn trước bóng trăng. Người này chắc cũng ở trong trường-hợp ấy, cho nên, khi mới mở rèm, thấy vầng trăng non mới mọc, nàng liền xuống thềm mà lạy. Giữa lúc nàng đương lăm-rằm khấn vái, không có ai biết, thì một luồng gió bắc thình-lình thổi vào quần và giải lưng, giống như có ý trêu-gheo nàng vậy.

DỊCH VĂN

Lạy trăng mới

*Ánh trăng vừa lọt trước rèm,
Thấy trăng liền xuống dưới thềm chấp tay.
Lăm-rằm nói chẳng ai hay,
Một luồng gió bắc thổi bay giải quần.*

* * *

飲酒看牡丹 (劉禹錫)
ẨM TỬU KHÁN MÃU ĐƠN (LƯU-VŨ TÍCH)

今日花前飲,
Kim nhật hoa tiền ẩm,
甘心醉數杯.
Cam tâm túy số bôi.

但 愁 花 有 語：

Đán sầu hoa hữu ngữ：

不 爲 老 人 開。

Bất vị lão nhân khai.

GIẢI NGHĨA

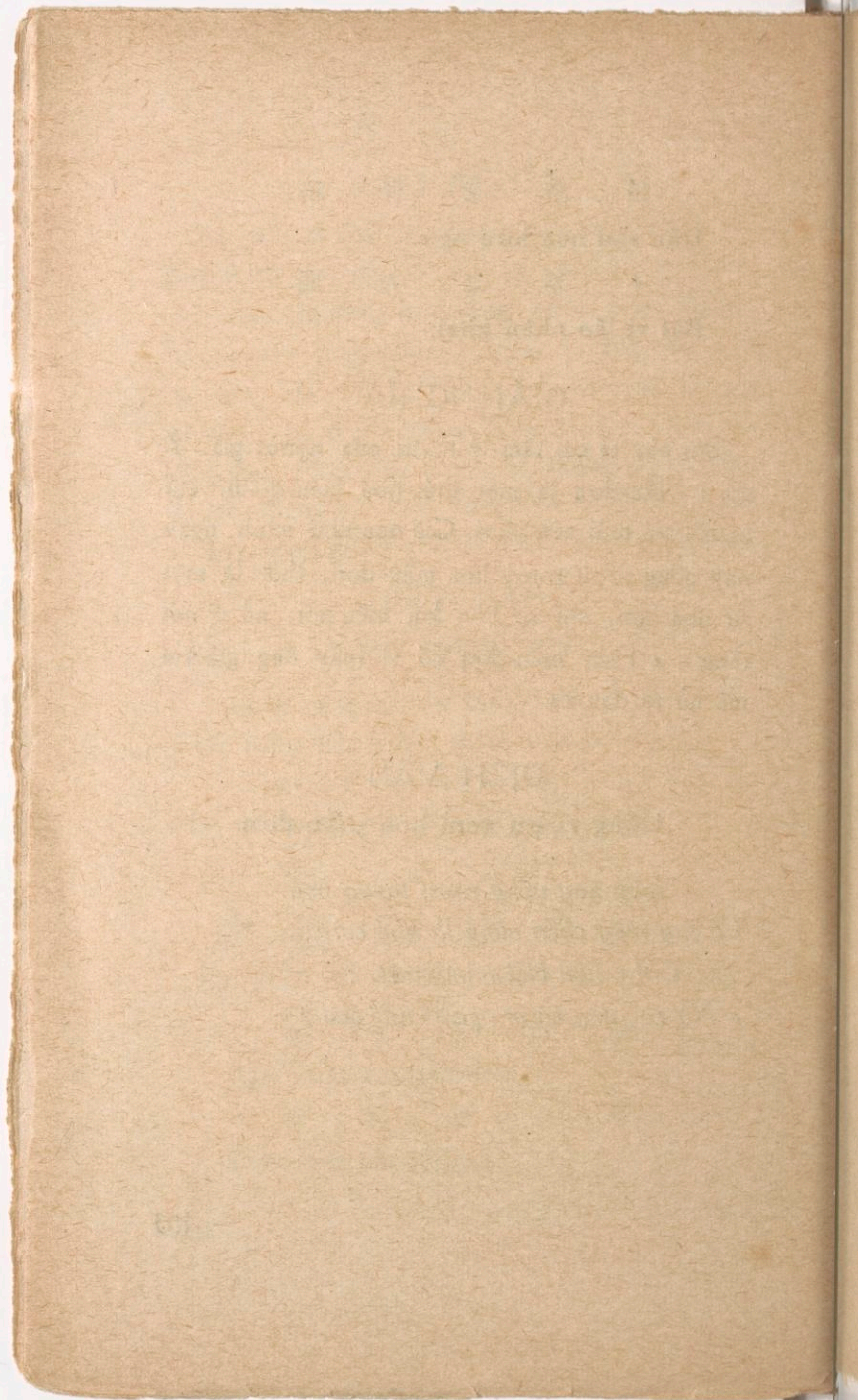
Bài này tả cái tâm-lý tự-tri của người già. Ý nói : Mẫu-đơn là một thứ hoa kiều-diễm, chỉ người trẻ tuổi nên chơi. Già nua như mình, ngày nay uống rượu trước hoa mẫu-đơn, thật là một sự quá lạm, chỉ sợ hoa kia biết nói, nó sẽ nói rằng : « Hoa mẫu-đơn có vì mấy ông già kia mà nở ra đâu ? »

DỊCH VĂN

Uống rượu xem hoa mẫu-đơn

*Ngày nay uống rượu trước hoa.
Cổ say mấy chén cũng là khó coi.*

*Chỉ e hoa biết mỉm cười :
« Nở ra, đâu có vì người tuổi cao ? »*



PHẦN THỨ TƯ
THẤT NGÔN TUYỆT CÚ

涼州詞 (王翰)
LUONG CHAU TU (VƯƠNG-HÃN)

葡萄美酒，夜光杯，
Bồ-đào mỹ tửu, dạ quang bôi,
欲飲，琵琶馬上催。
Dục ẩm, tỳ-bà mã thượng thôi.
醉臥沙場君莫笑，
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
古來征戰幾人回？
Cồ lai chinh chiến kỷ nhân hồi？

TÌM ĐIỀN

1') 涼州 *Lương-châu* : Một xứ ở miền tây nước Tàu, nay thuộc về tỉnh Cam-túc.

2') 葡萄 *Bồ-đào* : Cây nho. Truyện Đại-Uyên trong sách Sử-ký của Tư-Mã-Thiên chép rằng : Chung-

quanh xứ Uyên, người ta dùng nho ủ rượu. Đường-thư nói rằng : Rượu nho, ở xứ Tây-vực mới có. Đời trước đã có đem dâng Đến khi Thái-tôn nhà Đường đánh chúa Mạc-đặc lấy được giống nho vú ngựa, đem về trồng trong vườn ngự, và học được cả cách ủ rượu của họ, từ đó, ở Tàu đã có rượu nho.

3) 琵琶 *Tỳ-bà* : Một thứ đàn của người Hồ vãn hay gảy trong lúc cưỡi ngựa. Đưa tay lên phía trước gọi là tỳ, co tay xuống phía sau gọi là bà.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cái tâm-lý lãng-mạn của một người lính ở chốn sa-mạc. Ý nói : Ở chốn sa-mạc mà được rượu bồ-đào — là thứ rượu ngon, chỉ ở Tây-vực mới có — rót vào một chiếc chén ngọc ban đêm cũng có ánh-sáng — là thứ chén đẹp, thì ai mà không muốn uống ? Giữa lúc sắp uống, đã nghe có tiếng tỳ-bà gảy ở trên ngựa, giục mình phải đi. Nhưng cứ uống đã ! Dù có say quá mà nằm lăn trên bãi sa-mạc, cũng đừng ai cười. Bởi vì, xưa nay những kẻ tới chỗ chinh-chiến, chẳng mấy người được sống mà về. Thế thì vui được lúc nào, hãy cố vui lúc ấy. Tội gì mà không uống ?

DỊCH VĂN

Bài hát Lương-châu

Rượu đào chén ngọc sáng choang,
Trên yên, sắp uống, đã vang tiếng tỳ.
Say lẫn bãi cát, hề chi.
Những người ra trận, mấy khi lại về.

*
* *

清 平 調 (李 白)

THANH BÌNH ĐIỀU (LÝ-BẠCH)

(一) 雲 想 衣 裳, 花 想 容.

Vân tưởng y thường, hoa tưởng dung.

春 風 拂 檻, 露 花 濃,

Xuân phong phật hạm, lộ hoa nùng.

若 非 羣 玉 山 頭 見,

Nhược phi Quần-ngọc sơn đầu kiến,

會 向 瑤 臺 月 下 逢.

Hội hướng Dao-dài nguyệt hạ phùng.

(二) 一 枝 濃 艷 露 凝 香,

Nhất chi nùng diễm lộ ngưng hương.

雲 雨 巫 山 枉 斷 腸.

Vân vũ Vu-sơn uông đoạn trường.

借問漢宮誰得似？

Tá vấn Hán-cung thùy đắc tự ?

可憐飛燕倚新粧。

Khả liên Phi-Yến ỷ tân trang.

(三) 名花傾國兩相歡。

Danh-hoa khuynh-quốc lưỡng tương hoan.

當得君王帶笑看，

Dương đắc quân vương đới tiếu khan.

解釋春風無限恨，

Giải thích xuân phong vô hạn hận,

沈香亭北倚闌干！

Châm-hương đình bắc ỷ lan can.

TÌM ĐIỀN

1') 清平調 *Thanh-bình-diệu* : Một điệu nhạc dùng ở trong phòng của đời Đường. Nhạc-sử chép rằng : Trong đời Thiên-bảo, khi Lý-Bạch ở tòa Hàn-lâm, trong cung mới bắt đầu trồng hoa mộc-thực-dược (một giống mẫu-đơn¹). Người ta kiếm được bốn thứ : hồng, tía, hồng-nhật và toàn-trắng, trồng ở trước đình Châm-hương. Gặp lúc hoa nở, Minh-hoàng đem Quý-phi đến đó thưởng hoa, có nhiều con em *Vườn-lê* đi theo. Tới nơi, một người con hát nổi tiếng là Lý-qui-Niên cầm phách toan hát. Minh-hoàng ngăn lại và nói: Thưởng danh-hoa, đối Phi-tử, sao lại dùng những bài

hát cũ ? Rồi vua ấy sai Lý-Quy-Niên cầm giấy hoa-vàng đòi Lý-Bạch đến, bắt Lý phải lập-tức dâng ba bài Thanh-bình-diệu. Bấy giờ Lý-Bạch còn say rượu chưa tỉnh, cầm bút viết luôn ba bài này.

2') 羣玉 *Quần-ngọc* : Tên một trái núi của bà tiên Vương-mẫu vẫn ở. Truyện Mục-thiên-tử nói rằng : Thiên-tử lên núi Côn-lôn, ra mắt bà tiên Vương-mẫu. xin với bà ấy đem mình lên núi Quần-ngọc.

3') 瑤臺 *Dao-đài* : Tòa đền làm bằng ngọc dao. Hai chữ Dao-đài gốc ở Sở-từ, trong câu « vọng Dao-đài chi yền-kiền hề, kiến Hửu-nhung chi dật nữ (trông trên đài dao lóng-lánh, thấy người con gái xinh-đẹp của họ Hửu-Nhung) ».

4') 巫山 *Vu-sơn* : Tức là dãy núi Vu-giáp trong tỉnh Hồ-bắc nước Tàu. Lời tựa bài *Thần-nữ-phú* nói rằng : Khi Trương-vương chơi ở Vân-mộng, có sai Tống-Ngọc tức cảnh những núi ở Cao-đường. Đêm ấy, Trương-vương mơ thấy một người con gái đến chỗ mình nằm, xin chung chăn gối và nói : Thiếp là thần núi Vu-giáp, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm sớm, tối tối, ở dưới Dương-đài.

5 飛燕 *Phi-yến* : Tức là nàng Triệu-Phi-Yến, vợ vua Thành-đế nhà Hán, người rất đẹp và được vua ấy hết sức yêu-chiêu.

6') 沉香亭 *Châm-hương-đình* : Tòa đình làm bằng gỗ châm-hương.

GIẢI NGHĨA

Ba bài này, mỗi bài một ý. Bài thứ nhất tả vẻ đẹp của Dương Quí-phi. Vẻ đẹp ấy khác hẳn cái đẹp của người thường, khiến cho người ta thấy mây, tưởng đến xiêm-áo của nàng, thấy hoa, tưởng đến nhan-sắc của nàng. Dáng-bộ nàng nhẹ-nhàng như gió xuân thổi vào trong cửa. Dung-nhan nàng lộng-lẫy như hạt sương đọng trên cánh hoa. Một người như thế, trần-gian khó có. Nếu không phải là người vẫn ở trên núi Quần-ngọc của bà tiên Vương-mẫu, thì ắt là người ở dưới bóng trăng trong đài Dao của họ Hữu-nhung. Bài thứ hai tả tình yêu của Minh-hoàng đối với Quí-phi. Nàng đã đẹp, lại được ân-ái của vua làm cho thêm sự vẻ-vang, cũng như cành hoa điểm-lệ, lại có sương móc thấm vào, để giữ mùi thơm khỏi bị phai-lạt. Sớm làm mây, tối làm mưa như thần-nữ núi Vu-giáp thấy cuộc ân-tình giữa vua với nàng, cũng phải đứt ruột vì ghen-tuông. Xưa nay, phi-tần nhiều người được vua yêu-dấu chỉ có đời Hán. Thử hỏi ở trong cung Hán, ai được may-mắn như nàng ? Có chăng thì là nàng Triệu-Phi-Yến. Song Phi-Yến mà được Thành-đế yêu-dấu, còn phải nhờ ở sự điểm-trang. Thế thì cũng không thể ví được với nàng. Bài thứ ba tả quang-cảnh cuộc thưởng

mẫu-đơn. Lúc ấy, mẫu-đơn là thứ danh-hoa với
nàng là bức nghiêng nước cùng như trông nhau
mà cười, thật là một cuộc hiếm có, Minh-hoàng
thưởng-thức một cách vui-vẻ, cũng là đáng lắm.
Trước sự thưởng-thức của vua ấy, trong lòng
nàng, những sự bùi-ngùi man-mác vì gió xuân gây
ra, đều đã tiêu-tan đi hết. Nhưng nàng vẫn còn
tựa bức lan-can, đứng ở phía Bắc đình Chăm-
hương, dáng-bộ lả-lơi của nàng lúc ấy, lại càng
yếu-diệu hơn nữa.

DỊCH VĂN

Thanh-bình-diệu

- 1.) Thoáng bóng mây hoa, nhớ bóng hồng.
Gió xuân dịu-dặt, giọt sương trong.
Vội chẳng non Ngọc không nhìn thấy,
Dưới nguyệt dài Dao thử ngóng trông!
- 2.) Hương đông, mọc đượm, một cành hồng,
Non Giáp mây mưa những cực lòng.
Uớm hỏi Hán-cung ai mắng-tượng?
Điểm-tô, nàng Yến tốn bao công?
- 3.) Sắc nước, hương trời, khéo sánh đôi.
Quân-vương nhìn ngắm những tươi-cười.
Sầu xuân man-mác tan đầu gió,
Cửa bắc đình chăm đứng lả-lơi.

黃鶴樓送孟浩然
之廣陵 (李白)

HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO-NHIÊN
CHI QUẢNG-LĂNG (LÝ-BẠCH)

故人西辭黃鶴樓，
Cố nhân tây từ Hoàng-hạc lâu.

烟花三月下楊州，
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương-châu，

孤帆遠影碧空盡，
Cô phàm viễn ảnh bích-không tận.

惟見長江天際流。
Duy kiến Trường-giang Thiên-tế lưu.

TÌM ĐIỂN

1.) 黃鶴樓 *Hoàng-hạc-lâu* : Tên một tòa lầu ở phía tây-nam huyện Vũ-xương, trong tỉnh Hồ-bắc. Theo sách Hoàn-vũ-ký, Phi-Văn-Vi sau khi lên tiên, thường hay cưỡi con hạc vàng vào đó nghỉ-ngơi, vì vậy, người sau mới đặt tên lầu ấy là lầu Hoàng-hạc.

楊州 *Dương-châu* : Tên một xứ trong huyện Giang-ninh, nơi phồn-hoa của nước Tàu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả về tình-cảnh một cuộc tiễn bạn. Ý nói : Bạn mình từ-biệt lầu Hoàng-hạc đi lên phía

tây, bảy giờ dương tiết tháng ba là mùa yên-hoa, lại tới Dương-châu là đất phồn-hoa. thật là một cuộc thắng-du. Sau khi bạn đã xuống thuyền đi rồi, mình còn đứng trên bờ sông trông theo. Bóng xa xa của cánh bướm đã bị khuất trong bầu xanh-xanh, chỉ thấy con sông thăm-thăm chảy ở lưng trời mà thôi, (Tất cả có 28 chữ, đủ cả chỗ ở, nơi đi, ngày đi, cảnh đi, và tấm lòng quyến-luyến bè-bạn. Thật là kiệt-tác).

DỊCH VĂN

**Lầu Hoàng-hạc, tiễn Mạnh-hạo-nhiên
đi Quảng-lăng**

*Bạn từ lầu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa-khói, châu Dương xuôi dòng.
Bóng bướm đã khuất bầu không,
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*

*
* *

殿 前 曲 (王昌齡)

DIÊN TIỀN KHÚC (VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

昨 夜 風 開 露 井 桃.(1)

Tạc dạ phong khai lộ tỉnh đào.

未 央 前 殿 月 輪 高 (2)

Vị ương tiền điện nguyệt luân cao,

平 陽 歌 舞 新 承 寵,

Bình dương ca vũ tân thừa xủng,

簾 外 春 寒 賜 錦 袍.

Liêm ngoại xuân hàn tứ cảm-bào.

TÌM ĐIỀN

1') 未 央 *Vị-ương*: Tên một tòa đèn của đời Hán.

2') 前 殿 *Tiền-diện*: Tên một nếp đèn trong tòa *Vị-ương*.

3') 平 陽 歌 舞 *Bình-dương ca-vũ*: Người giỏi hát múa ở Bình-dương. Hán-thư chép rằng: Vũ-đế nhà Hán đến nhà công-chúa Bình-dương, có chú ý đến em gái một người làm nghề hát múa là Lý-diên-Niên, liền cho đòi vào gần mình. Người ấy nhan-sắc đã đẹp, múa hát cũng giỏi, Vũ-đế liền đưa vào cung, đó là Lý phu-nhân. Bốn chữ Bình-dương ca-vũ ở đây, chính là mượn cái điển đó.

GIẢI NGHĨA

Nhạc-phủ đời Đường, có khúc *Điện-tiền*, tác-giả dùng đầu-đề đó để tả tâm-lý một người cung-phi thất xủng. Trong bài dùng chữ rất khéo và rất kín-đáo, những nhà chú-thích Đường-thi đều chưa nghĩ đến. Đại để cả bài chỉ là tư-tưởng

của người cung-phi. Người ấy bị vua ghẻ-lạnh, có ý ghen với người khác, hôm ấy sức nghĩ ra rằng : Đêm qua tuy có gió, những hoa đào tiên giếng lộ thiên đều nở (tác-giả muốn nói trời không rét) trước nếp Tiễn-diện, trong tòa đèn Vị-ương, mặt trăng lên rất cao (tác-giả muốn nói ban đêm không mưa). Thế mà cái đứa con nhà múa-hát ở Bình-dương mới được vua yêu, khi nó hầu vua ăn yến trong cung, vua sợ hơi lạnh ngoài rèm đưa vào, còn ban cho nó chiếc áo mền gấm, thật là quá đáng.

DỊCH VĂN

Khúc điện-tiền

*Trận gió đêm qua nở nụ đào,
Mái trên Tiễn-diện, bóng trăng cao.
Con nhà hát-múa, người yêu mới...!
Thương lạnh còn ban bức cầm-bào.*

(1-2) Hai câu này các nhà chú-giải Đường-thi đều giải là hoa đào gặp gió xuân mà nở, « húng » với những ả cung-nhân được vua yêu dấu ; mặt trăng lên cao tức là cuộc yến-ẩm mãi đến đêm khuya. Thật là vô vị.

西宮春怨 (王昌齡)

TÂY CUNG XUÂN OÁN (VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

西宮夜靜百花香,

Tây cung dạ tĩnh bách hoa hương

欲捲珠簾春恨長.

Dục quyền châu-liêm, xuân hận trường.

斜抱雲和, 深見月,

Tà báo Vân-hòa thâm kiến nguyệt.

朦朧樹色隱昭陽.

Mông lung thụ sắc ần Chiêu-dương.

TÌM ĐIEN

西宮 *Tây-cung* : Tức là cung Trường-tín, chỗ ở của nàng Ban-Tiếp-Thư khi bị thất-xủng.

2' 雲和 *Vân-hòa* : Tên một thứ đàn sắt. Theo sách Chu-lễ, xứ Vân-hòa có sản một thứ gỗ quý, dùng làm đàn sắt, tiếng rất trong. Vì vậy, những cây đàn sắt chế bằng gỗ ấy, người ta gọi là đàn Vân-hòa.

3') 昭陽 *Chiêu-dương* : Một tòa đèn trong hậu cung đời Hán. Triệu-Phi-Yến khi được Thành-đế yêu-dấu, cũng ở tại đó.

GIẢI NGHĨA

Tây-cung xuân-oán cũng là đầu-đề nhạc-phủ, tác-giả mượn đề tả tâm-lý trong mùa xuân của

người cung-phi bị bỏ quên. Ý nói : Đêm ấy,
Tây-cung êm-ả, các hoa đều nở. Người cung-
phi bị bỏ quên ấy đương ngồi gầy cây đàn sắt,
ngửi thấy mùi hương bát-ngát, tự-nhiên lòng
xuân bùi-ngùi. Nàng toan đứng dậy, cuốn bức
rèm châu che cửa, nhưng vì nỗi buồn man-mác,
không thể đứng lên. Nàng cứ ngồi ôm chéo cây
đàn nhòm ra ánh trăng ngoài sân để trông về điện
Chiêu-dương, là chỗ quân-vương hay lui tới.
Nhưng mà bóng cây mù-mịt, chẳng thấy bóng
điện ở đâu.

DỊCH VAN

Tây-cung xuân-oán

*Cung tây hoa ngát, quăng đêm trường,
Muốn cuốn rèm châu, dạ ngồn-ngang.
Ôm chéo cây đàn nhòm ánh nguyệt,
Bóng cây mờ-mịt điện Chiêu-dương.*

* *

西宮秋怨 (王昌齡)

TÂY CUNG THU OÁN (VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

芙蓉不及美人粧,

Phù-dung bất cập mỹ nhân trang.

水 殿 風 來 珠 翠 香.

Thủy-diện phong lai, châu thúy hương.

却 恨 含 情 掩 秋 扇,

Khước hận hàm tình yểm thu phiến,

空 懸 明 月 待 君 王.

Không huyền minh nguyệt đãi quân-vương.

TÌM ĐIEN

芙蓉 *Phù-dung* : Tên một thứ hoa phù-cừ, một giống sen mùa thu vẫn còn nở hoa (chớ lẫn với mộc-phù-dung là thứ phù-dung mà ta thường thấy.)

GIẢI NGHĨA

Bài này cũng mượn đầu-đề nhạc-phủ đề tả tâm-lý oán-hận về mùa thu của người cung-phi không được vua vờ. Ý nói : bông hoa phù-dung đẹp thật, song còn thua vẻ trang-diễm của mình. Trong đồ trang-diễm của mình lại có ướp các thứ hương, mỗi khi gió qua tòa đèn cật trên mặt nước, là chỗ mình ở, son-chàm, hoa-hột đều nức mùi hương. Vậy mà trong lúc đêm thu lạnh-lẽo, cái quạt tuy không dùng đến, cứ phải cầm mà che mặt, đề ngồi dưới trăng chờ đợi quân-vương.

DỊCH VĂN

Tây-cung thu oán

*Sen hồng chưa thắm vẽ dài trang,
Gió thổi qua đèn, ngọc ngát hương.
Thơ-thần đêm thu che mảnh quạt,
Uồng treo vàng nguyệt đợi quân-vương.*

* *

長 信 秋 詞 (王昌齡)

TRƯỜNG-TÍN THU TỪ (VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

奉 帚 平 明 金 殿 開,

Phụng chửu bình minh kim điện khai

且 將 團 扇 暫 徘 徊.

Thả tương đoàn phiến tạm bồi hồi.

玉 顏 不 及 寒 鴉 色,

Ngọc nhan bất cập hàn nhạn sắc.

猶 帶 昭 陽 日 影 來.

Do đài Chiêu-dương nhật ảnh lai.

GIẢI NGHĨA

Trường-tín cung-từ cũng là điệu của nhạc-phủ, tác-giả dùng để tả tâm-lý của nàng Ban-

Tiếp-Thư khi bị thất xứng, phải vào ở trong cung Trường-tín, hầu-hạ bà mẹ Thành-đế. Ý nói : Nàng Ban ở với Thái-hậu, mỗi sáng, khi cửa đèn mở, đã phải cầm chổi đi quét. Vừa quét, nàng vừa cầm quạt « *hợp-hoan* » của mình chế ra, có ý ngắm-nghía xem có đẹp không. Nhưng vì sức nhớ cái cảnh thất-xứng của mình, nên nàng ngần-ngừ, không buồn cất bước. Rồi nàng nghĩ thầm : « Nhan-sắc như ngọc của mình, thật không may-mắn bằng con quạ rét. Vì con quạ rét có khi còn bay qua điện Chiêu-dương là chỗ vua năng lui tới và được sưởi bóng mặt trời của đèn ấy...! »

DỊCH VĂN

Bài hát mùa thu của cung

Trường-tín

*Sáng ra, ngỏ cửa, quét đèn vàng,
Nâng quạt, ngừng chân, dạ vãn-vương.
Mặt ngọc những thua con quạ rét!
Nó còn sưởi nắng điện Chiêu-dương.*

閨 怨 (王昌齡)

KHUE OÁN (VƯƠNG-XƯƠNG-LINH)

閨 中 少 婦 不 知 愁,
Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
春 日 凝 妝 上 翠 樓.
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu,
忽 見 陌 頭 楊 柳 色,
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
悔 教 夫 婿 覓 封 侯.
Hối giao phu tế mệnh phong hầu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả tâm-lý ngày xuân của người con gái có chồng đi lính. Người ấy còn ngây-thơ, chưa biết sầu là cái gì. Tình-cờ một hôm, trang-diễm xong rồi, bước lên lầu, thành-linh ngó ra đầu đường, thấy những trời liễu dương xanh mơn-mỏn. Bấy giờ lòng xuân rung-động, nàng nghĩ đến chồng và hối-hận rằng khi trước đại-dột, vẫn tưởng tước hầu là quý, nên trót cho chồng ra chốn biên-thùy, hòng lập chiến-công để kiếm cái ngôi phong-hầu. Tác-giả muốn nói: Trong tâm-lý người con gái đến thì, được chồng phong hầu không bằng được chồng luôn luôn ở nhà.

DỊCH VĂN

Sự oán-hận của người phòng khuê

*Cô gái phòng the chữa biết sầu,
Ngày xuân trang-điểm dạo lên lầu.
Đầu đường chợt thấy xanh tơ liễu,
Hối đề chồng đi kiếm trước hầu.*

*
* *

送元二使安西 (王維)
TỔNG NGUYÊN NHỊ SỨ AN TÂY (VƯƠNG-DUY)

渭城朝雨浥輕塵.
Vị-thành chiêu-vú ấp khinh trần.
客舍青青柳色新!
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân!
勸君更盡一杯酒
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.
西出陽關無故人.
Tây xuất Dương-quan vô cố-nhân.

TÌM ĐIỂN

1.) 安西 *An-tây*: Tên một xứ ở phía tây nước Tàu, nay thuộc về tỉnh Cam-túc.

2.) 渭城 *Vị-thành*: Tên một xứ ở phía đông bắc

quận Hàm-dương nước Tàu. Nay thuộc về tỉnh Thiểm-tây.

3.) 陽關 *Dương-quan*: Tên một cửa ải ở Sa-châu. Nay thuộc về tỉnh Tứ-xuyên nước Tàu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tức cảnh một bữa tiễn-biệt. Bữa ấy, tác-giả và bạn uống rượu trong Vị-thành, trời mới sáng ra, một trận mưa phùn làm ướt cát bụi, cây liễu ở ngoài nhà trọ đều thấy tươi-xanh. Tác-giả cầm chén khuyên bạn : Bác hãy cạn một chén này nữa. Rồi đây ra khỏi Dương-quan, chẳng ai là người quen đâu !

DỊCH VĂN

Đưa Nguyên-Nhị đi sứ xứ An-tây

Trời mai, mưa ướt Vị-thành.

Xanh xanh trước quán, mấy cành liễu non.

Khuyên người hãy cạn chén son,

Dương-quan tới đó không còn ai quen.

* * *

山房春事 (岑參)

SƠN PHÒNG XUÂN SỰ (SÂM-THAM)

梁園日暮亂飛鴉。

Lương viên nhật mộ loạn phi nha.

極目蕭條三兩家，
Cực mục tiêu điều tam, lưỡng gia,
庭樹不知人去盡，
Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
春來還發舊時花。
Xuân lai hoàn phát cựu thì hoa.

TÌM ĐIỀN

梁園 *Lương-viên* : Khu vườn của Hiếu-vương nước Lương trong đời Lục-triều. Sách *Tây-kinh tạp-ký* nói rằng : Hiếu-vương nước Lương thích làm cửa nhà, vườn được đề ngày ngày cùng cung-nhân và khách-khứa tới đó câu cá bắn chim.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cảnh hiu-quạnh của khu vườn hoang. Vườn ấy, trước kia sầm-uất chừng nào, bây giờ, mỗi khi trời chiều, chỉ có đàn quạ đập-diều bay lượn. Trông títt đằng xa, mới thấy một vài nóc nhà lơ-thơ. Cây cối ở sân, không biết người trong nhà đã đi hết rồi, cho nên, mỗi khi xuân đến, vẫn cứ nở hoa như xưa.

DỊCH VĂN

Cảnh xuân trong nếp nhà trên núi

*Trời tối, vườn Lương quạ đập-diều,
Nhà xa mấy nóc, cảnh điều-hiu.
Cây sân chẳng biết người đi hết,
Xuân tới, hoa xưa vẫn nở đều.*

楓橋夜泊 (張繼)

PHONG-KIỀU DẠ BẠC (TRƯƠNG-KẾ)

月落，鳴啼，霜滿天，

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,

江楓，漁火對愁眠。

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.

姑蘇城外寒山寺，

Cô-tô thành ngoại hàn sơn tự,

夜半鐘聲到客船。

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

TÌM ĐIEN

1') 楓橋 *Phong-kiều* : Tên một xứ ở huyện Ngô tỉnh Giang-tô nước Tàu. Xứ ấy trước là 封橋. Vì có bài thơ này của Trương-Kế, mà thành cái tên 楓橋.

2') 姑蘇 *Cô-tô* : Tên một trái núi cũng ở huyện Ngô. Chỗ của vua Ngô ở với nàng Tây-thi ngày xưa.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cảnh vắng-vẻ của một đêm khuya. Bảy giờ, trăng đã lặn, quạ đã kêu, sương đã tỏa ra đầy trời. Trong một khúc sông, chỉ còn bóng cây bàng lù-lù ở bờ sông và đèn thuyền chài lập-lòe trên sông làm bạn với người nằm khô trong

thuyền. Thành-linh thấy có tiếng chuông đưa đến
bên thuyền, lắng tai nghe, còn có thể biết là
chuông của một ngôi chùa ở trên trái núi ngoài
thành Cô-tô. Cái đêm tịch-mịch biết chừng nào!

DỊCH VĂN

Cầu Phong, đêm ghé thuyền

*Quạ kêu, sương tỏa, trăng lui,
Đèn chài, cây bãi đối người nằm khô.
Chùa đâu trên núi Cô-tô,
Tiếng chuông đưa đến bên đò canh khuya.*

*
* *

淮上別友人

(鄭谷)

HOÀI-THƯỢNG BIỆT HỮU-NHÂN

(TRINH CỐC)

楊子江頭楊柳春,
Dương-tử giang đầu dương liễu xuân,
楊花愁殺渡江人,
Dương hoa sầu sát độ giang nhân.

數聲風笛離亭晚,
Số thanh phong địch ly-dinh vãn.

君向瀟湘, 我向秦.
Quân hướng Tiêu-tương, ngã hướng Tần,

TÌM ĐIEN

1') 楊子江 *Dương-tử-giang* : Một con sông lớn ở giữa nước Tàu.

2') 瀟湘 *Tiêu-tương* : Đã chua ở trên, một con sông lớn ở đất nước Sở khi xưa. (Nay là tỉnh Hồ-nam).

3') 秦 *Tần* Tên một nước trong đời Chiến-quốc, nay là tỉnh Thiểm-tây và tỉnh Cam-túc nước Tàu.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cảnh một cuộc ly-biệt. Lúc ấy, đương mùa xuân, trên sông Dương-tử, cây liễu đã xanh, bông liễu tả-toi bay ra, đã khiến cho những người sắp-sửa sang sông đều phải buồn-bã về sự ly-biệt. Bỗng mấy tiếng còi của trẻ chăn trâu theo gió đưa đến cái quán hai người cùng ngồi, như báo cho khách biết rằng : trời đã chiều rồi. Thế là hai người chia tay, một người đi về nẻo sông Tiêu-tương trong đất nước sở, một người đi lên phía tây, để vào xứ Tần. Buồn biết chừng nào !

DỊCH VĂN

Trên sông Hoài, từ-biệt người bạn

*Sông Dương ngàn liễu đưa tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông.*

*Đình hôm tiếng sáo náo-nùng,
Anh đi bến Sở, tôi trông đường Tần.*

泊 秦 淮 (杜 牧)
BẠC TẦN HOÀI (ĐỖ-MỤC)

烟 籠 寒 水, 月 籠 沙,
Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
夜 泊 秦 淮 近 酒 家,
Đạ bạc Tần-Hoài cận tửu gia.
商 女 不 知 亡 國 恨,
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
隔 江 猶 唱 « 後 庭 花 ».
Cách giang do xướng « hậu đình hoa ».

TÌM ĐIỀN

1.) 秦 淮 *Tần-hoài* : Tên một con sông phát nguyên từ tỉnh Giang-tô, qua huyện Giang-ninh: rồi chảy vào sông Dương-tử.

2.) 商 女 *Thương-nữ* : Những người con gái hay vào trong các quán rượu hát cho khách nghe để kiếm tiền. Nghề-nghiep của họ, gần giống như những ả xầm Saigon, Chợ-lớn.

3.) 後 庭 花 *Hậu-đình-hoa* : Hoa ở sân sau. Tên một khúc hát của Trần-Hậu-chủ. Nam-sử của Tàu chép rằng : Trần-Hậu-chủ khi làm vua, có chọn những người cung-nữ biết văn-học cho làm học-sỹ. Mỗi khi ăn tiệc, Hậu-chủ bắt bọn học-sỹ đó làm thơ, làm phú

để đem phả vào khúc đàn, bắt những cung-nữ xinh-đẹp hát-xướng. « Hậu-dinh-hoa » tức là tên một khúc trong những khúc hát ấy.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cảnh một đêm trên bến Tần-hoài, Đêm ấy đã khuya, hơi sương mù-mù như khói tỏa trên mặt nước, ánh trăng đã lồng trên mặt bãi cát. Tác-giả tình-cờ ghé thuyền trên sông Tần-Hoài, chỗ gần với một tiệm rượu. Bấy giờ trong tiệm khách-khứa hải còn ăn uống. Những ả thương-nữ chuyên đi hát-xướng kiếm tiền, đương hát trong quán. Lắng tai nghe những tiếng hát réo-rắt ở bên kia sông đưa sang, thì thấy họ hát khúc Hậu-dinh-hoa của Trần-hậu-chủ. Té ra họ không biết rằng : Khúc hát ấy là một khúc hát mất nước, vì nó đã làm Hậu-chủ say-đắm, chơi-bời, bỏ cả việc nước, đến nỗi phải mất nước nhà !

DỊCH VĂN

Ghé thuyền sông Tần-hoài

*Sông Tần khói tỏa, trăng in,
Bên ngoài quán rượu, con thuyền đêm qua.
Mặc ai tan-nát nước-nhà,
Chị-em vẫn hát bài « Hoa sau vườn ».*

赤壁懷古 (杜牧)
XÍCH BÍCH HOÀI CỔ (ĐỖ-MỤC)

折戟沉沙，鐵末消。
Triết kích chìm sa, thiết vị tiêu.

自將磨洗認前朝，
Tự tương ma-tây, nhận tiền triều.

東風不與周郎便，
Đông phong bất dữ Chu-lang tiện,

銅雀春深鎖二喬。
Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị kiều.

TÌM ĐIEN

1.) 赤壁 *Xích-bích* : Tên một trái núi trên sông Dương-tử, thuộc tỉnh Hồ-bắc. Ngày xưa Chu-Du phá quân Tào-Tháo ở đó.

2.) 周郎 *Chu-lang* : Tức là Chu-Du, Đại-tướng của nước Ngô trong đời Tam-quốc.

3.) 銅雀 *Đồng-tước*; Tức là Đồng-tước-dài, một tòa đền của Tào-Tháo làm ra ở trên sông Chương trong tỉnh Hà-nam nước Tàu. Theo Tam-quốc-chí, về truyện Tào-Tháo, từ khi làm tòa đền ấy, Tào có tuyên-bố : Sau này nhất-định đánh lấy Đông-Ngô, bắt cả chị em Đại-Kiều, Tiểu-Kiều nhốt vào trong đó mua vui.

4.) 二喬 *Nhị Kiều* : Hai nàng Kiều. Tức là Đại-Kiều, Tiểu-Kiều, con gái Kiều-Huyền, vợ Tôn-Sách và vợ Chu-Du.

GIẢI NGHĨA

Bài này có ý cảm-khái về trận Chu-Du đánh thua Tào-Tháo ở dưới núi Xích-bích. Đại đế nói rằng : Lúc ấy vì sự tình-cờ, nhặt được một ngọn kích gãy chìm dưới bãi cát. Ngọn kích ấy sắt vẫn chưa rỉ, đủ tỏ là một vật chưa lâu. Liền đem rửa và mài đi, để xem kích của đời nào. Thì ra trong cây kích này hải còn vết-tích có thể biết là binh-khí của đời Tam-quốc. Nhân thế bèn đoán chắc rằng : Nó là ngọn kích khi quân Chu-Du và quân Tào-Tháo đánh nhau bị rơi xuống đó. Luôn đó, lại nghĩ ngay rằng : Trận ấy, Chu-Du phá được quân Tào-Tháo, hoàn-toàn nhờ sức gió đông. Bởi có gió đông thổi lên, Chu-Du mới phóng-hóa đốt được quân Tào. Nếu không có trận gió đông giúp cho một dịp tiện-lợi, thì : quân Tào đã nhiều, tướng Tào đã giỏi, lại có Tào-Tháo là người thạo về binh-cơ tự ra cầm quân, tất nhiên quân Ngô sẽ thua, đất Ngô sẽ mất, mà Đại-Kiều, Tiểu-Kiều là vợ Tôn-Sách và vợ Chu-Du sẽ bị Tào-Tháo bắt về, nhốt vào trong đền Đồng-tước để mua vui trong ngày xuân như ý muốn của hắn.

DỊCH VĂN
Xích-bích hoài-cổ

*Chìm sông, kích sắt chưa tiêu,
Rửa-mai, nhận dấu tiền-triều ở trong.
Chàng Chu mà thiếu gió Đông,
Hai Kiều đã khóa đèn Đồng vui xuân.*

PHẦN THỨ NĂM
NGŨ-NGÔN LUẬT

野 望 (王 績)
GIÃ VỌNG (VƯƠNG-TÍCH)

東 皋 薄 暮 望,
Đông cao bạc mộ vong,
徒 倚 欲 何 依?
Tỷ-y dục hà y?
樹 樹 皆 秋 色,
Thụ thụ giai thu sắc,
山 山 惟 落 暉.
Sơn sơn duy lạc huy.
牧 人 驅 犢 返,
Mục nhân khu độc phản,
獵 馬 帶 禽 歸.
Liệp mã đai cầm qui.

相 顧 無 相 識,

Tương cố vô tương thức,

長 歌 懷 采 薇.

Trường-ca hoài thái vi.

TÌM ĐIỀN

采薇 *Thái-vi* : Hái rau vi. Theo sử Tàu, khi nhà Thương bị mất nước về nhà Chu, anh em Bá-Di Thúc-Tề, vì là bề tôi nhà Thương, không thềm ăn thóc nhà Chu, cùng lên núi Thúc-dương hái rau vi để ăn trừ cơm và cùng chết đói ở đó.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả cảnh buổi chiều trong cánh đồng rộng, tác-giả đứng trên cánh đồng ấy trông ra đằng xa, chán tựa chỗ nọ, lại chạy đi tựa vào chỗ kia, vợ-vần chẳng biết nương vào chỗ nào. Bấy giờ trời đã chiều-cả, cây-cối đều nhuộm màu úa-đỏ của mùa thu, núi-non đều có in hằn nắng quái. Người đi chăn đã dẫn trâu bò trở về, con ngựa dùng đi săn-bắn đã đeo những chim bắn được ở xa chạy lại. Họ nhìn tác-giả, tác-giả cũng nhìn họ, nhưng mà chẳng ai biết ai. Chợt nhớ hai ông Di Tề hái rau vi để ăn trừ cơm, tác-giả bèn hát nghêu-ngao cho khuây. (Tác-giả

là người nhà Tùy. Sau khi nhà Đường nổi lên, nhà Tùy mất nước, tác-giả có ý mong nhớ chủ cũ. Cho nên bài này nói toàn những giọng cảm-khái.)

DỊCH VĂN

Trông trong đồng-nội

Chiều lại, nhìn nương nội,

Lân-la những dựa-kề.

Mẫu cây, thu đã nhuộm,

Đỉnh núi, nắng còn hoe,

Dồn ghé, người-trấn lại,

Đeo chim, ngựa-bắn về,

Nhìn nhau, đều lạ mặt.

Hát vãn, nhớ Di-Tề.

* * *

從 軍 行 (楊 炯)

TÔNG QUÂN HÀNH (DƯƠNG-QUÝNH)

烽 火 照 西 京,

Phong hỏa chiếu Tây-kinh

心 中 自 不 平.

Tâm trung tự bất bình.

牙 璋 辭 鳳 闕.

Nha chương từ phượng-khuyết.

鐵 騎 繞 龍 城.

Thiết kỵ nhiều long-thành.

雪 暗, 凋 旗 色,

Tuyết ám, điêu kỳ sắc.

風 多, 雜 鼓 聲.

Phong đa, tạp cổ thanh.

寧 爲 百 夫 長,

Ninh vi bách phu trưởng,

勝 作 一 書 生.

Thắng tác nhất thư sinh.

TÌM ĐIEN

1.) 烽火 *Phong-hỏa* : Khói lửa. Trong đời Hán, thường bị quân Hung-nô quấy-nhiều biên-thùy. Tại nơi biên-thùy, có đắp rất nhiều chòi cao bằng đất, chứa cỏ ở trên. Nơi nào có giặc, thì cứ đốt chòi cỏ ấy để báo tin cho nơi khác biết. Vì thế, người ta thường dùng chữ phong-hỏa để nói về nạn chiến-tranh.

2.) 西京 *Tây-kinh* : Tức là thành Trường-an.

3.) 牙璋 *Nha-chương* : Thỏi ngà voi, hình dẹp và nhọn, giống như nửa cây ngọc khuê. Theo sách Chu-lễ, thì nha-chương dùng để giấy quân, tức là một thứ dấu-hiệu làm tin cho các mệnh-lệnh như hòn ấn vậy.

4.) 鳳 關 *Phượng-khuyết* : Cổng phượng. Cổng của hoàng-thành. Tập *Giao-tự-chí* trong *Hán-thư* nói rằng : Phía đông cung Kiến-chương có nếp cổng, trên có con phượng bằng đồng, vì vậy mới gọi nó là phượng khuyết.

5.) 鐵 騎 *Thiết-kỵ* : Ngựa sắt. Tức là ngựa trận có mặc áo giáp.

6.) 龍 城 *Long-thành* : Thành rồng. Chỗ hội-hợp các tù-trưởng của vua Hung-nô. Chữ này gốc ở truyện *Hung-nô* trong *Hán-thư*. Thôi-Hạo nói rằng : Người Hồ phía tây hay thờ thần rồng, cho nên họ gọi nơi đại-hội của họ là thành rồng.

GIẢI NGHĨA

Bài này tả sự hăng-hái của người thư-sinh tòng quân. Ý nói : Trong lúc khói lửa báo giặc đã soi vào đến Tây-kinh, tức là giặc đã to lắm. Tuy là thư-sinh, nhưng gặp lúc nước có loạn, cũng nổi cơn căm-hờn mà ra làm tướng. Sau khi đã lĩnh ấn ngà mà tù-giã cổng phượng để trẩy quân đi, liền đem đội thiết-kỵ vây quanh thành rồng là nơi sào-huyệt của giặc. Dù việc làm tướng nhiều sự gian-nan, có khi rét quá, tuyết xuống ố cả sắc cờ, có khi trống đánh ầm-ầm, tiếng trống theo gió đưa đến, làm cho vang tai khó chịu, nhưng khi quốc-gia hữu sự, làm anh cai coi một trăm lính, cũng còn hơn làm anh thư-sinh. Vất-vả cũng chẳng kỳ-quản.

DỊCH VĂN

Bài hát trảy quân

*Khói lửa bừng kinh-khuyết,
Hồn-căm dục nổi lòng.
Ấn ngà từ công phượng,
Ngựa sắt diều thành rồng,
Tuyết phủ, sắc cò ố.
Gió pha hồi trống tùng,
Thà làm anh bếp-lính,
Hơn đóng bác đồ nông.*

*
* *

歸 終 南 山 (孟浩然)

QUI CHUNG NAM-SƠN (MẠNH-HẠO-NHIÊN)

北 闕 休 上 書

Bắc khuyết hưu thượng thư,

南 山 歸 敝 廬 !

Nam-sơn qui tệ lư !

不 才, 明 主 棄,

Bất tài, minh-chủ khí,

多 病, 故 人 疎,

Đa bệnh, cố-nhân sơ.

白 髮 催 年 老。

Bạch phát thôi niên lão,

青 陽 逼 歲 除,

Thanh dương bức tuế trừ,

永 懷, 愁 不 寐。

Vĩnh hoài sầu bất寐.

松 月 夜 窓 虛。

Tùng nguyệt dạ song hư.

TÌM ĐIỀN

1.) 終南山 *Chung-nam-sơn* : Một đám núi rất lớn rải-rác trong tỉnh Thiểm-tây nước Tàu. Mạnh-Hạo-Nhiên đã có ần-cư tại đó.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả làm ra khi thi tiến-sĩ không đậu, sắp về nhà quê. Ý nói : Thi đã hỏng rồi, thì thôi, không nên dâng thư lên Bắc-khuyết nữa, hãy về nhà nát của mình mà ở. Nhà vua vẫn cần nhân-tài, vì mình bất tài, cho nên nhà vua phải bỏ. Bè-bạn vẫn trung-hậu, vì mình hay ốm, cho nên bè-bạn cũng xa. Bây giờ tóc bạc đã giục tuổi già kéo đến, ngày xuân lại đương bức-bách cho cái năm hết đi, chẳng về còn ở chi nữa ! Mình muốn về lắm, song mà đêm nay chưa thể

về được, cho nên trong bụng bồn-cồn, không
sao ngủ yên. Trong lúc ấy, cửa sổ vẫn ngỏ, vầng
trăng ở trên cây thông chiếu vào trong cửa, như
muốn làm bạn với mình.

DỊCH VĂN
Về núi Chung-nam

Cổng Bắc đừng dăng giầy.
Non Nam hãy lại nhà.
Kém tài, vua-chúa bỏ,
Hay ốm, bạn-bè xa.
Tóc bạc đưa già đến.
Ngày xanh giục tết qua.
Bâng-khuâng, nằm chẳng ngủ,
Cửa ngỏ, bóng trăng tà.

* * *

送友人入蜀 (李白)
TỔNG HỮU NHÂN NHẬP THỤC (LÝ-BẠCH)

見 說 蠶 叢 路：
Kiến thuyết Tằm-tòng lộ：
崎 嶇 不 易 行，
Kỳ khu bất dị hành，

山 從 人 面 起,
Sơn tông nhân diện khởi,
雲 傍 馬 頭 生.

Vân bàng mã đầu sinh.

芳 樹 籠 秦 棧,
Phương-thụ lung Tần-sạn,
春 流 遶 蜀 城,

Xuân lưu nhiều Thục-thành.

昇 沈 應 已 定,
Thăng chầm ưng dĩ định,
不 必 問 君 平.

Bất tất vấn quân-bình.

TÌM ĐIỂN

秦 棧 *Tần-san* : Đường bằng ván của nhà Tần bắc. Nước Thục hiểm quá, đoạn đường chỗ Hán-trung đá mọc lởm-chồm, không thể đi được. Khi Tần đánh Thục, mới làm một con đường bằng ván bắc ở trên đá cho quân đi. Đường ấy, đến đầu đời Hán mới bị Lưu-Bang đốt mất.

蜀 城 *Thục-thành* : Thành của nước Thục, tức là vòng thành của Cẩm-thành.

君 平 *Quân-bình* : Tên chữ của Nghiêm-Tuân, người đời Hán, có làm thầy bói ở chợ Thanh-đô nước Thục,

GIẢI NGHĨA

Bài này cũng tả sự hiểm-trở của xứ Thục. Ý nói : Nghe nói đường lối trong quê-hương Tàm-tòng (1) gập-ghềnh khó đi. Núi mọc sừng-sững trước mặt người. Mây bay vờ-vẩn quanh đầu ngựa. Con đường ván của nhà Tần bắc bị bóng cây-cối che-lấp. Vòng thành của xứ Cầm-thành có nhiều sông-ngòi lượn ở chung-quanh. Đất hiểm đến như thế đó. Bác nay chẳng quản khó-nhọc mà vào trong ấy, cố-nhiên có việc quan-hệ. Nhưng mà, người ta may rủi, số trời đã định. Tới đó, bác cũng không cần phải hỏi đến lão Quân-bình.

DỊCH VĂN

Đưa người bạn vào Thục

*Thấy nói quê vua Thục,
Đường đi rất gập-ghềnh,
Mặt người, sừng núi ngất,
Đầu ngựa, bóng mây quanh.
Cây lợp con Tần-sạn.
Sông vây giải Thục-thành.
Bồng, chìm trời đã định,
Chi phải hỏi Quân-bình ?*

(1) Đã chua dưới bài « Thục đạo nan »

得 舍 弟 觀 書， 自 中 都 已
Đắc xá - đệ Quan thư, tự Trung-đô dĩ
達 江 陵， 今 茲 春 月 末， 合
đạt Giang-lăng, kim tư xuân nguyệt mạt, hợp
行 到 夔 州， 悲 喜 相 兼， 團
hành đáo Quì-châu, bi hỉ tương kiêm, đoàn-
圓 可 待， 賦 詩 卽 事， 情 見
viên khả đãi, phú thi tức sự, tình hiện

乎 詞。 (杜 甫)

hồ từ. (ĐỖ-PHỦ)

爾 到 江 陵 府，

Nhĩ đáo Giang-lăng phủ,

何 時 到 峽 州。

Hà thi đáo Thiềm-châu.

亂 離， 生 有 別。

Loạn-ly, sinh hữu biệt,

聚 集， 病 應 瘳。

Tụ tập, bệnh ưng sru.

颯 颯 開 啼 眼。

Đáp đáp khai đề nhơn,

朝 朝 上 水 樓，

Triêu triêu thượng thủy lâu.

老 身 須 寄 托.

Lão thân tu kí thác,

白 骨 更 無 憂.

Bạch cốt cánh vô ưu.

TÌM ĐIEN

1.) 中都 *Trung-đô* : Tức là phủ Hà-trung ở tỉnh Thiểm-tây nước Tàu.

2.) 江陵 *Giang-lăng* : Tên một huyện ở tỉnh Hồ-bắc.

3.) 夔州 *Quì-chân* : Tên một xứ ở tỉnh Tứ-xuyên.

4.) 陝州 *Thiểm-châu* : Tên cũ của huyện Nghi-xương tỉnh Hồ-bắc.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả tả cái tâm-lý của mình mong em. Nghe tin em đã tới phủ Giang-lăng không biết bao giờ sẽ đến Thiểm-châu ? Trong lúc loạn-lạc, anh em phải xa-cách nhau là đáng buồn, Bây giờ sắp được sum-hợp, chắc là mình sẽ khỏi bệnh. Từ khi được thư của em, mình những chợp-chợp cổ giương đôi mắt vì khóc nhiều mà bị sưng-hộp và ngày ngày thường lên đứng trên cửa lầu để trông bóng em. Nếu em về đây, mình sẽ giao-phó cái thân già này cho em, nắm xương sau này, không còn phải lo gì nữa.

DỊCH VĂN

Được thư em Quan, nói rằng : Ở Trung-
đô đã về đến Giang-lăng, nay, cuối tháng
xuân này sẽ có thể đi đến Qui-châu. Vừa
mừng, vừa tủi, cuộc sum-họp có thể chờ-
dợi. Làm thơ tả về việc đó, tình hiện ra lời.

*Em đã về Giang-phủ,
Khi nào tới Thiềm-châu ?
Loạn-ly phải chia bóng.
Sum-họp may khỏi đau.
Chớp-chớp giương mi mắt,
Ngày ngày tựa cửa lâu.
Thân già đành phó-thác.
Xương trắng khỏi lo-âu.*

PHẦN THỨ SÁU
THẤT NGÔN LUẬT

黃鶴樓 (崔顥)

HOÀNG HẠC LÂU (THÔI-HIỆU)

昔人已乘黃鶴(1)去,
Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
此地空餘黃鶴樓,
Thử-địa không dư Hoàng hạc lâu,
黃鶴一去不復返,
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản.

(1) Theo trong Tài-diệu-tập của Vi-Cẩn nhà Đường. thì chữ Hoàng-hạc này là tên một người tiên. Như thế thì nghĩa không thông. Vì vậy, có người ngờ hai chữ « Hoàng-hạc » ở đây, nguyên là hai chữ « Bạch-vân ». Nhưng cứ như sách Hoàn-vũ-ký đã nói, thì người cưỡi hạc qua đó là Phí-văn-Vi, không phải tên là Hoàng-Hạc. Vì vậy, nay theo những bản Đường-thi vẫn lưu-hành, đề nguyên hai chữ « Hoàng-hạc ».

白雲千載空悠悠，
Bạch vân thiên tải không du du,
晴川歷歷漢陽樹。
Tinh xuyên lịch lịch Hán-dương thụ.
芳草萋萋鸚鵡洲。
Phương-thảo thê thê Anh-vũ châu.
日暮鄉關何處是。
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
烟波江上使人愁。
Yên ba giang thượng xử nhân sầu.

TÌM ĐIỀN

1.) 黃鶴樓 *Hoàng-hạc-lâu* : Lầu Hoàng-hạc, đã
chưa ở trên.

2.) *Hán-dương* : Tên một xứ trên sông Dương-tử
trong tỉnh Hồ-bắc.

3.) 鸚鵡州 *Anh-vũ-châu* : Tên một khu bãi về
khúc sông của huyện Vũ-xương trong tỉnh Hồ-bắc. Cuối
đời Hán, Hoàng-Tồ làm chức thái-thú ở Giang-hạ,
con cả ông ta là Hoàng-Sạ mời nhiều khách vào trong
bãi ấy uống rượu. Giữa lúc ấy, có người dâng một con
anh-vũ, Nễ-Hành liền làm bài phú Anh-Vũ tả cảnh
cuộc hội-hợp đó. Từ đấy người ta mới gọi bãi ấy là bãi
Anh-vũ.

GIẢI NGHĨA

Bài này vừa hoài-cổ vừa tả cảnh một cuộc chơi lầu Hoàng-hạc. Đại-khai nói rằng : Vì có truyện Phi-văn-Vi sau khi thành tiên, thường hay cưới con hạc vàng vào đây nghỉ-ngơi, cho nên ở đây mới có lầu này. Nhưng mà Văn-Vi ngày xưa đã cưới hạc vàng đi rồi. Chỗ này chẳng qua chỉ còn trơ có lầu không. Và con hạc vàng từ khi đi khỏi, không thấy trở lại, nghìn năm đằng-dăng, trên lầu chỉ có mây trắng vờn-vờ, thật là một điều đáng khiến cho mình cảm-khái. Bây giờ mình đứng trên lầu, trông ra đằng trước, ánh nắng soi xuống lòng sông, cây-cối ở bến Hán-dương, đều rõ mồn-một ; trông ra đằng cạnh, cỏ thơm trong bãi Anh-vũ, cũng nhận thấy màu ngùn-ngụt xanh-tươi ; trời đã chiều rồi, riêng có quê-quán của mình, nhìn mãi chẳng thấy ở đâu. Vậy mà ở trên mặt sông, sóng đánh dập-dềnh, hơi khói bốc lên lò-mờ, như báo cho mình biết đã sắp-sửa tối, khiến cho mình thêm nhớ quê-hương, buồn-bực biết chừng nào !

DỊCH VĂN
Lầu Hoàng-hạc

Người xưa cười hạc đã lên mây.
Lầu Hạc còn xông với chốn này.
Một vắng, hạc vàng xa lánh hẳn,
Nghìn năm, mây bạc vẫn-vơ bay.
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hứng.
Xanh ngút châu Anh lớp cỏ dầy.
Trời tối, quê-hương đâu tá nhĩ ?
Đầy sông khói sóng gọi niềm tây.

* *

聞鄰家理箏 (徐安貞)

VĂN LÂN GIA LÝ TRANH (TỪ AN TRINH)

北 斗 橫 天 夜 欲 闌,
Bắc-đẩu hoành thiên, dạ dục lan,
愁 人 倚 月 思 無 端.
Sầu nhân ý nguyệt, tư vô đoan.
忽 聞 畫 閣 秦 箏 逸,
Hốt văn họa-các Tần tranh dật,
知 是 鄰 家 趙 女 彈.
Tri thị lân-gia Triệu nữ đàn.

曲 成 虛 憶 雙 蛾 歛,

Khúc thành, hư ức song nga liễm ;

調 急, 遙 憐 玉 指 寒.

Điệu cấp, dao liên ngọc chỉ hàn.

銀 鑰 重 關 聽 未 闌,

Ngân-thước trùng quan thính vị tịch,

不 如 眠 去 夢 中 看.

Bất như miên khứ mộng trung khan.

TÌM ĐIỀN

1) 秦 箏 *Tần-tranh* : Đàn tranh xứ Tần. Vì đàn tranh vốn là âm-nhạc của nước Tần, cho nên mới có tên ấy.

2) 趙 女 *Triệu-nữ* : Con gái xứ Triệu. Cờ-thi có câu : « *Yên Triệu đa giai-nhân, mỹ giả nhan như ngọc* » (nước Yên, nước Triệu nhiều con gái, kẻ đẹp mặt trắng như ngọc). Vì vậy, khi nói đến con gái đẹp, người ta hay dùng chữ Triệu-nữ.

GIẢI NGHĨA

Bài này, tác-giả tự tả tâm-lý của mình khi nghe người con gái ở nhà láng-giềng gảy đàn tranh. Lúc ấy, sao bắc-đầu đã lên ngang trời, đêm khuya lắm rồi. Tác-giả đương ngồi ở dưới bóng trăng, lòng sầu vơ-vẩn không có manh-mối nào cả. Chợt ở từng gác bên cạnh, có tiếng đàn tranh đưa sang. Nghe ngón đàn biết rõ là đàn

của người con gái nhà láng giềng. Vì thích đàn quá, cho nên, khi nàng gảy hết một khúc, thì mình lại đoán phỏng rằng : chắc nàng đang buồn-bực mà chau đôi mày ngài ; và khi dịp đàn gảy mau, thì mình lại thương cho ngón tay trắng như ngọc của nàng đang bị tê-dại, rá-lạnh. Bởi yêu đàn, thành ra lại yêu đến người gảy đàn, muốn được gặp ngay mặt nàng. Nhưng vì cái chỗ nàng ở, còn cách mấy lần then khóa, tuy đêm sắp sáng, mà lắng tai nghe mãi, then-khóa vẫn không thấy mở. Cái sự thức mà gặp nàng, chắc không thể được, bắt nhược ngủ đi, để tìm nàng ở trong giấc mộng.

DỊCH VĂN

Nghe nhà láng-giềng dạo đàn tranh

*Ngang trời sao đầu giục đêm thâu,
Dưới nguyệt, người đương vẫn mỗi sầu.
Lưng gác, bỗng nghe đàn dạo phím,
Đường tơ, nhận rõ ở bên lầu.
Mày ngài hăn ủ, khi bài trọn,
Tay ngọc dường tê, lúc điệu mau.
Lắng mãi, khóa then còn chưa mở,
Ngủ đi, trong mộng thử tìm nhau.*

曲江 (杜甫)
KHÚC GIANG (ĐỖ PHỦ)

一片飛花減却春,
Nhất phiến phi hoa giảm khước xuân,
風飄萬點正愁人,
Phong phiêu vạn điểm chính sầu nhân,
且看欲盡花經眼,
Thả khan dực tận hoa kinh nhơn.
莫厭傷多酒入唇.
Mạc yếm thương đa tửu nhập thân,
江上小堂巢翡翠,
Giang thượng tiểu đường sao phỉ-thúy.
苑邊高塚臥麒麟,
Uyền biên cao chủng ngọa kỳ lân.
細看物理須行樂,
Tế khan vật lý tu hành lạc,
安用浮名絆此身?
An dụng phù danh bấn thử thân?

TÌM ĐIỂN

曲江 Khúc-giang : Tên một con sông ở phủ Tây-an do vua Vũ-đế nhà Hán đào ra. Nhà Đường đóng đô ở Tây-an, cho nên sông ấy thành ra một nơi thắng-cảnh. Trong tiết thương-tị tháng ba, nhiều người tới đó du-thưởng, có khi nhà vua cũng cho quần-thần ăn tiệc tại đó.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả tự tả tâm-lý chán đời của mình trong khi chơi ở Khúc-giang. Ý nói : Một cánh hoa rụng, ngày xuân đã kém đi. Nếu đến hàng muôn bông hoa hay ở trước gió, thì xuân đã hết, đáng buồn cho người ta lắm. Cho nên, coi những bông hoa ở trước mắt mình đang sắp rụng hết, thì cũng đừng ngại những khi buồn-bực mà phải đưa rượu vào môi. Kìa, cái nhà nho-nhỏ trên sông, không có người ở, chim chả đã làm tổ ở dưới thềm ; cái mả bên vườn Phu-dung, (nơi gần với Khúc-giang), không có ai coi, con kỳ-lân bằng đá đã bị đồ lăn ra đó. Coi đó thì biết, đời người không mấy, phú-quí chẳng được bao lâu, bất nhọc ta cứ vui-chơi đi đã. Cần gì đến những tiếng-tăm hão-huyền, thêm bận cho cái thân mình.

DỊCH VĂN

Khúc-giang

*Hoa bay một cánh kém xuân rồi
Gió dạt muôn bông... thật náo người !
Hãy ngắm tả tơi hoa trước mắt,
Chớ nề be-bét rượu mềm môi,
Dưới thềm chả để, nhà chi tá ?
Bên dậu nghề nằm, mộ của ai ?
Vật-lý đường này, vui cũng phải.
Cần chi tiếng hão bận cho đời ?*

秋興 (杜甫)
THU HƯNG (ĐỖ PHỦ)

玉露凋傷楓樹林，
Ngọc-lộ điêu-thương phong thụ lâm,

巫山，巫峽氣蕭森。
Vu sơn, Vu-giáp khí tiêu-sâm.

江間波浪兼天湧，
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,

塞上風雲接地陰，
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

叢菊兩開：他日淚，
Tùng cúc lưỡng khai : tha nhật lệ,

孤舟一繫：故園心，
Cô chu nhất hệ : cố viên tâm.

寒衣處處催刀尺，
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,

白帝城高急暮砧，
Bạch-đế thành cao cấp mộ châm.

GIẢI NGHĨA

Bài này tác-giả làm ra trong khi đứng ở mặt thành Quì-châu, nhìn ra phong-cảnh bốn bề. Lúc ấy, sương-móc sa xuống, lá phong trong rừng đã

thấy úa-vàng ; trên giầy Vu-son, bóng tối mịt-mù, đủ tỏ khí-hậu rét lắm. Ở nẻo xa-xa, trong lòng sông, làn sóng cồn-cộn liền nơi chân trời, trên ngọn ải, bóng mây lơ-mờ tiếp với mặt đất. Thành linh nghĩ đến cảnh mình, tác-giả sức nhớ mình đã lênh-dênh dặt khách đến hai năm trời, khóm-cúc ở nhà, chắc đã hai lần nở hoa, sau này về nhà trông đến những cây cúc ấy, chắc phải xót cảnh lưu-lạc mà giở nước mắt. Bây giờ tạm chú ở đây, không phải là sự lâu-dài chắc-chắn, cho nên mình cứ luôn luôn nhớ đến quê-hương, cái lòng mong-mỏi cố-viên của mình, chẳng khác gì một chiếc thuyền lênh-dênh giữa sông, mong có một lúc buộc lại. Nhưng cái ngày ấy biết là ngày nào ? Hiện nay, mùa thu sắp hết, mùa rét sắp đến, trên thành Bạch-đế, mỗi lúc trời chiều, tiếng trầy đập vải đã thấy dộn-dịp, mau-kíp, như dục những người quen việc kéo-thước phải sắm áo lạnh. Đáng buồn vô cùng !

DỊCH VĂN

Thu hứng

Vàng-úa rừng phong, hạt móc bay,

Non Vu hiu-hắt phủ hơi may.

Giòng sông cồn-cộn, trời tung sóng,

Ngọn ải mờ-mờ, dặt rợp mây,

Lệ tử : sợ coi chòm cúc nở.
Lòng quê : mong buộc chiếc thuyền đầy.
Giục ai kéo-thước lo đồ lạnh,
Đập vãi trời hôm rộn tiếng trầy.

*
* *

劉阮遊天台 (曹唐)

LƯU NGUYỄN DU THIÊN-THAI (TÀO ĐƯƠNG)

樹入天台石路新,
Thụ nhập Thiên-thai thạch lộ tân,
雲和, 草靜, 無塵
Vân hòa, thảo tĩnh, quỳnh vô trần.
烟霞不省生前事,
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự.
水木空疑夢後身.
Thủy mộc không nghi mộng hậu thân.
往往鷄鳴巖下月,
Vãng vãng kê minh nhâm hạ nguyệt,
時時犬吠洞中春.
Thì thì khuyển phệ động trung xuân.
不知此地歸何處,
Bất tri thử địa qui hà xứ,
須就桃源問主人!
Tu tỵ Đào nguyên vấn chủ-nhân!

TÌM ĐIỀN

1.) 劉, 阮 *Lưu, Nguyễn* : Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu. Sách Thần-tiên-truyện chép rằng : Trong đời Vĩnh-bình nhà Hán, nhằm tết Đoan-ngọ, Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu vào núi Thiên-thai hái thuốc. Đường đi xa quá, lỡ bị hết lương, trông trên đầu núi thấy có cây đào, quả đào đã chín, hai người cùng lên trèo ăn. Lúc xuống núi, thấy dòng nước trong núi chảy ra có lẫn những hạt cơm vừng, hai người bảo nhau : « Chắc là cách chỗ người ở không xa nữa. » Rồi lại vượt qua một trái núi nữa, thì thấy hai người con gái rất đẹp ra đón. Trông hai chàng, hai nàng gọi luôn tên họ, giống như biết nhau từ xưa. Và lại hỏi rằng : « Làm sao mà đến muện thế ! » Rồi hai nàng mời luôn hai chàng về nhà. Trong nhà, quần áo giường màn và đồ trang-sức rất là choáng-loáng, nhưng không có người đàn-ông nào. Một lát, vừa đến bữa cơm, có cơm vừng và nem dê rừng, vị rất ngon. Tiếp đó, có mấy người khách cùng vào, mỗi người cầm một quả đào đưa hai nàng và nói : Xin mừng rằm mới. Rồi ai nấy đều giở âm-nhạc làm vui. Đến tối, các khách trôi hết, hai chàng ngủ luôn tại đó và trong đêm ấy, thì cùng hai nàng làm lễ vợ chồng. Ở đó nửa năm, khí trời lúc nào cũng như tháng hai tháng ba, tiếng chim kêu rất buồn-bã. Hai chàng nhớ nhà, đòi về. Hai nàng lưu lại không được, buồn-rầu và nói : « Hai chàng đến đây, cũng nhờ hồng-phúc kiếp trước để lại, nên được kết-duyên với các tiên-nữ. Nhưng vì tội-nghiệp chưa hết, cho nên các chàng mới thế. » Rồi hai nàng đưa hai chàng về. Các tiên đều có bài hát tiễn chân. Hai chàng ra khỏi cửa động, đi

không xa mấy. đã thấy tới đường cái lớn. Về đến làng, chẳng còn ai biết, chỉ có người cháu bảy đời nói rằng : hần có nghe nói cụ tổ lâu đời vào núi hái thuốc rồi không về nữa. Hai chàng trơ-vơ không chỗ nương-tựa, muốn trở về nhà người con gái, nhưng không nhớ đường. Đến năm thứ tám hiệu Thái-Khang nhà Tấn, thành-linh thấy mất chỗ ở của hai chàng ấy.

桃源 *Đào-nguyên* : Suối hoa đào. Đào-Tiềm nhà Tấn có bài ký về suối hoa đào nói rằng : Khi trước ở miền Vũ-lăng có người thuyền chài chở thuyền theo suối ngược lên, qua một rừng hoa đào, thì gặp những người đời trước trốn loạn nhà Tần vào ở trong đó. Sau khi ra rồi, người thuyền chài lại muốn dắt cho người khác đến đó, nhưng quên mất đường. Vì vậy, người ta hay dùng chữ Đào-nguyên để nói những người ẩn-dật hay người tu tiên.

GIẢI NGHĨA

Bài này và bốn bài dưới đây, thấy trong tập thơ của Tào Đường, nhưng ở Đường-thi-cổ-xúy, Hách-Thiên-Đỉnh lại để làm của Tống-Ung. Thực ra cũng chưa biết đích của ai. Cả năm bài đều là loại thơ *du-tiên*, mô-tả phỏng chừng sự gặp-gỡ và sự cách biệt giữa Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu và hai nàng tiên ở núi Thiên-thai.

Bài này nói khi Lưu, Nguyễn bắt đầu tới núi Thiên-thiên. Hai chàng theo khe cây-cối mà vào

dần-dần. Hình như ở đây ít người đi đến, cho nên những đoạn đường đá hải còn mới nguyên. Càng vào, càng thấy hơi mây êm-ấm, bóng cỏ im-lặng, cả vùng không có mảy bụi, khiến cho hai chàng nhìn bóng khói-dáng, quên hết những việc đã qua, trông thấy khe-suối và cây-cối, tưởng như mình mới chiêm-bao tỉnh giấc. Vào quá bên trong, thỉnh-thoảng lại nghe có tiếng gà gáy và tiếng chó sủa. Vì không biết nơi ấy là nơi nào, và hai chàng ngờ là một xứ thuộc động Hoa-đào, nên muốn tìm đến suối Hoa-đào, hỏi ai là chủ cái giang-sơn kỳ-dị ấy.

DỊCH VĂN

Lưu, Nguyễn chơi núi Thiên-thai

*Khe cây, lối đá nhận đường vào,
Hoa-cỏ không vương mảy bụi nào.
Nhìn bóng dáng mây quên việc trước,
Trông chiều cây-nước ngỡ chiêm-bao.
Sườn non trắng dải, gà đưa gáy,
Cửa động xuân qua, chó đón chào,
Muốn biết về đâu, non-nước ấy.
Hỏi thăm, nên tới suối Hoa-đào !*

劉阮洞中遇仙人
LƯU NGUYỄN ĐỘNG TRUNG NGỘ
TIÊN NHÂN

天和樹色靄蒼蒼。

Thiên hòa thụ sắc ái sương-sương.

霞重，嵐深，路渺茫，

Hà trọng, nham thâm, lộ điều-mang.

雲竇滿山無鳥雀，

Vân đẩu mãn sơn vô điều tước,

水聲沿澗有笙簧。

Thủy thanh duyên giản hữu sinh hoàng.

碧沙洞裏乾坤別，

Bích sa động lý kiến khôn biệt,

紅樹枝邊日月長。

Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường.

願得花間有人出，

Nguyên đắc hoa gian hữu nhân xuất,

免令仙犬吠劉郎。

Miễn linh tiên khuyển phệ Lưu-lang.

GIẢI NGHĨA

Bài này nói Lưu Nguyễn đã vào tới cửa động.
Ở đây bầu trời, bóng cây, một màu xanh biếc,

hơi khói nặng-nề, đường đi mù-mịt, trông như rất xa. Trên núi, bóng mây dùn-dùn kéo lên, như có hang tuôn ra mây, không thấy bóng con chim nào. Ngoài núi, nước chảy xuống khe, tiếng kêu réo rất như tiếng kèn-sáo. Lạ hơn nữa, trong này, màu cát xanh biếc, lá cây đỏ thắm, không như những nơi ở ngoài. Hai chàng tưởng như chỗ này riêng một trời đất, ngày tháng chắc cũng dài hơn mọi nơi. Giữa lúc bối ngỡ, ai nấy đều ước-ao rằng : Nếu trong đám hoa, được có người nào ra đó giữ cho con chó nhà tiên khỏi sủa chúng ta thì may-mắn biết chừng nào !

DỊCH VĂN

Lưu Nguyễn, trong động gặp nàng tiên

*Xanh ngắt màu cây lẫn sắc trời,
Mịt-mù khói tỏa nẻo xa-khơi.
Bóng mây đây núi, chim khôn đậu ?
Tiếng nước quanh khe, sáo đục hồi.
Trong động cát xanh, trời đất lạ.
Bên cây lá thắm, tháng ngày dài.
Dưới hoa ước có ai ra đó.
Đề chó nhà tiên khỏi sủa người !*

仙子送劉阮出洞

TIÊN TỬ TỔNG LƯU NGUYỄN XUẤT ĐỘNG

殷勤相送出天台，

Ân cần tương tống xuất Thiên thai,

仙境那能却再來？

Tiên cảnh na năng khước tái lai ?

雲液既歸須強飲！

Vân dịch ký qui tu cường ẩm !

玉書無事莫頻開！

Ngọc thư vô sự mạc tần khai !

花當洞口應長在，

Hoa đương động khẩu ưng trường tại,

水到人間定不回。

Thủy đáo nhân gian định bất hồi,

惆悵溪頭從此別，

Trù trướng Khê đầu tòng thử biệt

碧山明月照蒼苔。

Bích sơn minh nguyệt chiếu sương đài.

GIẢI NGHĨA

Bài này nói Lưu Nguyễn từ-biệt động tiên, Hai nàng tiên ân-cần tiễn chân hai chàng ra khỏi núi Thiên-thai và cùng than-thở : « Đã lên tới đây mà lại trở về, thì cái cõi tiên này, khó lòng

lại tới được nữa. Hể về tới nhà, bầu rượu đem theo phải nên cố uống, để giữ thân-thể, vì nó là thuốc trường-sinh của nhà tiên. Giấy má của trong động này, những lúc không việc can-hệ, thì đừng mở ra luôn-luôn, vì sợ tiết lộ công-việc mầu-nhiệm của cõi tiên. Hai chàng tới đây, đáng-lẽ cũng như bông hoa cửa động, còn được tươi mãi, bây giờ dứt tình mà về, chẳng khác giọt nước đã xuống trần-gian, không bao giờ mà chảy lên nữa. Thật là một đáng tiếc. » Thế rồi, ra đến đầu núi, hai chàng từ-giã đi xuống, hai nàng còn đứng ngơ-ngẩn trông theo. Bấy giờ ánh trăng trên ngọn núi biếc dương lấp-lánh soi xuống lớp rêu xanh.

DỊCH VĂN

Hai nàng tiên đưa Lưu Nguyễn ra động

Cửa non một bước một bụi người :

Hồ dễ non tiên lại lạc vời ?

Bầu rượu, khi về nên gượng uống !

Tờ mây, lúc rảnh chớ năng coi.

Bông hoa trong động nên còn mãi,

Giòng nước vòng trần chỉ chảy xuôi.

Ngơ-ngẩn đầu non, đôi ngả rẽ.

Cồn rêu man-mác bóng trăng soi.

仙子洞中有懷劉阮

TIÊN TỬ ĐỘNG TRUNG HỮU HOÀI

LƯU NGUYÊN

不將清瑟理霓裳。

Bất tương thanh sắt lý Nghê thường.

塵夢那知鶴夢長！

Trần mộng na tri hạc mộng trường !

洞裏有天春寂寂，

Động lý hữu thiên xuân tịch tịch,

人間無路月茫茫。

Nhân gian vô lộ nguyệt mang mang.

玉沙瑤草沿溪碧。

Ngọc sa đào thảo duyên khe Bích,

流水桃花滿澗香。

Lưu thủy đào hoa mãn giản hương.

曉露，風燈易零落。

Hiếu lộ, phong đăng dị linh lạc.

此生無處問劉郎！

Thử sinh vô xứ vấn Lưu-lang !

TÌM ĐIỀN

霓裳 Nghê-thường : Tên một khúc nhạc. Theo trong Đường-thư, khúc này nguyên của phái Bà-la-môn,

ở xứ Tây-lương truyền lại. Đến đời nhà Đường, viên tiết-độ-xứ ở Hà-tây là Dương-kính-Thuật chép được dâng lên. Minh-hoàng sửa lại lời ca, và đặt tên là khúc Nghê-thường vũ-y. Lại có chỗ nói : Khi Diệp-Pháp-Phổ đưa Minh-hoàng lên chơi cung nguyệt, được nghe khúc ấy. Lúc về, Minh-hoàng còn nhớ và chép ra được một nửa, vừa gặp khúc nhạc của xứ Tây-lương dâng về, tiếng và điệu cũng âm-hợp với khúc ấy, vì thế Minh-hoàng mới đem hợp với cái khúc mình đã nghe được ở cung nguyệt mà sửa thành lời.

GIẢI NGHĨA

Bài này nói hai nàng tiên tưởng-nhớ Lưu Nguyễn. Sau khi Lưu Nguyễn về rồi, hai nàng không hề lựa đến khúc Nghê-thường và thường nghĩ rằng : Hai chàng ở dưới cõi tục, có biết sao được giấc mộng của nhà tiên dài hơn giấc mộng của người trần, thì sự mong nhớ của mình cũng thiết-tha, hơn hai chàng. Bây giờ trông ở trong động, ngày xuân vắng-vẻ, nhìn xuống cõi người, bóng nguyệt mờ-màng. Lại thêm ngọn cỏ ở bờ khe vẫn xanh-biết, hoa đào trong suối vẫn ngào-ngạt mùi hương, phong-cảnh không khác ngày xưa, mà hai chàng thì không thấy đâu, thật đáng khiến cho người ta buồn-rầu vô-hạn. Huống chi, cái kiếp người trần, chẳng qua như ngọn đèn trước gió, hạt móc sáng mai, thọ-mệnh không

được mấy chốc. Thế thì trong cái kiếp này, thật
không còn chỗ nào mà tìm được chàng,

DỊCH VĂN

Nàng tiên trong động nhớ Lưu Nguyễn

Ngón đàn biếng lựa khúc Nghê-thường.

Ai biết hồn ai những vấn-vương ?

Trời khóa non tiên xuân quạnh-quẽ.

Đường đi cõi tục nguyệt mờ-màng.

Men khe, lá cỏ bơ-thờ biếc,

Đầy suối, hoa đào bát ngát hương,

Đền gió, sương mai nào mấy chốc,

Kiếp này khôn chỗ hỏi tin chàng.

劉阮再到天台不復見諸仙子

LƯU NGUYỄN TÁI ĐÁO THIÊN THAI,

BẤT PHỤC KIẾN CHƯ TIÊN TỬ

再 到 天 台 訪 玉 真.

Tái đảo Thiên-thai phỏng ngọc-chân.

蒼 苔, 白 石 已 成 塵,

Sương đài, bạch thạch dĩ thành trần,

笙 歌 寂 寞 聞 深 洞,

Sinh ca tịch mịch nhân thâm động,

萬 樹 蕭 條 絕 舊 鄰,

Vân hạc tiêu điều tuy cựu lân,

草 樹 總 非 前 度 色.

Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc.

烟 霞 不 似 往 年 春,

Yên hà bất tự vãng niên xuân,

桃 花 流 水 依 然 在,

Đào hoa lưu thủy y nhiên tại.

不 見 當 時 勸 酒 人.

Bất kiến đương thì khuyến tửu nhân

TÌM ĐIEN

玉 眞 *Ngọc-chân* : Tên một người tiên, tác-giả mượn để chỉ vào hai nàng tiên ở Thiên-thai.

GIẢI NGHĨA

Bài này nói Lưu Nguyễn lại đi tìm các nàng tiên. Từ khi về nhà, hai chàng cùng nhớ hai nàng và cùng lên núi Thiên-thai để thăm hai nàng. Nhưng khi tới nơi, đá trắng, rêu xanh ở cửa động đã bị bụi phủ, trong hang sâu không còn tiếng đàn hát; bóng mây, chim hạc của nhà lán giếng ngày xưa cũng thấy tiêu-diêu, và nhà lán giếng đã đi đâu mất, cho đến cỏ, cây, mây, dáng

cũng khác hẳn màu vẽ năm xưa. Riêng có giòng
suối hoa đào, là chỗ mình thường ngồi ở trên bờ
uống rượu, vẫn còn như cũ, nhưng cái người chuốc
rượu cho mình ngày xưa thì chẳng thấy đâu !

DỊCH VĂN

**Lưu Nguyễn lại lên núi Thiên-thai, không
gặp các nàng tiên**

*Non Thai lối cũ, hỏi người xưa,
Đá trắng, rêu xanh những bụi-dơ,
Quạnh-quẽ hang sâu, đàn hát vắng,
Đìu-hiu xóm cũ, hạc mây thừa.
Cỏ cây thay hẳn màu năm trước,
Mây dáng còn đâu vẽ bấy giờ !
Hờ-hững hoa đào theo nước suối,
Nào người kèc-chuốc lúc say-sưa !*

THE HISTORY OF THE
CITY OF LONDON
FROM THE FOUNDATION
TO THE PRESENT TIME

BY JOHN STOW

IN THREE VOLUMES
THE FIRST VOLUME

CONTAINING THE
HISTORY OF THE
CITY OF LONDON
FROM THE FOUNDATION

TO THE PRESENT TIME
BY JOHN STOW

IN THREE VOLUMES
THE FIRST VOLUME

CONTAINING THE
HISTORY OF THE
CITY OF LONDON
FROM THE FOUNDATION

TO THE PRESENT TIME
BY JOHN STOW

IN THREE VOLUMES
THE FIRST VOLUME

CONTAINING THE
HISTORY OF THE
CITY OF LONDON
FROM THE FOUNDATION

TO THE PRESENT TIME
BY JOHN STOW

IN THREE VOLUMES
THE FIRST VOLUME

CONTAINING THE
HISTORY OF THE
CITY OF LONDON
FROM THE FOUNDATION

TO THE PRESENT TIME
BY JOHN STOW

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	7
Lược-sử những thi-sĩ có thơ trích trong tập này	17
Cảm-ngộ (<i>Trần-tử-Ngang</i>)	27
Xuân nhật túy khởi ngôn chí (<i>Lý-Bạch</i>)	23
Xuân tứ (<i>Lý-Bạch</i>)	32
Thạch-hào-lại (<i>Đỗ-Phủ</i>)	34
Tân hôn biệt (<i>Đỗ-Phủ</i>)	39
Khương thôn (<i>Đỗ-Phủ</i>)	45
Xuân giang hoa nguyệt dạ (<i>Trương-nhược-Hư</i>)	49
Thục đạo nan (<i>Lý-Bạch</i>)	57
Tương tiến tửu (<i>Lý-Bạch</i>)	68
Ai giang đầu (<i>Đỗ-Phủ</i>)	73
Tiết phụ ngâm (<i>Trương-Tịch</i>)	79
Tự quân chi xuất hĩ (<i>Trương-cửu-Linh</i>)	83
Dịch thủy tống biệt (<i>Lạc-tân-Vương</i>)	84
Nam hành biệt đệ (<i>Vi-thừa-Khánh</i>)	86
Ưc Đông-sơn (<i>Lý-Bạch</i>)	87
Độc tọa Kính-đình-sơn (<i>Lý-Bạch</i>)	89
Tính dạ tứ (<i>Lý-Bạch</i>)	90
Xuân hiều (<i>Mạnh-hạo-Nhiên</i>)	91
Ban-Tiếp-thư (<i>Vương-Duy</i>)	93
Điều minh giản (<i>Vương-Duy</i>)	94
Trường can hành (<i>Thôi-Hiệu</i>)	95
Y châu tự (<i>Vô-danh-thị</i>)	98
Cổ hành cung (<i>Nguyễn-Chân</i>)	100
Bái tân nguyệt (<i>Lý-Đoan</i>)	101
Âm tửu khán mẫu đơn (<i>Lưu-vũ-Tích</i>)	102
Lương-châu từ (<i>Vương-Hân</i>)	105
Thanh-bình-diệu (<i>Lý-Bạch</i>)	107

	Trang
Hoàng - hạc - lâu tổng Mạnh - hạo - Nhiên chi	
Quảng-lăng (Lý-Bạch)	112
Điện tiền khúc (Vương-xương-Linh)	113
Tây cung xuân oán (Vương-xương-Linh)	116
Tây cung thu oán (Vương-xương-Linh)	117
Trường tín thu từ (Vương-xương-Linh)	119
Khuê oán (Vương-xương-Linh)	121
Tổng Nguyên-Nhị sứ An-tây (Vương-Duy)	122
Sơn phòng xuân sự (Sầm-Tham)	123
Phong-kiều dạ bạc (Trương-Kế)	126
Hoài-thượng biệt hữu-nhân (Trịnh-Cốc)	127
Bạc Tần-hoài (Đỗ-Mục)	128
Xích-bích hoài cồ (Đỗ-Mục)	130
Giã-vọng (Vương-Tích)	133
Tòng quân hành (Dương-Quỳnh)	135
Qui chung nam-sơn (Mạnh-hạo-Nhiên)	138
Tổng hữu nhân nhập Thục (Lý-Bạch)	140
Đắc xá-đệ Quan-thư, (Đỗ-Phủ)	143
Hoàng-hạc lâu	147
Văn lân gia lý tranh (Tư-an-Trinh)	150
Khúc-giang (Đỗ-Phủ)	153
Thu hứng (Đỗ-Phủ)	155
Lưu, Nguyễn du Thiên thai (Tào Đường)	157
Lưu, Nguyễn động trung ngộ Tiên-nhân	161
Tiên tử tổng Lưu, Nguyễn xuất động	163
Tiên tử động trung hữu hoài Lưu, Nguyễn	165
Lưu Nguyễn tái đáo thiên thai, bất phục kiến chư tiên tử	167



GIỚI THIỆU

Sau cuốn « Đường Thi » này, TỦ
SÁCH TAO ĐẰN sẽ xuất-bản :

TÔI THẦU KHOÁN

hay là : Ba tháng ở Trung Hoa

của : LÊ - V A N - T R U Ờ N G



*Tác-phẩm này không phải là tiểu-thuyết, cái
tên sách đã nói rõ.*

*Đó là một thiên phóng-sự. Một quyển sách
vĩ-đại, hay vô cùng, có ích cho bạn đọc thanh-
niên lắm lắm.*

*Toàn những việc thực, chuyện thực tác-giả
đã sống, mới sống hồi gần đây, trong ba tháng
trên đất Tàu.*

Có phụ in nhiều bức ảnh.

*Nhà tiểu-thuyết Lê-Văn-Trương đã tạm gác
bút trong ba tháng để sống cái đời thầu khoán,
một đời thầu khoán mạo-hiêm, vì việc thầu của*



tác-giả không phải là một việc thấu tâm-thường,
mà là việc thấu đầy khó-khăn, vô cùng nguy-
nan, nó đã đưa tác-giả vào một nơi núi rừng
hiểm-trở, đầy những giặc cỏ. Nếu không có
can-trường một nhà mạo-hiểm và cái lịch-duyet
« Mười năm luân-lạc » thì đã không dám làm,
và có lẽ đã không còn trở về được với bạn đọc.

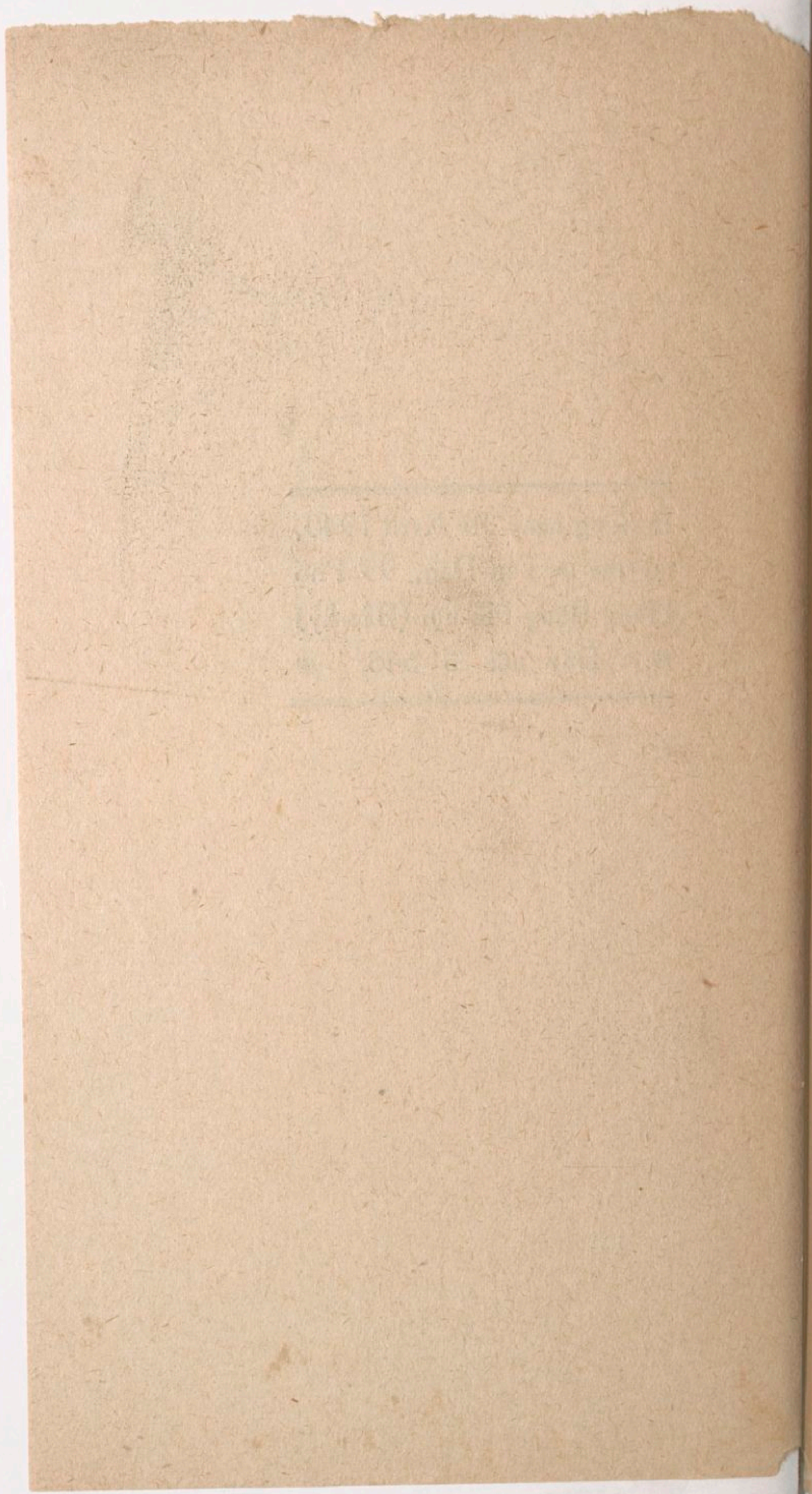
Các Ngài đọc « TÔI THẤU KHOÁN » sẽ
ham mê như đọc tiểu-thuyết của tác-giả, lại thêm
sự hồi-hộp do những việc mạo-hiểm thực đã
sống của tác-giả hồi gần đây.

Tủ sách Tao Đàn

In xong ngày 30 Avril 1940,
tại nhà in Tân-Dân, 93 Phố
Hàng Bông Hà-nội (Bắc-kỳ)

● Dây nói số 648 ●

• Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đăng) •



Traye 2000 x 1000
Hanoi 4 mai 1960

me

Giá bán 0\$60